

Số 190

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

*Màu mưa
ký ức*
Tr. 48

Tránh né cái ác
Tr. 18

**Giới cấm
thứ hai**
Tr. 4

Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập quận Tân Phú (02-12-2003 – 02-12-2013)

Niềm vui về

NGÔI BẢO THÁP XÁ-LỢI PHẬT



Tôn tượng Đức Phật và xá-lợi Phật ở tầng 7



Tôn trí Đại tạng kinh ở tầng 5



Thờ các vị Tổ sư và chư vị HT hữu công Phật giáo ở tầng 1



VN; HT.Thích Minh Nguyệt, Hội trưởng Hội PG Cứu quốc Nam Bộ; HT.Thích Thiện Hòa, Hội trưởng Hội Lục hòa Phật tử, Ủy viên Đoàn Chủ tịch UBTTƯ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam VN và sau giải phóng là Trưởng ban Trị sự THPG TPHCM. Tiếp nối công hạnh to lớn của chư vị Ân sư trong tông môn, HT.Thích Thiện Xuân luôn gắn bó với đạo pháp - dân tộc và cùng với Giáo hội đồng hành...

Bảo tháp xá-lợi Phật đã được khánh thành cũng là dịp đón mừng **Kỷ niệm 10 năm ngày thành lập quận Tân Phú (02-12-2003 – 02-12-2013)**. Chư Tăng Ni, Phật tử Q.Tân Phú vô cùng hoan hỷ đón chào và trân trọng kính chúc cho quận nhà ngày càng phát triển, thịnh vượng. Quý Phật tử hữu duyên được chiêm bái xá-lợi Phật, Đại tạng kinh là vun bồi công đức và trường dưỡng phước huệ cho bản thân. Sau khi con kênh Tân Hóa vắt ngang qua trước chùa Hạnh Nguyên được khai thông, tăng thêm vẻ đẹp mỹ quan, góp phần vào Bảo tháp xá-lợi Phật trở thành điểm hành hương tâm linh cho Phật tử gần xa.

Bài & ảnh: NGUYỄN BỔNG

Cúng tôi có phước duyên đến viếng chùa Hạnh Nguyên ở số 01 đường Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TPHCM và được chiêm bái xá-lợi Phật. Đây là một công trình to lớn được HT.Thích Thiện Xuân, Trưởng ban Trị sự GHPGVN Q.Tân Phú, viện chủ, xây dựng 6 năm qua mới hoàn thành với kinh phí 10 tỷ đồng. HT.Thích Đức Nghiệp, Phó Pháp chủ GHPGVN, trong **Lễ khánh thành Ngôi bảo tháp** đã tán thán và ghi nhận công đức HT.Thích Thiện Xuân dày công trong suốt quá trình xây dựng; và ông Lương Văn Quang, Chủ tịch UBMTTQVN Q.Tân Phú đánh giá: Đây là công trình mang giá trị tâm linh rất lớn, được đầu tư xây dựng rất công phu, là nét văn hóa đặc trưng của Phật giáo quận.

Tổng quan kiến trúc của Bảo tháp xá-lợi Phật gồm có 7 tầng, cao 34m, ở tầng 7: tôn trí tôn tượng Đức Phật và xá-lợi Phật cùng các họa

tiết cuộc đời của Ngài từ khi Đản sanh đến lúc Niết-bàn, tầng 5: tôn trí Đại tạng kinh, tầng 1: thờ các vị Tổ sư và chư tôn đức Hòa thượng hữu công với Phật giáo và các tầng khác thờ tôn tượng Đức Phật A Di Đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí... Trên các vách tường của 7 tầng tháp có 28 bức phù điêu chân dung của 28 vị Tổ sư Thiên tông Ấn Độ, truyền thừa từ Sơ tổ Ma Ha Ca Diếp đến Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma với nét khắc chạm tuyệt đẹp.

Được biết, chánh điện sẽ tôn trí thêm 18 tôn tượng La-hán. Và qua tiếp xúc với HT.Thích Thiện Xuân, chúng tôi được nhận rõ thêm về sự gắn bó, phát triển và đồng hành của Phật giáo cùng với dân tộc qua hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Công đức cao dày luôn tỏa sáng của các bậc cao tăng Thiên Thai Thiền Giáo tông như: HT.Thích Minh Đức, Viện trưởng Viện Hoàng đạo Giáo hội PG Cổ truyền



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Giới cảm thứ hai (Nguyên Cẩn)	4
Hành trạng Thiền sư Tinh Chúc Đạo Chu qua hai tấm bia chùa Bằng (Thích Đồng Dưỡng)	8
Tìm manh mối Trúc Lâm Đại Sĩ Xuất Sơn Đồ qua một bài thơ viết về Trần Quang Triều (Võ Phước Lộc)	12
Lược sử sông Bồ (Xuân Trường-Thiên Thu)	15
Tránh né cái ác (Nguyên Liễu)	18
Tin nhân quả, tạo phước đức, sống chân thường (Nguyễn Thế Đăng)	21
Chuyện con vẹt biết niệm Phật (Hương Đức)	23
Nét đẹp trong mâm cỗ chay xứ Huế (Nguyễn Trọng Nghĩa)	26
Người nữ trong đạo Phật (Mộc Lan)	28
Phía sau bóng mặt trời (Lam Khê)	30
Cây ăn quả trên đường phố (Cao Huy Hóa)	32
Về việc thờ cúng tinh linh Dorje Shugden trong Mật giáo Tây Tạng (Hồng Điệp)	34
Nhận qua sông bóng còn in trên mặt nước (Hồ Sĩ Bình)	37
Về Tổ đình Sắc tứ Từ Quang thăm vườn xoài Đá Trắng (Trí Bửu)	40
Từ múa Rô-băm đến diễn xướng Dù-kê của người Khmer Tây Nam Bộ (Trần Minh Thương)	42
Dì tôi (Lê Thị Kiều My)	44
Bà tôi (Nguyễn Mạnh Hùng)	46
Màu mưa ký ức (Phong Trưởng Tử)	48
Chiếc xe ngựa của chú tôi (Trà Kim Long)	50
Thơ (Kim Hoa, Nguyễn Dũng, Phan Thành Minh, Nguyễn Bội Nhiên, Trường Khánh, Võ Bá, Tương Giang)	52
Sóng vỗ lòng ai (Nguyễn Trọng Hoạt)	54
...thành Sơn... (Ngô Thản Chi)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Mưa... Nguồn: shutterstock.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đang gửi tặng lịch Giáp Ngọ 2014 đến quý vị độc giả đăng ký báo dài hạn, các đại lý và các điểm phát hành báo, các cộng tác viên thường xuyên, các vị ân nhân và thân hữu. Do khả năng tài chánh có hạn, chúng tôi không thể tặng báo đến toàn thể độc giả và toàn thể quý vị cộng tác viên như mong mỏi, cũng xin quý vị thông cảm. Sau khi lịch được phát hành, cũng có một số vị đến hỏi mua để làm quà tặng; rất tiếc, vì chúng tôi không có chủ trương bán lịch, nên không thể đáp ứng những yêu cầu đó và buộc lòng phải từ chối những tấm thịnh tình như vậy. Lịch năm nay mang chủ đề "Góp nhặt tinh hoa" với những hình ảnh biểu tượng là hoa và côn trùng, hàm ý VHPG luôn luôn tìm cách chuyển tải mọi điều hay lẽ phải xuất phát từ giáo lý của Đức Phật cũng như từ tư tưởng của những bậc thức giả, sao cho tinh hoa ấy được tỏa sáng, đóng góp cho đời để mọi người cùng chung tay trong việc xây dựng một xã hội hài hòa hiền thiện. Đây là một cố gắng lớn của VHPG trong lúc vẫn còn rất nhiều khó khăn về tài chánh, với mong ước nói lên được lòng biết ơn của chúng tôi trước sự ủng hộ tích cực của quý vị trong gần mười năm qua.

Một điều được toàn thể nhân viên VHPG ghi nhận với sự phấn khởi là thời gian gần đây, Tạp chí ngày càng nhận được sự cộng tác của nhiều người, chẳng những trên khắp mọi miền đất nước mà còn ở nhiều nơi trên thế giới. Trước hết, chúng tôi chân thành cảm ơn những vị đã quan tâm gửi bài đến cho VHPG; sau, chúng tôi cũng mong nhận được sự thông cảm của các tác giả có bài gửi đến mà chưa được đăng tải; hoặc vì trang báo có hạn, hoặc vì bài viết chứa đựng nội dung chưa phù hợp với chủ trương của Tạp chí. Với những tác giả có bài viết mang nội dung chưa phù hợp, chúng tôi thường cố gắng trả lời sớm; với những bài có thể đăng tải mà chưa kịp đăng, chúng tôi cũng đã thông báo; đặc biệt là thơ, chúng tôi nhận được rất nhiều thơ nhưng trang thơ chật chội, vì vậy khi biết bài đã được chọn, xin quý vị vui lòng chờ. Nhân đây cũng xin đề nghị quý vị, bài đã gửi cho VHPG, xin dành cho chúng tôi ba mươi ngày trước khi gửi đến các phương tiện truyền thông khác. Lại nữa, cũng xin quý vị cố gắng gửi bài cho tòa soạn qua phương tiện thư điện tử (e-mail) và không cần phải gửi thêm một bản in qua đường bưu điện. Riêng với những tác phẩm dành cho số báo đặc biệt mừng Xuân Giáp Ngọ 2014, chúng tôi vẫn tiếp tục nhận bài đến hết ngày 05-01-2014.

Kính chúc quý độc giả luôn đạt được niềm vui tự nội.

Văn Hóa Phật Giáo



**Do ly tham, bậc Đa văn Thánh đệ tử
được giải thoát. Nhờ giải thoát, vị ấy
biết rõ: “Ta đã chấm dứt chấp thủ”.**

***(Kinh Tương Ưng Bộ -
Phẩm Vô minh)***

Ảnh: **Tử Oanh**



Giới cấm thứ hai

NGUYỄN CÂN

Ham muốn tự ngàn xưa

Một vị cán bộ một ngành nhiều bổng lộc có lần nói với tôi: “Từ khi đọc sách Phật, biết ăn chay, tôi không nhận tiền bồi dưỡng của doanh nghiệp nào nữa, vì tôi thấy như vậy là phạm giới”. Tôi hỏi đùa: “Giới nào?”. Ông trả lời: “Giới thứ hai đấy!”. À ra thế! Vị cán bộ ấy hiểu việc nhận thứ tiền như vậy là không chân chính, giống như một hành vi cướp bóc tài sản của người khác.

Plato trong tác phẩm *Cộng hòa* (The Republic) đã bắt đầu tác phẩm với câu hỏi: “Thế nào là *dikaia*?” Tiếng Pháp và tiếng Anh dịch là justice, tiếng Việt là công bình. Chữ này trong tiếng Hy Lạp mang nhiều nghĩa: giữ gìn phong tục, bảo vệ tập quán, thi hành bốn phận, cư xử chính trực, ăn ở công minh, lương thiện, thành thật, đúng lý, phải lẽ, hợp pháp... bao gồm toàn bộ đạo đức cá nhân liên hệ với tha nhân. Công bình là đức tính cần có để sống trong cộng đồng... Cũng trong tác phẩm đó, Plato thể hiện sự lo sợ khi con người mê tín quyền lực sẽ đưa đến chế độ quả đầu (oligarchikos) còn gọi là chính thể thiếu số hay chính thể tập đoàn trong đó tiền sẽ là

thước đo duy nhất cho các giá trị xã hội, “... là cây cầu đưa tới chức vụ, làm nảy nở tinh thần chuộng tiền, dòng máu say của cải, tinh thần này như điều gặp gió lên cao khủng khiếp, lẽ phải và tinh thần như đầy tớ, nô lệ ngoan ngoãn cúi đầu, nâng bi thần tài... tình trạng vẫn đòi hỏi kèm chế lòng tham, song không đúng loại” (Plato – *Cộng hòa* – bản dịch Đỗ Khánh Hoan).

Để chống lại hay khắc phục tình trạng tham nhũng trong cơ quan công quyền, các nước đều có những quy tắc đạo đức. Mới nhất là thông tin được truyền đi bởi Đài Tiếng nói nước Nga đêm 16-1: Bộ trưởng Giao thông vận tải đường bộ và đường thủy Ba Lan Slawomir Nowak đã rời khỏi nội các vì một lý do đơn giản là ông đã không hay quên khai báo một đồng hồ đeo tay có trị giá khoảng 6.000 USD. Bản tin cho biết Phòng Công tố Ba Lan buộc ông Nowak đi đến quyết định từ chức sau khi khẩn trương xúc tiến quá trình tước quy chế bất khả xâm phạm nghị sĩ quốc hội của người này. Theo pháp luật, ông Nowak có trách nhiệm kê khai chiếc đồng hồ đeo tay của hãng nổi tiếng bởi nó có trị giá hơn 17.000

zlot, tương đương khoảng 6.000 USD vì lẽ pháp luật Ba Lan họ qui định, các quan chức Ba Lan phải kê khai các tài sản có trị giá trên 10.000 zlot. Một nghị sĩ Ba Lan là Andrzej Romanek đã phát hiện chiếc đồng hồ đắt tiền trên tay Bộ trưởng Nowak và viết thư thông báo điều này với Văn phòng Công tố. Người ta chợt nhớ chuyện gần đây, Thủ tướng Cộng hòa Czech, Petr Necas ngày 16/6 tuyên bố sẽ từ chức sau khi xảy ra một vụ bê bối tham nhũng lớn trong đó một trợ lý của ông bị kết tội nhận hối lộ. Phát biểu với báo giới sau khi bàn bạc với các đối tác trong liên minh trung hữu của mình tại thủ đô Prague, ông Necas nói: “Ngày mai tôi sẽ từ chức Thủ tướng. Tôi ý thức được *trách nhiệm chính trị của mình*”.

Vậy, vấn đề trách nhiệm chính trị ở đất nước ta đang có trạng thái thế nào?

Việt Nam đang ở đâu trong cuộc chiến chống tham nhũng?

Theo đánh giá của Tổ chức Minh bạch quốc tế, Việt Nam thuộc nhóm nước tham nhũng nghiêm trọng. Dù được ghi nhận là đã có những tiến bộ nhất định nhưng Việt Nam vẫn là những nước có điểm số thấp và đứng ở phía cuối bảng xếp hạng. Tham nhũng ở Việt Nam nghiêm trọng hơn so với Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Brunei, Malaysia, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... nhưng ít nghiêm trọng hơn Mông Cổ, Philippines, Lào, Nepal, Campuchia, Myanmar (?).

Theo báo cáo khảo sát toàn cầu của tổ chức này (khảo sát về quan điểm và trải nghiệm của người dân đối với tham nhũng), lòng tin của người dân vào các nỗ lực chống tham nhũng của chính quyền lại giảm sút đáng kể. Nếu như trong cuộc khảo sát tương tự năm 2010, chỉ có 35% người dân đô thị được hỏi tại năm thành phố lớn cho rằng các nỗ lực chống tham nhũng của chính quyền không hiệu quả, thì con số này đã tăng lên 60% vào năm 2013.

Đất nước ta vẫn có một hệ thống các văn bản pháp quy về phòng chống tham nhũng tương đối nhiều, có tổ chức bộ máy chống tham nhũng từ trung ương đến địa phương nhưng “tham nhũng chưa có dấu hiệu giảm”. Và thực sự, có vẻ việc giải quyết vấn đề được coi là “sống còn” này đang là chuyện đầu đầu của cả hệ thống chính trị.

Báo cáo của Chính phủ thừa nhận tham nhũng chưa có dấu hiệu giảm đồng thời cũng chưa chỉ ra được cụ thể tình hình tham nhũng xảy ra chủ yếu ở lĩnh vực nào; ngành nào, địa phương nào. Đây quả là điều đáng tiếc. Nó thể hiện bộ máy chống tham nhũng chưa thực sự hiệu quả.

Đã có rất nhiều giải pháp chống tham nhũng được đề ra, nhưng hầu hết đều mang tính hình thức, hiệu quả không cao, như các biện pháp chuyển đổi vị trí công tác, kê khai tài sản, tuyên truyền, trả lương qua tài khoản...

Lòng tham: cội nguồn của tội lỗi

Tại hội thảo “Vai trò của Quốc hội trong phòng chống tham nhũng” do Ủy ban Thường vụ Quốc hội tổ chức, ông Lê Văn Lân, Phó Chánh Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, đã có bài tham luận nêu lên thực trạng tham nhũng với những điểm chính:

Trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai tài nguyên khoáng sản, tham nhũng xảy ra trong việc quy hoạch và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu hồi đất nông nghiệp để xây dựng các khu kinh tế công nghiệp đô thị, giao đất và cho thuê đất, định giá đất khi thu hồi đền bù, cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản...

Trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng, có hiện tượng một bộ phận cán bộ trong ngành ngân hàng, nhất là các ngân hàng thương mại, tiếp tay, móc nối với người bên ngoài thông qua các hoạt động cho vay, bảo lãnh, cho thuê tài chính, đầu tư tài chính, ủy thác cho vay, ủy thác đầu tư... để chiếm đoạt tài sản, gây thất thoát lớn.

Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, phần lớn các công trình xây dựng đều xảy ra thất thoát tài sản, chủ yếu do tham ô và cố ý làm trái. Sai phạm xảy ra ở hầu hết các khâu, từ việc lập dự án, thiết kế, dự toán, phê duyệt kế hoạch cấp vốn đến đấu thầu, tư vấn, giám sát, thi công, nghiệm thu, quyết toán công trình.

Trong việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp, thủ đoạn tham nhũng chủ yếu là giấu bớt và định giá trị tài sản, đất đai thấp hơn giá trị thực khi cổ phần hóa hoặc bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp; lập các hợp đồng mua bán, vận chuyển hoặc hóa đơn khống để chiếm đoạt; nâng khống giá hoặc gửi giá khi mua bán tài sản công để trục lợi.

Trong công tác cán bộ, dư luận về tình trạng “chạy chức, chạy quyền, chạy công chức” vẫn còn nặng nề, nhưng trong thực tế chưa phát hiện, xử lý được trường hợp nào. Nhiều người nói rằng, hiện nay mọi thứ đều “có giá”, từ việc tuyển dụng, phân công công việc đến bổ nhiệm, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

Trong lĩnh vực tư pháp, hành vi tham nhũng chủ yếu là cán bộ tư pháp lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận hối lộ nhằm bỏ lọt hoặc giảm nhẹ tội phạm trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

Ngoài những lĩnh vực trên, tình trạng nhũng nhiễu còn khá phổ biến trong quan hệ giữa cơ quan Nhà nước và công chức Nhà nước với người dân và doanh nghiệp, giữa nhân viên các cơ sở dịch vụ công với khách hàng, như: cảnh sát giao thông, cán bộ thuế, các cơ quan cấp phép, cơ sở khám, chữa bệnh, các trường học... gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Khi công lý chưa được thực thi

Một vị đại biểu Quốc hội, ông Lê Nam, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa, cho rằng: “Báo

cáo về công tác phòng chống tham nhũng đặt ra cho chúng ta rất nhiều câu hỏi: Tại sao tham nhũng lại nhiều như vậy, trong khi rất ít lãnh đạo bị xử lý trách nhiệm, khởi tố? Tại sao xử án treo, chỉ để nghị xử lý hành chính... trong khi lẽ ra phải để nghị truy tố, xử lý hình sự? Tiếp xúc cử tri, chúng tôi biết người dân rất hoài nghi về công tác phòng chống tham nhũng... Người dân đang rất sốt ruột với cách chúng ta xử lý tham nhũng, đặc biệt là với những quan chức. Rất nhiều cử tri nói rằng chúng ta đang xử lý tham nhũng nhẹ hơn trước đây rất nhiều dù trước đây đâu có hô hào khẩu hiệu nhiều như hiện nay”.

Thực tế là dù pháp luật có rõ ràng thế nào đi nữa thì việc thực thi mới là quan trọng. Tuy Nhà nước có nhiều cơ quan chống tham nhũng nhưng mối quan hệ của các cơ quan ấy rất rời rạc và chưa đủ mạnh. Việc tăng cường chỉ đạo phòng chống tham nhũng tuy vẫn được hô hào thực ra cũng chỉ là những định hướng về mặt chủ trương thôi chứ chưa đi thẳng vào cụ thể. Cũng theo ông Lê Nam, vấn đề là không ai hay không cơ quan nào, kể cả Ban Nội chính, có “thượng phương bảo kiếm” để thi hành!

Tình hình tham ô ăn cắp của công, những nhiễu, bòn rút của dân, lãng phí tiền bạc, phương tiện của Nhà nước, quan liêu xa rời dân vẫn còn diễn ra nghiêm trọng, làm biến chất không ít cán bộ, đảng viên. Nhiều tổ chức kinh tế Nhà nước, cơ quan Nhà nước, bất chấp kỷ cương pháp luật, đã có những hành động tham ô, hối lộ, trốn thuế, lậu thuế làm thất thoát hàng tỷ, chục tỷ, trăm tỷ đồng mà tổ chức chính trị ở đó hầu như im lặng...

Nghị quyết Trung ương VI lần hai kêu gọi đẩy mạnh việc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu một cách có hiệu quả; nêu quyết tâm phải đánh thắng bằng được “giặc nội xâm” bằng giải pháp hàng đầu là nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân theo tư tưởng Hồ Chí Minh: “Dĩ công vi thượng”, phải nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trước quần chúng, của cấp trên trước cấp dưới, vì “thượng bất chính hạ tắc loạn”.

Cũng theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Nhưng mài không sáng thì phải “đập” thành đá thôi! Muốn vậy, phải dùng pháp luật, vì một khi sự hình thành và phát triển đạo đức cách mạng trên tinh thần tự giác tự nguyện, dựa vào chính lương tâm của mỗi người không có thì phải dựa vào sức mạnh dư luận của quần chúng và kỷ cương phép nước.

Một câu hỏi đang được đặt ra là: Vì sao càng chống tham nhũng mà tham nhũng vẫn không giảm, lại còn phát triển tinh vi hơn, diện hoạt động mở rộng hơn, nghiêm trọng hơn, nhất là trong xây dựng cơ bản? Có thể chỉ ra một trong những nguyên nhân là không dựa vào quần chúng và thiếu dân chủ. Theo tư tưởng

Hồ Chí Minh về việc chống tham ô lãng phí quan liêu thì “Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng thì mới thành công”. Cho nên, nếu không có dân chủ thực sự, không để “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra”, thì tình trạng tham nhũng sẽ di căn mãi sang những bộ phận kinh tế khác chứ không chỉ là xây dựng cơ bản hay đầu tư công mà thôi.

Tồn vong của Tổ quốc

Một nhận xét được nêu trong báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại tổ của Quốc hội về công tác phòng chống tham nhũng, vừa được gửi đến các vị đại biểu trước phiên thảo luận tại hội trường vào sáng 7-11-2013 cho biết, “... tình hình kinh tế suy thoái, khó khăn như hiện nay có nguyên nhân rất quan trọng do tình trạng tham nhũng tràn lan. Các công trình, dự án đều phải chạy chọt, bôi trơn giữa cán bộ có thẩm quyền và doanh nghiệp”.

Ông Antony Stokes, Đại sứ Vương quốc Anh tại VN cũng nêu thực tế, “Tham nhũng là thách thức với Việt Nam bởi “sức khỏe” của nền kinh tế sẽ bị ảnh hưởng của tham nhũng, khả năng phá hoại nền kinh tế của tham nhũng là rất lớn... Vì vậy, Chính phủ và doanh nghiệp cần phải chung tay chống lại nạn tham nhũng”. Phát biểu tại cuộc đối thoại, Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc khẳng định: “Chúng tôi luôn xác định công tác phòng, chống tham nhũng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội, trong đó cộng đồng doanh nghiệp giữ vai trò quan trọng”. Ông cho rằng doanh nghiệp là nạn nhân của tham nhũng. Doanh nghiệp phải đưa hối lộ vì sự nhiễu nhiễu của cán bộ, công chức trong các cơ quan công quyền là đúng nhưng chưa đủ tại Việt Nam. Còn một thực tế khác, đó là nhiều doanh nghiệp thường chủ động thực hiện hành vi hối lộ nhằm đạt được những lợi thế không chính đáng trong cạnh tranh trên thương trường hoặc để trốn tránh trách nhiệm pháp lý khi có sai phạm. Đặc biệt, khi tham nhũng, hối lộ được thực hiện với sự cấu kết giữa doanh nghiệp với các quan chức tha hóa, sẽ hình thành những “nhóm lợi ích thân hữu”, có khả năng tác động tiêu cực tới quá trình xây dựng và thực thi chính sách pháp luật, khi đó hậu quả càng thêm nghiêm trọng.

Việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng, theo nhiều đại biểu Quốc hội, là chưa nghiêm. Hiệu quả hoạt động của các đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng chưa đạt được yêu cầu. Thẩm quyền của cơ quan chống tham nhũng và Ban Chỉ đạo Phòng chống tham nhũng còn nhiều chồng chéo, khó khăn trong thực hiện, xây dựng công cụ quản lý tài sản, thu nhập của công dân Việt Nam, đặc biệt là cán bộ ở lĩnh vực dễ tham nhũng.

Có đại biểu yêu cầu những vụ tham nhũng lớn như Vinalines, Vinashin mà các cơ quan thanh tra, kiểm

toán vào cuộc trước đó đã không phát hiện sai phạm thì phải đặt lại vấn đề trách nhiệm của những hoạt động thanh tra ấy.

Tham nhũng đang gặm nhấm tài sản quốc gia, xói mòn lòng tin nhân dân và nguy hiểm nhất là ảnh hưởng đến cả sự tồn tại lâu dài của đất nước khi gánh nặng nợ công đòi hỏi rất cao tính hiệu quả trong sử dụng.

Giới thứ hai

Trở lại với vị cán bộ không nhận bồi dưỡng ở trên. Ta có thể thấy ông này hiểu tam quy ngũ giới, trong đó Giới thứ hai là Không tham lam trộm cắp, một giới mà người tu sĩ cũng như những người cư sĩ tại gia cần phải học hiểu và sống đúng.

Người trọng giới thứ hai này là người không tích lũy và không vơ vét những của cải tài sản và vật chất nói chung không do mồ hôi nước mắt của mình mà có... Pháp Phật dạy "*Ly dục ly ác pháp*" nên hạnh buông xả là hạnh rất cần thiết cho bốn chúng đệ tử của Phật. Nếu không sống đúng hạnh buông xả thì chẳng bao giờ tâm hết tham lam trộm cắp. Tâm không hết tham lam trộm cắp thì tu theo đạo Phật chẳng những hoài công vô ích, mà còn làm bại hoại lương tâm.

Người hành trì Phật pháp đều biết rõ tất cả các pháp trên thế gian này đều vô thường, không có một vật gì là thường hằng, vĩnh viễn, không có một thế giới nào là vĩnh cửu, chỉ do tưởng của con người tạo ra mà thôi. Hạnh buông xả giúp cho con người sống một đời sống trong sạch, không gian tham, tâm hồn thanh thản, an ổn. Từ những chuyện nhỏ như một công nhân ăn cắp vật trong xưởng làm, một ông bác sĩ đưa bệnh nhân từ bệnh viện công ra phòng mạch riêng để chữa, một anh công an giao thông nhận tiền thay vì phạt cho xe chở đồ lậu hay vi phạm luật an toàn... đến những khoản chi để nhận những dự án lớn hàng tỷ tỷ đồng... đều vi phạm giới.

Đức Phật cấm trộm cướp vì lẽ công bình. Chúng ta không muốn ai lấy của mình, tại sao ta lại muốn chiếm đoạt của người? Như vậy là thiếu công bình (justice). Một xã hội mà thiếu công bình thì không thể nào lành mạnh phát triển được. Ngoài ra, mỗi người đều có quyền mưu cầu hạnh phúc, tại sao ta lại muốn tước đoạt hạnh phúc người khác để cầu lợi lộc cho mình? Nói tóm lại, Phật giáo cấm trộm cướp là vì tôn trọng sự bình đẳng, còn với người hành trì theo Phật pháp thì đó là việc thực hiện chữ Xả (upeka) trong Tứ vô lượng tâm.

Trong nền kinh tế thị trường vốn là một đặc trưng thời đại và là nhu cầu phát triển xã hội loài người, giáo lý của Đức Phật có đóng góp gì cho sự ổn định xã hội? Chúng ta hãy ôn lại đoạn kinh *Không nợ* thuộc phẩm *Nghiệp công đức* trong chương *Bốn pháp* của *Tăng Chi Bộ*.

Kinh kể rằng Gia chủ Anathapindika (Cấp Cô Độc), một thương gia nổi tiếng thời Phật tại thế, đã được Đức Phật dạy về bốn loại an lạc liên quan đến tài sản. Đức



Phật nói, "*Có bốn loại an lạc này, này Gia chủ, người tại gia thọ hưởng các dục thân hoại được, tùy thời gian, tùy thời cơ khởi lên cho vị ấy. Thế nào là bốn? Lạc sở hữu, lạc thọ dụng, lạc không mắc nợ, lạc không phạm tội*". Ở đây chúng ta hiểu, lạc sở hữu là niềm vui có của cải, lạc thọ dụng là niềm vui trong việc sử dụng của cải, lạc không mắc nợ là niềm vui của việc không lo có người truy bức mình nhờ vào tình trạng mình không nợ nần ai cả, và lạc không phạm tội là niềm vui do mình không làm trái luật pháp, không xâm phạm xã hội và tha nhân.

Đức Phật giải thích rằng khi của cải có được nhờ vào sự nỗ lực tinh tấn làm việc, tích lũy được "*do sức mạnh cánh tay, do mồ hôi đổ ra đúng pháp, do thân hoại đúng pháp*" thì người có của cải ấy được hưởng một niềm vui an lành. Cũng vậy, người ấy có niềm vui khi hưởng thụ những tài sản mà mình đã tích lũy được đúng pháp, bằng chính công sức của mình. Trong việc hưởng thụ như vậy, người ấy không lo nợ đòi, không lo bị truy bắt vì phạm pháp.

Ở đây, ta thấy Đức Phật dạy rất rõ về Giới thứ hai nhằm hướng đến sự quân bình giữa đời sống vật chất và tinh thần. Sự phát triển về vật chất luôn phải song hành với sự tinh tấn về đạo đức và tâm linh để tâm hồn luôn an lạc. Từng cá nhân như thế sẽ tạo nên một xã hội hòa bình an lạc.

Dựa trên tinh thần ấy, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 từng nhấn nhủ: "*Nếu trong một xã hội mà mọi người chỉ nghĩ đến tiền bạc, uy quyền mà không quan tâm gì đến đạo đức thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy những người làm chính trị bị hủ hóa và quả cũng không nên kết án họ phải chịu trách nhiệm về những tệ trạng đang xảy ra...*" Vị lãnh đạo tinh thần này cũng nhấn mạnh rằng chỉ có "... lòng tốt, sự ngay thật, những ý nghĩ tích cực... đối xử với mọi người như bạn hữu, cứu giúp những người đang đau khổ..." mới đem lại hạnh phúc chân thực. ■



Nguồn: www.panoramio.com

Hành trạng Thiên sư Tịnh Chúc Đạo Chu qua hai tấm bia chùa Bằng

THÍCH ĐỒNG DƯƠNG

Tông Tào Động truyền đến Đàng Ngoài chỉ sau tông Lâm Tế vài mươi năm¹. Kể đó, hai tông cùng song song phát triển và ảnh hưởng khá lớn đối với Phật giáo triều Hậu Lê. Trong số môn nhân tông Tào Động, chúng tôi chú ý đến Thiên sư Tịnh Chúc Đạo Chu. Tư liệu Hán Nôm có liên quan về ngài xuất hiện khá nhiều trong các bản in kinh sách cũ. Nhận thấy vai trò và công lao của ngài là quan trọng đối với Phật giáo đương thời, chúng tôi tiến hành sưu tầm tư liệu về ngài và đã phát hiện hai văn bia tại chùa Bằng, còn gọi là chùa Báo Quốc, ở thôn Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Hà Nội; một là văn bia tháp Linh Nghiêm, ngôi tháp an trí nhục thân ngài Tịnh Chúc Đạo Chu, và một là văn bia nói về việc trùng tu chùa Báo Quốc.

1 Đầu tiên xin trưng dẫn bia tháp Linh Nghiêm. Tháp được xây bằng gạch Bát Tràng, cao ba tầng, trông rất cổ kính. Tháp có bức ngạch đề ba chữ

“Linh Nghiêm tháp” được khắc trên tấm đá. Bia được gắn vào mặt trước tầng thứ nhất với tiêu đề “Thường lạc ngã tịnh”. Bia thuộc cỡ nhỏ, khổ 30x52 cm. Dòng đầu ghi “Động thượng đệ tử thập cửu thế Bản Lai hòa thượng Thiện Thuận từ kheo Đạo Chu thiên sư, tặng phong Phổ hóa độ sinh Bồ tát chí tháp”² nghĩa là: Bài chí về tháp của Hòa thượng Bản Lai Thiện Thuận Đạo Chu được tặng phong Phổ hóa độ sinh Bồ tát dòng Tào Động đời 49.

Lòng bia có 14 dòng, mỗi dòng 35 chữ, nét chữ nhỏ, khắc hơi mờ, có nhiều chỗ bị mờ nên chữ khó đọc. Bia lập năm Ất Mùi niên hiệu Cảnh Hưng 36 (1775). Phía sau tháp còn có một tấm bia nữa, trên đề “Hậu tháp ký” tức bài ký sau tháp, có 10 dòng, mỗi dòng chữ không nhất định. Dòng đầu tiên đề “Pháp tử thủ tọa từ kheo tự Hải Tại soạn văn ký” tức bài ký do Từ-kheo Hải Tại³ soạn. Tấm này ghi chép danh sách đệ tử cùng người ủng hộ khắc bia và làm tháp. Xin tạm dịch văn bia tháp như sau:

“Ồi! Huyền không chỉ có một mà vọng cảnh thật nhiều.

Từ chỉ có một mà vạn hóa sinh thành, theo vạn hóa mà cái mỗi ban đầu được chiếu tỏ. Không có hình để lường, không có lời để thấu rõ. Không có hình mà hình khắp cõi đại thiên; không có lời mà lời trùm muôn kiếp. Há gọi là biến tính sáng ngời, thấu triệt chân không mà bỗng chốc hiểu sai khiến gió vọng thổi thành sóng thức. Đức Giác Hoàng xưa ra đời, đầu ánh sáng chốn Song Lâm, đến lúc sinh thời của thấy ta, cũng ẩn giấu ánh sáng tám thức. Vua A-dục sùng kính Phật xây tháp; Đệ tử thờ thấy dựng phù đồ. Chỉ là, lòng sinh ba việc, tâm tình hàm chứa đồn hậu; đức báo bốn ân, dựng xây nền móng nhân nghĩa. Sư họ Hoàng, quê làng Đa Cốc, Vũ Tiên, Kiến Xương, Nam Giao. Sư sinh năm Mậu Dần (1698), đồng chân vào đạo, nhược quán xuất gia, tài như thái sơn bắc đầu đứng đầu tăng chúng, đặc pháp với Hòa thượng Tịnh Giác. Vua ban bút truyền giữ dòng Tào Động, thi trúng bát khoa, đạo thông suốt ba giáo... là bậc trân quý hơn người ở trên đời. Gặp lúc mặt trời mới mọc hòa với ánh sáng của phương Nam mà được gọi là bậc thầy. Do đó, người quy y thêm đông, kẻ cúng dường ngày càng lắm. Dùng vô lượng tiền bạc để hưng sùng vô lượng công đức. Vừa năm Quý Mão (1723) xây dựng chùa Báo Quốc. Chùa ấy, địa thế hữu tình, hương thôn phát triển. Cửa thiền không lớn mà rực rỡ nên móng nền sẵn rộng, bao hàm cảnh trí thú vị vô cùng. Dặn đệ tử trụ trì. Lại đến năm Ất Mùi (1775) tiết đúng giữa hạ giờ Sửu đêm ngày 25, sư viên tịch, được 20 tuổi hạ, thọ thế 78 tuổi nghi đỉnh ba nghìn, giờ Hợi nhập thọ tàng⁴. Giờ Ngọ ngày 20 tháng 6 điểm lành vân tập đạo tràng, nhập tháp. Đệ tử và học trò lấy y pháp, búi tóc, dựng một tháp tại chùa Linh Sơn Sùng Nham⁵, dựng một tháp tại chùa Thanh Phong quê nhà⁶, dựng một tháp tại chùa Báo Quốc. Tháp đấy, phương đấy, để ngời ngời muôn vạn năm; nghìn năm về sau, đúng như thế, nhìn thấy như thế, xem dấu tích còn như thế. Riêng, Đức nghiệp của thiền sư, càng ngày càng sáng tỏ. Đạo tràng thơm danh với thiền sư cùng lưu truyền. Ngày lành tháng đẹp đông năm Ất Mùi niên hiệu Cảnh Hưng thứ 36⁷.

Bia tháp cho ta một số sử liệu về ngài Bản Lai Thiện Thuận Đạo Chu. Thứ nhất, sư họ Hoàng, quê ở làng Đa Cốc, Vũ Tiên, Kiến Xương (nay thuộc xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình). Thứ hai, sư sinh năm Mậu Dần (1698) vừa đến tuổi nhược quán thì xuất gia học đạo, đặc pháp với Thiền sư Tịnh Giác, nối dòng Tào Động chính tông. Thứ ba, sư đứng ra trùng tu chùa Báo Quốc vào năm Quý Mão (1723). Thứ tư, sư viên tịch giờ Sửu khuya ngày 25 tháng 5 năm Ất Mùi (1775), thọ 78 tuổi. Đồ chúng lập tháp thờ ở ba nơi.

2 Bên phải phía trước tiền đường chùa Bằng có tấm bia để *Trùng tu Báo Quốc tự ký* do Trịnh Huệ soạn vào năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744). Bia bốn mặt, trong đó có một mặt nhỏ với tiêu đề “Tăng chí” (ghi chép về vị tăng) mà nội dung chép sơ lược về Thiền sư Tính Chúc Đạo Chu như sau:

“Thiền sư Đạo Chu đời thứ 49 tông Tào Động⁸ người Đa Cốc, Vũ Tiên, Kiến Xương, Nam Giao. Mười bảy tuổi xuống tóc. Lúc đầu tham vấn Thiền sư Như Trương về “Vô tình thuyết pháp” chưa khế hợp nhân duyên. Sau đến phương trượng chùa Hồng Phúc, Hòe Nhại, Trung đô tham vấn hòa thượng Tịnh Giác trung dẫn thoại đầu trước, đến câu “Rừng cây chim nước khắp nơi đều niệm Phật, niệm pháp” thì tỉnh ngộ. Bèn thuật bài kệ rằng: “A, lớn lạ, lớn lạ! vô tình nói pháp khó nghĩ nghĩ, nếu sẽ tai nghe có thể ngộ. Trong mắt nghe tiếng mới được biết”. Thấy biết là bậc pháp khí, bèn ban pháp danh là Tính Chúc, dặn dò rằng: “Thay ta nối tông Tào Động, hiển dương thiền giáo”. Học giả vân tập, đến khoảng năm Quý Mão (1723), Nhâm Tý (1732), vàng thi thiền gia, mang bằng hạng ưu. Đến năm Ất Mão (1735), được nhận sắc mệnh. Năm Canh Thân (1740), đặc nhận Bản Lai Hòa thượng. Từ đó, đạo phong nở hoa ưu bát, lời pháp thấm nhuần cỏ bặt sô...”.

Đoạn “Tăng chí” này bổ sung một số sự kiện, xác định ngài có pháp danh Tính Chúc, năm 17 tuổi ngài mới xuất gia học đạo với Thiền sư Như Trương, nhưng chưa khế hội. Sau, sư đến tham vấn với Hòa thượng Tịnh Giác chùa Hồng Phúc, được đặc pháp với vị này. Bia không đề năm sư đến tham học tại Hòe Nhại. Ta không biết Thiền sư Tính Chúc kế thừa trụ trì chùa Hồng Phúc năm nào.

Trong *Cúng tổ khoa* (Bản chùa Hòe Nhại) có chép “Đệ tử tổ sư sắc văn” tức sắc văn ban cho ngài Tính Chúc. Bản sắc không đề niên đại nhưng ta biết chắc được ban ra năm Canh Thân (1740) do bia Tăng chí có chép ngài được đặc nhận Bản Lai hòa thượng. Tờ sắc cho biết, tăng chánh Hoàng Nhân tự Tính Chúc chùa Hồng Phúc được làm Bản Lai hòa thượng Đạo Chu thiền sư.

3 Thiền sư Tính Chúc còn xuất hiện trên các bản in kinh sách cũ. Trước ta trưng dẫn *Kế đăng lục* do Thiền sư Như Sơn, chùa Hồng Phúc soạn năm Giáp Dần (1734). Trong đó, Sa-di Tính Chúc tham duyệt, tức tham gia công việc duyệt lại sách, một người trợ tá đặc lực cho Thiền sư Như Sơn. Lúc ấy, sư Tính Chúc mới ở giới phẩm Sa-di.

Bản *Mục Liên kinh*⁹ được khắc ván tháng 2 năm Vĩnh Hựu Đinh Tỵ (1737). Trong đó có ghi: “*Tăng thống tự Như Sơn, chùa Vạn Phúc xã Phật Tích, núi Tiên Du phú chúc cho đệ tử Tính Chúc, trụ trì chùa Hồng Phúc, Trung Đô đốc khán*”. Tài liệu cho biết Tính Chúc được Thiền sư Như Sơn dặn dò công việc đôn đốc kiểm tra việc khắc ván kinh Mục Liên. Năm này, sư đã trụ trì Hồng Phúc và ít tháng sau Như Sơn viên tịch.

Tháng 3 năm Vĩnh Hựu thứ 4 (1738) thiền sư soạn bài văn và lập tháp Viên Minh cho thấy mình là Từ Sơn Hành Nhất (1681-1737) tại chùa Vạn Đức, Kinh Môn.

Năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744), Thiền sư Tính Chúc đứng in *Tam giáo nhất nguyên thuyết* của Trịnh Huệ¹⁰ và sư mời Trịnh Huệ soạn bia *Trùng tu Báo Quốc tự bi*.



nguồn: www.vikimapia.org

Lúc đó, sư giữ chức Tăng chánh, một chức lớn trong Tăng lục ty.

Năm Tân Mùi (1757), Thiền sư Tánh Chúc Bản Lai được mời hộ kinh cho bản in *Thủy Lục chư khoa* (A. 2345).

Ta còn thấy ngài soạn bài tựa cho bản in *Hương sơn bảo quyển* vào tháng Giêng năm Nhâm Thìn Cảnh Hưng thứ 33 (1772). Có thể đây là Phật sự gần cuối đời của ngài.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, chúng tôi bắt gặp một số văn bản do Thiền sư Tánh Chúc biên soạn như:

a. *Cúng gia tiên khoa* được đóng thành một tập gồm nhiều khoa cúng tại chùa Bồ Đà (Bắc Giang) do Thiền sư Tâm Hội chùa Hưng Phúc, Xuân Lôi khắc. Khoa cúng chỉ có 13 tờ.

b. *Đại bi bồ tát hương sơn bảo quyển* tự soạn năm Cảnh Hưng Nhâm Thìn (1772) nằm trong *Hương Sơn bảo quyển* (A. 1439)

c. *Lê triều Vĩnh Hựu hoàng đế ngự đề vắn trong Ứng phú dư biên tổng tập* (AB. 568).

d. Bài “Tháp chí” khắc trên tháp Viên Minh ở chùa Vạn Đức, thị trấn Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương.

Phụ lục:

1. Bia tháp Linh Nghiêm, chùa Bằng:

常樂我淨

洞上第四十九世本來和尚善順?比丘道週禪師?贈?封普化度生大菩薩誌塔

夫玄空惟一妄境寔繁稟惟一而萬化生成隨萬化而惟一元照無形可測無語可譜無形而形遍大千無語而

語週億刹豈謂元明性海澄徹真空而為不覺妄風吹成識浪. 彼覺皇出世隱耀雙林而我師?生時輻光八識. 育王崇佛建塔. 弟子事師?浮屠. 只為心生三事本孰厚之情懷; 德報四恩築義仁之基址。 粵?有南郊建武穀鄉師?黃宗歲戊寅童真入道冠弱出家, 首眾?斗山得法於淨覺和尚君王龍?筆持製為曹洞繼燈試?中八科道通三教萬登...¹¹世珍出眾?會旭日重光於離昭曰位為師?由是皈依者眾?供養日多以無量之貨?錢興無量之功德。 時年癸卯造報國寺是寺地勢有情鄉村盛潤?禪局不大而輪?煥, 雖有廣大之基圖, 勝景可因含無窮之趣味...囑遺法子而住持焉。 所逾年惟乙未時當?仲夏, 僧臘二十, 師?壽七十八數儀挺三千坐化二十五夜丑時圓寂, 亥入壽藏六月兆吉云集道場二十午時彌?登奠塔。 弟子合走田衣螺髻。 一建塔靈山崇岩寺。 一建塔本鄉清風寺。 一建塔報國寺。 此塔此方相億萬年之岐千載之下是如斯目如斯觀踪跡之如斯維禪師?之德業愈久愈光道場之芳名與禪師?並傳也。

景興三十六年歲在乙未孟冬穀日

Phiên âm:

Thường Lạc Ngã Tịnh

Động thường đệ tử thập cửu thế Bản Lai hòa thượng
Thiện Thuận từ kheo Đạo Chu thiền sư, tặng phong
Phổ hóa độ sinh bồ tát chí tháp.

Phù, huyền không duy nhất, vọng cảnh thật phồn. Bẩm duy nhất nhi vạn hoá sinh thành, tùy vạn hoá nhi duy nhất nguyên chiếu. Vô hình khả trắc, vô ngữ khả am. Vô hình nhi hình biến đại thiên; vô ngữ nhi ngữ chu úc sát. Khởi vị nguyên minh tính hải, trùng triết chân không nhi vi bất giác vọng phong xuy thành thức lãng. Bỉ giác hoàng xuất thế, ẩn diệu song lâm, nhi ngã sư sinh thời, thao quang bát thức. Dục vương sùng phật kiến tháp; đệ tử sự sư phù đồ. Chỉ vi: tâm sinh tam sự, bản đôn hậu chi tình hoai; đức báo tứ ân, trúc nghĩa nhân chi cơ chí.

Việt hữu Nam Giao kiến Vũ Cốc hương, sư Hoàng tông, tuế Mậu Dần, đồng chân nhập đạo, quan nhược xuất gia, thủ chúng đầu sơn, đắc pháp ư Tịnh Giác hòa thượng, quân vương long bút trì chế vi Tào Động kế đăng, thí trúng bát khoa, đạo thông tam giáo, vạn đăng..., thế trần xuất chúng. Hội húc nhật trùng quang ư lý chiếu, viết vị vi sư. Do thị, quy y giả chúng, cúng dưỡng nhật đa, dĩ vô lượng chi hoá tiền; Hưng vô lượng chi công đức. Thời niên Quý Mão tạo Báo Quốc tự. Thị tự địa thế hữu tình, hương thôn thịnh nhuận. Thiền quynh bất đại nhi luân hoán tuy hữu quảng đại chi cơ đồ; thắng cảnh khả nhân, hàm vô cùng chi thú vị. Chúc dị pháp tử nhi trụ trị yên. Sở dĩ niên duy Ất Mùi thời đương trọng hạ, tăng lập nhị thập, sư thọ thất thập bát sổ nghi đỉnh tam thiên, tọa hóa nhị thập ngũ dạ sủu thời viên tịch. Hối nhập thọ tàng, lục nguyệt triệu cát vân tập đạo tràng, nhị thập ngũ thời di đăng điện tháp. Đệ tử hợp tấu điển y, loa kè. Nhất kiến tháp Linh Sơn Sùng Nham tự. Nhất kiến tháp bản hương Thanh Phong tự. Nhất kiến tháp Báo Quốc tự. *Thủ tháp thủ phương tương úc*

vạn niên chi kỳ, thiên tài chi hạ, thị như tư, mục như, tư đồ tung tích chi như tư. Duy thiên sư chi đức nghiệp, dĩ cửu dĩ quang. Đạo tràng chi phương danh dĩ thiên sư tịnh truyền dĩ¹².

Cảnh Hưng tam thập lục niên tuế tại Ất Mùi mạnh đông cốc đán nhật.

Bia phía sau tháp:

後塔記?

法子首座比丘字海在撰之文。住持法子德水沙彌?海慣真功建塔。福頂?素迦字慧海同真功。比丘僧正字海傳。僧統字海闊?。比丘僧正字海通。僧統字海書。沙彌?字海疊。僧統字寬?翼。僧正字寬?欣。比丘字寂傳。沙彌?尼字妙香。...

Hậu tháp ký:

Pháp tử thủ tọa tì kheo tự Hải Tại soạn chi văn, trụ trì pháp tử Đức Thủy sa di Hải Quán chân công kiến tháp, phúc đỉnh tô già tự Tuệ Hải đồng chân công. Tì kheo tăng chánh tự Hải Truyền, tăng thống tự Hải Khoát, tì kheo tăng chánh tự Hải Thông, tăng thống tự Hải Thư, sa di tự Hải Diệp, tăng thống tự Khoan Dực, tăng chánh tự Khoan Hân, tì kheo tự Tịch Truyền, sa di ni tự Diệu Hương, hiệu Diệu Tính...¹³hoàng đồ hữu vĩnh, Phật đạo vô cùng.

2. Bia *Trùng tu Báo Quốc tự* bị lập năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744). Mặt “Tăng chí” để.

曹宗第四十九世道周禪師?南郊建武多人也十七祝髮?首參如張?問?無情說法未契因緣?從住中都槐街洪福上方次參淨覺和尚仍問?前話?徵至水鳥樹林皆悉念佛念法周方有省乃述偈曰大奇大奇無情說法不思議。若將耳聽終難會。眼裏聞?聲?始得知。師?知是法器乃立法名性燭囑曰代吾嗣洞上宗風闡揚禪教學者雲?臻迨癸卯壬子年間奉試?禪家掛榜優?分衍至乙卯祇受敕命遞及庚申特受本來和尚。自此道風開優?鉢之花。法語潤?苾?芻之艸。周曾會三家妙訣亦更通諸祖玄機。畧?刻于泯文繁難錄?。

Tào tông đệ tử thập cửu thế Đạo Chu thiên sư Nam Giao Kiến Vũ Đa nhân dã. Thập thất chúc phát, thủ tham Như Trương, vấn vô tình thuyết pháp vị khế. Nhân duyên từng trụ Trung Đô Hoè Nhai Hồng Phúc thượng phương, thứ tham Tịnh Giác hoà thượng nhưng vấn tiền thoại trung, chí thủy điều thụ lâm giai tất niệm Phật niệm pháp chu phương hữu tính. Nãi thuật kệ viết: đại kỳ đại kỳ vô tình thuyết pháp bất tư nghị, nhược tương nhĩ thính chung nan hội, nhân lý văn thanh thủy đắc tri. Sư tri thị pháp khí, nãi lập pháp danh Tính Chúc. Chúc viết: đại ngô tự Động thượng tông phong hiển dương thiên giáo học giả văn trần đãi quý mao nhâm tý niên gian phụng thí thiên gia quả bằng ưu phân diễn chí ất mao kì thụ sắc mệnh đệ cập canh thân đặc thụ bản lai hoà thượng. Tự thủ, đạo phong khai Ưu Bát chi hoa, pháp ngữ nhuận bí sô chi thảo. Chu tăng hội tam gia diệu quyết, diệc cánh thông chư tổ huyền cơ. Lực khắc vu dẫn, văn phồn nan lục. ■

Chú thích:

1. Năm 1633, Thiên sư Chuyết Công từ Đàng Trong ra Đông Đô truyền giáo. Ta lấy mốc đó làm niên đại truyền Tông Lâm Tế đến Bắc Hà. Năm 1664, Thiên sư Thủy Nguyệt học đạo với Thiên sư Trí Giáo Nhất Cú, tông Tào Động ở núi Phượng Hoàng, Hồ Bắc trở về nước hành đạo. Ta lấy mốc niên đại đó để biết tông Tào Động truyền vào đất Bắc.

2. Cúng tổ khoa ghi rõ: “*Động tông đệ tử tổ Linh Nham tháp đặc tứ Bản Lai hòa thượng Thiện Thuận sa môn pháp hỷ Tính Chúc Đạo Chu thiên sư tặng phong Phổ hóa độ sinh đại bồ tát thiên tòa hạ*”. Khoa cúng cùng bia chùa Hòe Nhai xác định Tổ sư Tính Chúc thuộc đời trụ trì thứ 3 và Tổ thứ 4 của tông Tào Động Bắc Hà.

3. Thiên sư Hải Tại: chúng ta còn hai tư liệu tin cậy. Đó là một bản sắc phong lập năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749) cho Trần Văn Chúc tự Hải Tại quê ở xã Đống Nhuyễn, huyện Phú Xuyên được ban chức Tăng chánh. Bản đó vẫn còn được treo ở tổ đường chùa Hòe Nhai, Hà Nội. Tư liệu thứ hai là tấm bia đá ở tháp Thiệu Long, chùa Bằng, thôn Bình Vọng, gần với tháp Linh Nghiêm mà ta nói ở trên. Bia tháp cho biết Thiên sư Hải Tại có hiệu là Trí Hiệp. Lúc đầu xuất gia với Hòa thượng Tịnh Giác, sau y với Tổ Bản Lai Tính Chúc và kế thừa dòng pháp với vị này. Ta không biết sư viên tịch năm nào nhưng bia tháp được lập ngày mồng 1 tháng Đinh Hợi năm Ất Mão hoàng triều Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

4. Thọ Tăng: lúc còn sống định xây huyệt mã, tức sinh phần, còn gọi là sinh khoáng. Ở đây hiểu là đào huyệt hoặc làm kim tinh để xây tháp.

5. Chùa Linh Sơn Sùng Nham: ta chưa biết chùa nào ở đâu. Đây có thể là một đạo tràng do Thiên sư Tính Chúc gây dựng.

6. Chùa Thanh Phong: là ngôi chùa ở quê Đa Cốc của thiên sư. Hiện vẫn chưa rõ lai lịch của ngôi chùa.

7. Bài văn bia tháp do Thiên sư Hải Tại soạn đã lấy gần như nguyên lời văn trong bia tháp Thiên sư Từ Sơn Hành Nhất tại chùa Quảng Nghiêm (Hải Dương) do Tính Chúc sinh thời soạn ra, chỉ thay đổi một số sử liệu về Tính Chúc. Chúng tôi tham khảo bản dịch của anh Nguyễn Văn Toàn và bản dịch của Phạm Văn Tuấn. Xin cảm ơn hai anh.

8. *Ngũ gia phân phái* (AC 502) từ tờ 24a-34a. Nếu như tính từ Tổ Thanh Nguyên Hành Tư làm đời thứ nhất thì đến Tổ Tính Chúc thuộc đời thứ 39. Nếu như tính từ Tổ Bồ Đề Đạt Ma làm Sơ tổ thì đến Tổ Tính Chúc là đời thứ 49 như văn bia chùa Bằng xác nhận.

9. Bản lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AC. 632.

10. Theo bản in *Tam giáo nhất nguyên thuyết*, tờ 10a. Thanh Hòa trùng san năm Mậu Tuất (1838), chùa Hoa Lâm tàng bản.

11. Mờ một số chữ.

12. Những chữ in nghiêng trong phần phiên âm là người đời sau sao chép lại bia tháp Viên Minh chùa Vạn Đức, huyện Kinh Môn, Hải Dương do Tính Chúc sinh thời soạn cho thấy mình là Từ Sơn; chúng tôi đã công bố trong bài “Bia tháp Viên Minh” trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, số 142.

13. Tính lược một số tên của thiện nam tín nữ không quan trọng.



Tìm manh mối Trúc Lâm Đại Sĩ Xuất Sơn Đồ qua một bài thơ viết về Trần Quang Triều

VÕ PHƯỚC LỘC

Nguyễn Sưởng (chưa rõ năm sinh năm mất), sống cuối thời Trần, khi tiền Trần Quang Triều xuống núi Quỳnh Lâm có viết bài thơ nhan đề:

“Tổng Vô Sơn ông Văn Huệ Vương xuất sơn báitướng”

“送無山翁文惠王出山拜相”
như sau:

松聲喝道虎前軀，
龍起南陽渴望蘇。
借問雲臺高幾許，
要添宰相出山圖。

*Tùng thanh hát đạo hổ tiền khu,
Long khởi Nam Dương khát vọng tô.
Tá vấn vân đài cao kỉ hử,
Yếu thêm tể tướng xuất sơn đồ.*

Trần Lê Văn diễn nghĩa và dịch thơ:

**TIỀN VÔ SƠN ÔNG VĂN HUỆ VƯƠNG RỜI NÚI
NHẬN CHỨC TỂ TƯỚNG**

Thông reo hò đẹp lối, hổ đi trước dẫn đường,
Rồng trỗi dậy từ Nam Dương, lòng người khát mong
được sống lại.

Ướm hỏi đài mây cao độ bao nhiêu?

Cần họa thêm bức tranh “Tể tướng rời núi” [3,t.2tr.759].

*Cọp mở đường ra, thông hát đưa,
Nam Dương rồng dậy thỏa mong chờ.
Đài mây ước hỏi cao bao trượng,
“Tể tướng rời non” tranh vẽ chưa?*

Điều đáng nói là bài thơ có thể hé lộ cho chúng ta không ít manh mối về bức tranh Phật hoàng Trần Nhân Tông xuống núi (*Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*).

1 Trần Quang Triều (1286-1325) là cháu nội Trần Quốc Tuấn, anh vợ vua Anh Tông. Sớm được phong tước vương và ưu dụng, song ông không thích làm quan. Sau lui về ở ẩn tại am Bích Động (Quảng Ninh), cùng các bạn Nguyễn Trung Ngạn, Nguyễn Sưởng, Nguyễn Ước, Tự Lạc tiên sinh... thành lập Bích Động thi xã. Năm 1324 ông được triệu về kinh nhận chức Tư đồ. Nhân dịp, Nguyễn Sưởng làm bài thơ trên.

Nhóm thơ Bích Động sành họa thư. Trần Quang Triều có bài “Đề quạt vẽ phong cảnh do Liêu Nguyên Long tặng” [3,t.2tr.611]. Nguyễn Ước có hai bài: “Đề tranh cổ bộ hạc đồ” và “Thay người làm tạ ơn vua cho bức tranh rồng thủy mặc” [3,t.3tr.33-34]. Riêng bài thơ của



Nguyễn Sưởng cũng đã dùng thủ pháp “truyền thần tả sự và tả tích” để tả Văn Huệ vương.

Các nhà nghiên cứu thường giải thích việc dùng điển “Nam Dương long khởi”, hồi đài mây (Vân đài) là để chỉ việc Trần Quang Triều và thân phụ từng được Trần Nhân Tông họa chân dung tôn thờ, khen ngợi (năm 1289). Mặt khác qua câu đầu và cuối tác giả cố tình so sánh với một bức tranh khác và gợi ý cần vẽ thêm “Tể tướng xuất sơn đồ” cho Trần Quang Triều.

Nói về họa phẩm “Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ”, Nguyễn Nam cho biết Dư Đình thời Minh có đề dẫn: “Nay bức họa miêu tả lúc ông (Trần Nhân Tông) từ động Vũ Lâm xuất du, ... voi trắng chở kinh đi ở sau cùng. Phía trước voi có người đội mũ vàng, cưỡi trâu, ấy hẳn là đạo sĩ Lâm Thời Vũ. Cung nghinh trên đường chính là con của đại sĩ, người nổi ngời, thay cha trị nước” (1420) [1, tr.66]. Giống như thủ pháp “truyền thần tả sự” mà Nguyễn Sưởng tả cảnh Vô Sơn ông xuống núi. Có cơ sở để chúng ta đặt vấn đề: Phải chăng Nguyễn Sưởng đã từng thấy “Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ” ở nhà Văn Huệ vương và nhân tiện đem ra liên hệ như đã nêu?

2 Trần Đình Sơn trên tờ *Tuổi Trẻ* có nhận định: Có thể bức tranh do người Việt vẽ tại Thăng Long, về cuối Trần, con cháu nhà Trần mang sang Trung Quốc. “Sau này các trí thức Trung Quốc đã viết lại lời đánh giá bức tranh như đã thấy”. Ông cũng bất ngờ không hiểu sao Trần Quang Chỉ, người viết đề dẫn và từng sở hữu tranh, lại cho Nhân Tông là con Trần Cảnh [2, tr.14]. Cùng ý kiến đó, bài viết này xin nêu thêm các giả thuyết:

2.1. Có thể bức tranh do dòng tôn thất chi Hưng Đạo vương cho vẽ và xem như vật báu truyền tông, truyền đến Văn Huệ vương lưu giữ. Bởi lẽ, dòng này từng gả con gái lớn cho các vua Trần từ Thánh Tông đến Anh Tông. Đặc biệt, Nhân Tông lấy con gái trưởng của Hưng Đạo vương. Quốc Tuấn lại lấy con gái trưởng của Thái Tông. *Toàn thư*

chép, Thái Tông từng xin Trần Thủ Độ tha tội thủy tổ Văn Huệ (Trần Liễu) làm loạn vì vợ bị ép lấy Trần Cảnh. Hưng Đạo vì nước quên thù nhà, một lòng phò vua giữ nước. Mối nhân duyên “tréo ngoe kì lạ” vốn có ý nghĩa khoan dung đại độ đã hun đúc nên một vị hoàng đế anh hùng, Phật hoàng giáo chủ, vượt qua mọi hệ lụy trần ai binh lửa và nho thần đàm tiếu, là nguyên nhân chủ yếu mà họ cho vẽ để truyền đời. Hơn nữa, các vua, tôn thất, quan lại nhà Trần ưa vẽ hoặc sao chép tranh để ban tặng nhau. Nguyễn Ước từng đề tranh vua ban như đã nêu, Đinh Cửng Viên có đề bức “Cù đường đồ” [3, t.2tr.438]. Minh Tông tặng Trần Bang Cẩn bức chân dung kèm theo bài thơ [3, t.2tr.781]. Phạm Mai đề tranh thủy mặc trên trướng [3, t.2tr.837]. Trần Đình Thâm đề tranh “Tiễn biệt trên sông mùa thu” [3, t.3tr.232]. Đặc biệt, phép vẽ “truyền thần tả tích”² khá phổ biến vào nửa sau thời Trần: Chu Đường Anh có đề bức “Đường Minh Hoàng tắm ngựa” [3, t.3tr.345]; năm 1394, Trần Nghệ Tông còn cho vẽ tranh “Tứ phụ” để ban cho Hồ Quý Ly [3, t.3tr.755]. Ấy là chứng cứ củng cố thêm giả thuyết của chúng ta.

2.2. Theo lời Trần Đình Sơn: “Trong Minh thực lục có ghi nhận Trần Quang Chỉ từng đi trong đoàn người An Nam đến triều đình nhà Minh nạp cống” [2, tr.14]. Tìm hiểu sử sách cũ thấy có chép các vụ việc: Năm 1370, tỵ Minh Thái Tổ làm chúc văn, sai người sang ta tế thần núi Tản Viên, thần sông Lô; rồi xin dập một số văn bia, sao chép một số đồ thư, điển tịch của ta. Năm 1385, sai sứ sang xin hai mươi nhà sư có khả năng làm “sám chủ”³ đạo tràng cho vua họ. Khi thuộc Minh, năm 1415 Hoàng Phúc áp giải một số nhà nho, thầy thuốc, tăng đạo về Yên Kinh. Đến 1417 thì định lệ xứ ta cống nho sĩ Quốc Tử Giám và ở các địa phương [3, t.3tr.752-759]. Liệu có khả năng: trong số đồ thư nhà Minh xin sao chép vào năm 1370 có cả bức “Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ”? Và có phải Trần Quang Chỉ nằm trong số các nhà sư “cống” ở những lần đó? Người viết bài này nghiêng về phía ông nằm trong số hai mươi nhà sư bị

“xin cống”; và giả định ông là người nhà hoặc môn khách của dòng Trần Quang Triều. Trong bài dẫn, ông tự nhận: *“Kẻ học Phật ở sông Lô Trần Quang Chỉ, tự Tích Phủ, tái bút và cần chỉ”* [1, tr.65]. Sự được “xin” qua giúp vua Minh lập đạo tràng mới có được “ân huệ” ra vào triều, có dịp qua lại với các quan hàn lâm. Và chỉ có các quan hàn lâm mới có khả năng sao chép, hoặc tìm cách sở hữu, các đồ thư mà sứ Minh mang về năm 1370. Do đó, Trần Đăng sở hữu bức tranh trước bởi thời Vĩnh Lạc có đến mười năm ông làm ở Viện Hàn lâm. Vậy chữ “tái bút” có thể hiểu là được “chiếm ngưỡng, tái bút lần nữa”. Nhân đó Quang Chỉ nhớ lại, so với tranh gốc từng thấy của họ Trần Quang mà viết lời dẫn: *“Tôi nhân được thấy tranh, cảm thuật đôi điều đại khái, viết ở bên trái bức họa để các bậc toàn trí xem...”* [1, tr.65]. Người thuộc tôn thất bên ngoại của các vua mới dám “nhắm lẩn trố trêu” cho Nhân Tông là con của Thái Tông. Về điều này, trong lời chú bài viết *“Diện mạo Trần Nhân Tông qua Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ”*, Nguyễn Nam có dẫn cách hiểu của Nguyễn Duy Hinh về khía cạnh tâm linh tôn giáo là một mặt [1, tr.63]. Mặt khác, như *Toàn thư* chép: Năm 1234, Trần Cảnh phong Trần Liễu là “Hiển Hoàng”, xem anh như cha, tự “hạ bậc” ngang hàng với Trần Quốc Tuấn. Trần Hoàng (Thánh Tông) thân viết bài minh ở sinh từ Hưng Đạo, tôn vương như “thượng phụ”. Lấy đó mà suy thì nhà vua tiếp tục hạ mình như con Hưng Đạo. Vậy cách “nhắm lẩn” của Quang Chỉ không phải là không có lý khi xem thủy tổ như người mở cơ nghiệp Trần, để thỏa “cái tình uẩn khúc” của chi họ. Và cũng là cách nói sáng danh công hạnh (chữ dùng của Quang Chỉ) Trần Nhân Tông. Bởi lẽ, họ Trần hôn nhân phức tạp; về mặt chính thống chỉ có thể phân biệt dòng vua (Trần Cảnh) và dòng lớn (Trần Liễu). Đến Nhân Tông thì hòa chung không thể phân biệt nữa rồi.

3 Dư Đĩnh bình tán bức tranh viết: *“Người Nam Giao vẽ lại sự kiện nhất thời và hoan hỷ truyền xem”* [1, tr.66]. Nó cho phép chúng ta nghĩ bức họa thời Trần đã có nhiều phiên bản lưu truyền trong tôn thất. Chu Đường Anh viết *“Đề quần ngư triều lý đồ”* (Đề tranh bầy cá châu cá chép) có cho thấy hiện tượng vẽ, sao chép tranh để bán khá phổ biến ở nước ta thời ấy:

*Chẳng tiếc ngàn vàng để mua bức danh họa này.
Biết bao nét bút thần diệu được bày dưới hiên đẹp,
Nào tranh bướm Đằng Vương, ngựa Giang Đô,
Họa sĩ nào lại vẽ được tranh tài tình đến thế.*

[3.t.3tr.347]

Theo đó, ta biết kỹ thuật sao chép tranh đã đạt đến mức cao thâm, khó xác định phiên bản.

Từ tình huống bình tán của các quan hàn lâm nhà Minh, có thể hình dung ba bức vẽ từ ba phía: Bản gốc giả định ở nhà Trần Quang Triều. Bản sao của sứ Minh mang về Viện Hàn lâm, và bản do Trần Giám Như vẽ năm Chí Chính thứ 23 nhà Nguyên (1363). Bản gốc Văn Huệ vương chắc hẳn có lời bình tán của các thi nhân nước ta, và do vậy Nguyễn Sưởng mới có tứ thơ lạm bình so

sánh. Bản Trần Giám Như, có lẽ do con cháu nhà Trần chạy loạn mang sang Trung Hoa, lâu ngày hư nát nhờ Giám Như vẽ bồi phục mới; phần bình tán bị cắt bỏ bởi lý do lịch sử tế nhị. Bản này sau Trần Đăng sưu tầm được, dẫn tựa ngắn gọn. Hoàn toàn có thể như vậy. Khi nhà Minh chiếm nước ta, mọi vấn đề lịch sử tế nhị giữa triều Trần và nhà Nguyên mới chấm dứt. Đủ điều kiện để giới hàn lâm nhà Minh đem các bản sưu tập ra đối chiếu giám định. Trần Quang Chỉ được tặng tranh bản Giám Như và nhờ viết đề dẫn. Điều này thì chính xác vì phong cách dùng từ trong văn bản rất khớp với tinh thần lịch sử và khớp với lời tán của Dư Đĩnh. Quang Chỉ dùng “An Nam quốc” ở phần “dẫn tích vẽ” (dẫn tích trước thuật). Phần cuối liên kết ý “giải thích mục đích viết bài dẫn” (biện nguyên dẫn đề) dùng “người Giao Chỉ”. Dư Đĩnh nhân đó tổng hợp các ý kiến mà dùng “Nam Giao” và nói rõ *“Quang Chỉ là người Giao Chỉ học Phật”*. Nhà Minh chiếm nước ta xong, đổi Đại Việt thành Giao Chỉ quận (Đĩnh Hối, 1407, Minh Thành Tổ - Vĩnh Lạc thứ 5). Cứ liệu lịch sử còn cho biết, năm Vĩnh Lạc thứ 17 (Kỷ Hợi, 1419) sai chuyển toàn bộ sách vở của ta từ thời Trần về trước đem về Kim Lăng. Năm kế, các quan hàn lâm nhà Minh viết các bài tán, sau để dẫn của Trần Quang Chỉ (Canh Tý, Vĩnh Lạc thứ 18, 1420).

Cũng cần phải nói thêm Thiển Trúc Lâm ở ta là đỉnh cao thiền học Đại Việt. Thi học có phần đi trước thi học thiền Tống - Minh ở chỗ sớm “thi thiền nhất trí”⁴, điều mà đến giữa thời Minh, các thi tăng, học sĩ mới thừa nhận. Giới hàn lâm thời Vĩnh Lạc không thể không quan tâm điều ấy. Còn sự có mặt đạo sĩ Lâm Thời Vũ trong đoàn tùy tùng của Nhân Tông là chuyện thường. Thời nhà Trần, thi tăng đạo sĩ vốn giao du thâm viễn. Huống chi đại sĩ là người có uy vọng về đạo học. Thời Dục Tông (1368) còn có đạo sĩ Huyền Vân nổi tiếng, tu ở Yên Tử.

Nhân đọc một bài thơ, người viết có đôi điều giả thuyết không sao khỏi thiếu sót; thậm chí hồ đồ. Mong bạn đọc lượng thứ. ■

Chú thích:

1. Truyền thần tả sự: Vẽ chân dung trong bối cảnh sinh hoạt thật. Mặt nhân vật chính luôn vẽ đủ, không nhìn nghiêng.
2. Truyền thần tả tích: Vẽ chân dung theo tích kinh, truyện, sử...
3. Sám chủ: Người đứng đại trai đàn, chủ việc thực hành nghi thức dâng lễ, cầu kinh, pháp ấn chứng minh.
4. Thi thiền nhất trí: Thơ và thiền cùng chung đường, thống nhất với nhau.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Nam (2013), *Diện mạo Trần Nhân Tông qua Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ*, Văn Hóa và Du Lịch, số 8 - tháng 1.2013, tr. 60 - 68.
2. Trần Đình Sơn - Lam Điền (2012), *Thư họa Trần Nhân Tông do người Việt vẽ*, Tuổi Trẻ số thứ 6, 14.12.2012, tr.14.
3. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, 2 tập, Nxb. Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, tập 2 (thượng): 1989, tập 3: 1978.



Löôc sô sông Bồ

Bài & ảnh: XUÂN TRƯỜNG - THIÊN THU

Sông Bồ theo địa lý và lịch sử

Dương Văn An mô tả về thành Hóa Châu một cách hoành tráng: thành nằm “tại địa phận huyện Đan Điền, sông cái chảy qua phía Tây, còn có một nhánh sông con chảy vào trong thành. Bên hữu sông này là nơi đặt nha môn đô ty, thừa ty và học xá phủ Triệu Phong. Sông cái Kim Trà rót về Nam. Phá ở phía Bắc, đầm ở phía Đông, ước ngàn vạn khoảnh, bốn mặt đều là sông nước bao quanh. Tòa thành trăm trĩ vượn cao, sừng sững như đám mây dài. Đó là địa hình hội tụ, thợ trời tạo ra hiếm yếu vậy. Năm đầu niên hiệu Đại Trị (1358) đời Trần Dụ Tông, sai Đỗ Tử Bình cất đặt quân Tân Bình, Thuận Hóa mới tu bổ thành này”.⁽¹⁾

Như chúng ta biết, sông cái ở đây chính là sông Đan Điền mà dân gian xưa nay gọi là sông Bồ. “Đó là

sông lớn của huyện Đan Điền, có nguồn rất xa và dòng rất dài. Đền Minh Uy là ngôi cổ miếu khóa chặt ở đầu nguồn, tòa thành Thuận Hóa giữ vững ở cửa sông”.⁽²⁾

Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn viết như sau: “Sông Bồ-đài phát nguyên từ nước Lão-qua chảy qua phía đông huyện Bồ-đài, chia chảy vào biển cận, lại chảy vào ngã ba Hóa Châu, sâu có thể đi thuyền được.”⁽³⁾

Theo nhà sử học Đào Duy Anh trong cuốn “*Đất nước Việt Nam qua các đời*” thì địa danh Bồ Đài là tên đơn vị hành chính cấp huyện thời nhà Trần nằm phía thượng nguồn sông Bồ.

Qua các đoạn văn trên ta có thể xác định được sông Bồ Đài thời Trần chính là phía thượng nguồn sông Đan Điền thời Lê-Mạc, nước Lão-qua là nước Lào và biển cận chính là phá Tam Giang ngày nay.

Sông Bồ khởi nguồn từ nhiều nhánh sông nhỏ hợp thành sông cái. Nhánh chính sông Bồ từ Lào chảy qua vùng Hồng Thái (A Lưới). Nhánh thứ hai chảy từ Hồng Kim (A Lưới) và nhánh thứ ba bắt nguồn từ Phong Mỹ (Phong Điền). Ba nhánh này gặp tại Phong Sơn và Bình Điền rồi chảy về hạ lưu qua các làng mạc thuộc ba huyện Phong Điền, Quảng Điền và Hương Trà. Sông Bồ tiếp tục cuộc hành trình lãng mạn hẹn hò người tình Hương Giang ở ngã ba Sinh rồi cùng nhau gắn kết thả hồn về phá Tam Giang ra đại dương.

Liên quan đến sông Bồ, Lê Quý Đôn viết: “Đầu nguồn Sơn-bồ thượng huyện Quảng Điền, từ dân Man Trà-bon đến tuần Trù-Sơn một ngày, đến tuần Hiến-sĩ lại một ngày, lại đến sông Bái-đáp lại nửa ngày. Từ Bái-đáp đến cửa Eo một ngày”.⁽⁴⁾

Ở đây ta nhận thấy rằng tùy theo từng khúc sông mà người xưa đặt tên. Thượng nguồn sông Bồ có tên nguồn Sơn Bồ, sông Bồ chảy qua địa phận làng Bái Đáp (Phú Lễ) gọi là sông Bái Đáp, chảy qua làng Phú Ốc thì gọi là sông Phú Ốc... còn sông chính lấy tên theo địa danh huyện.

Trong cuốn “Huế, Lễ hội dân gian”,⁽⁵⁾ tác giả Tôn Thất Bình có viết về hội Dinh ở làng Cổ Bi trong đó ông có sưu tầm được một bài hò về cổ có liên quan đến dòng sông Bồ:

“Cổ địa Bi sơn dòng huyết mạch
Sông Bồ núi Bút hộ Tùng lai
Tiền triều địa bộ châu phê ấn
Thượng bến Cây Trắc hạ Cầu Dài
Long truyền hổ bối triều linh địa
Tả văn hữu võ lưỡng ban giai
Điền địa phì nhiêu dân tế độ
Nam thanh nữ tú chẳng kém ai”.

Cũng trong bài viết này, ông Tôn Thất Bình cho rằng dòng sông đi qua làng Cổ Bi mang tên “sông Trà Kệ (sông Bồ Nguyên) nay gọi là sông Bồ...”⁽⁶⁾ Tuy nhiên, theo ý kiến chúng tôi thì sông Trà Kệ còn kéo dài về đến hạ lưu sông Bồ ra đến phá Tam Giang.

Trong cuốn “Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn - Thừa Thiên” ông Nguyễn Đình Đầu có viết: “Năm 1044, vua Lý Thái Tông ngự giá đi đánh Chiêm Thành vì quân Chiêm Thành hay sang quấy rối biên địa Đại Việt. Quân Chiêm Thành dàn trận ở phía Nam sông Ngũ Bồ”.⁽⁷⁾

Đoạn văn trên ông Đầu dẫn theo cuốn *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim. Ở đây ông Đầu giải thích sông Ngũ Bồ là “Bồ Giang chảy qua Cổ Bi và Bồ Điền”. Không biết ông dựa vào nguồn nào, tuy nhiên theo “*Đại Việt sử ký toàn thư*”⁽⁸⁾ nhóm dịch giả có chú thích dựa theo học giả Đào Duy Anh thì cho rằng sông Ngũ Bồ “có thể là sông Chợ Củi (hạ lưu sông Thu Bồn)”. Và ông Nguyễn Chính - Chủ nhiệm Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn và Phát huy Văn hóa các dân tộc miền Trung và Tây Nguyên thì cho rằng sông Ngũ Bồ chính là sông Thu Bồn

ở Quảng Nam, được lấy làm ranh giới giữa hai quốc gia Đại Việt và Chiêm Thành vào đầu thế kỷ 14.⁽⁹⁾

Bộ sách *Đại Nam nhất thống chí* do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn vào năm 1909 (Duy Tân năm thứ 3), tập 1 phần Kinh sư có liệt kê tất cả các con sông thì không có tên sông Bồ, mà thay vào đó là con sông Phú Ốc như là sông cái chảy qua ba huyện Phong Điền, Hương Trà và Quảng Điền. Điều này có nghĩa là sông Bồ (hay Bồ Giang) vẫn chưa chính thức là cái tên chính thống trong sử sách cho đến thời điểm này.

Một trong những tư liệu về sông Bồ chính thức có ghi tên Bồ Giang là tấm bản đồ⁽¹⁰⁾ được vẽ vào đầu thế kỷ 20 (có thể là năm 1910, vì lúc này nhà nước có phân lại địa giới hành chính). Tư liệu có ghi chú bằng tiếng Việt kèm theo tiếng Pháp. Trong tấm bản đồ này, Bồ Giang kéo dài từ miền rừng núi Trường Sơn xa xăm hùng vĩ chảy qua làng mạc Lại Bằng, Cổ Bi, Hiến Sĩ, Phò Ninh, Thượng An, Bồ Điền... dùng dằng uốn mình xuôi xuống Phú Lễ, Phú Ốc, Hà Càng, Hạ Lang, Bác Vọng... rồi nhẹ nhàng trôi về các vùng hạ lưu trù phú khác.

Có một cách giải thích khác về sông Bồ có liên quan đến sông Hương. Theo truyền thuyết, sông Hương mang tên một giống cỏ Thạch Xương Bồ thì ngay bản thân dòng sông Bồ đã mang tên loài cỏ đại này rồi. *Từ điển Hán Việt* giải thích Bồ là “cỏ bồ”... còn là tên “gọi tắt của cây Thạch Xương Bồ”. Cây Thạch Xương Bồ có nơi người ta ngâm rượu uống. Rượu màu xanh lục rất đẹp và có mùi thơm rất quyến rũ.

Tuy nhiên đa số các nhà nghiên cứu cho rằng tên dòng sông thay đổi theo những lần thay đổi địa danh. Ông Hồ Tấn Phan lý giải: “Thời bấy giờ có thể người ta gọi tên sông theo tên huyện nó đi qua, nên một con sông đã có nhiều tên. “Sông cái Đan Điền” là quãng sông đi qua huyện Đan Điền (huyện Quảng Điền, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay)”. Cũng như thế, “Sông cái Kim Trà” là quãng sông đi qua huyện Kim Trà. Lý giải này có căn cứ thực tế lịch sử. Rằng người xưa có thói quen gọi tên sông theo tên làng, xã, huyện, tỉnh nó đi qua. Như sông Hồng có những đoạn mang tên Mê Linh, Bạch Hạc, Việt Trì”.⁽¹¹⁾

Như vậy dòng sông Bồ gắn liền với các địa danh cấp làng xã như Bồ Điền⁽¹²⁾ và địa danh cấp huyện như Bồ Đài, Trà Kệ, Đan Điền, Quảng Điền⁽¹³⁾ hoặc theo tên nguồn nước Sơn Bồ. Tuy nhiên theo ý kiến chủ quan cái tên Bồ Đài được xem là cổ xưa và ý vị nhất nên rồi lâu dần được mặc định theo tên gọi dân gian là sông Bồ cho đến ngày nay.

Sông Bồ gắn liền với các giai đoạn lịch sử

Trước tiên chúng ta lướt qua thành Hóa Châu. Thành được xây dựng lại qui mô, do nhà Trần tiếp quản vào thế kỷ 14. Phía Tây thành có dòng sông Bồ án ngữ và bảo vệ. Hóa Châu là tiền đồn phía Nam của Đại Việt, là nơi trấn giữ hiểm yếu cho cả đường sông và đường

bộ, vừa chống lại nhiều đợt xâm phạm biên cương của quân Chiêm Thành, vừa là nơi trú ẩn an toàn cho dân chúng người Việt định cư ở Hóa Châu. Chính nơi đây tướng Đặng Tất khởi binh đánh cho quân Minh đại bại. Cho mãi đến từ năm 1471 nhà Lê chinh phạt Chiêm Thành, thành Hóa Châu mới hết giữ vai trò quan trọng của nó.

Tiếp đến là việc lập dinh phủ trước sông Bồ. Chúa Nguyễn Phúc Nguyên chọn Phước Yên (1626- 1636) cũng như chúa Nguyễn Phúc Chu đã chọn Bắc Vọng (1712-1738) trước mặt dòng sông để xây dựng thủ phủ. Hai vùng đất này đều khá cao so với các vùng khác, cũng giống như đất Phú Xuân, là “chỗ nổi bật ở giữa đất bằng, ngồi vị càn [tây-bắc], trông hướng tốn [đông-nam], dựa ngang sông đất, trông xuống bến sông; đằng trước là quần sơn, chầu về la liệt”. Cả hai huyện Hương Trà và Quảng Điền đều lấy “núi Hòn Đồn làm trấn sơn.”⁽¹⁴⁾

Sông Bồ liên quan đến các sự kiện lịch sử khác. Tại giang phận Phú Lễ đã diễn ra trận quyết chiến giữa quân Trịnh và quân Nguyễn vào cuối năm 1774, kết quả quân Nguyễn đại bại, quan quân phải rút chạy vào Quảng Nam.

Ngay tại sông Bồ này, ngày 20/7 năm Ất Dậu (19/8/1885) chứng kiến cuộc thọ hình nghĩa sĩ Đặng Hữu Phổ tại bến đò Quai Vạc (còn gọi là đò ba bến) ngay trên quê hương ông. Năm ấy ông vừa tròn 31 tuổi.

Sông Bồ gắn liền với nông ngư nghiệp địa phương

Sông Bồ còn là nguồn sống nuôi dưỡng biết bao con người và vạn vật. Sông Bồ còn là nơi tổ chức lễ hội như lễ hội Cầu Ngư, hoặc hội đua thuyền truyền thống... Câu dân gian “gạo Mỹ Xá, cá Hộ Yên” có liên quan trực tiếp đến sông Bồ. Ở Mỹ Xá trước đây dân hay trồng giống lúa gạo rần có tên là lúa Chiêng. Loại lúa này có đặc tính ưu việt là nước sông Bồ mỗi năm lũ lụt lên cao đến đâu thì cây lúa phát triển cao lên chừng ấy. Theo chúng tôi thì giống lúa Chiêng ở đây chính là giống lúa Chiêm có hạt gạo màu đỏ mà người ta thường nấu cháo ăn với cá thệ kho khô và được xem là một trong những món ăn truyền thống của Huế có giá trị dinh dưỡng cao.

Cũng vào mùa mưa, nước từ thượng nguồn chảy về hạ lưu không những mang phù sa bồi đắp ruộng đồng mà nó còn mang lại nguồn cá đáng kể, đặc biệt là loại cá chình vào mùa sinh sản đã vượt thác ghềnh từ thượng nguồn sông Bồ về biển sinh con và đàn chình con này lại vượt biển vào phá Tam Giang ngược lên thượng nguồn sông Bồ để trưởng thành. Dân Hộ Yên (An Xuân ngày nay) nắm bắt được thời cơ này để đánh bắt cá. Ngoài ra đất Hộ Yên là vùng trũng nên lượng cá lưu trú ở đây cũng nhiều vô kể.

Tóm lại sông Bồ là chứng nhân lịch sử. Nó đã chứng kiến biết bao thăng trầm của đất nước. Dân tộc Việt có



thói quen tư duy sông nước nên việc lập làng lập chợ lập phủ lập thành trì đều có yếu tố sông nước. Thiết nghĩ nhà nước, chính quyền hoặc các cơ quan ban ngành có liên quan nên cần nghiên cứu hình thành phát triển tuyến du lịch bằng thuyền tham quan các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, các làng nghề truyền thống dọc theo sông Bồ. ■

Ghi chú:

(1) Dương Văn An, *Ô châu cận lục*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, 2001.

(2) *Ô châu cận lục*. Sđd.

(3) Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa Học Xã Hội, 1977.

(4) Sđd.

(5) Tôn Thất Bình, *Huế lễ hội dân gian*, Hội Văn nghệ Thừa Thiên Huế 1997.

(6) Sđd.

(7) Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn*, Thừa Thiên, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh, 1995.

(8) Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(9) Nguyễn Chính, Về Ngũ Hành Sơn nhớ công chúa Huyền Trân. Nguồn internet.

(10) *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn*, Thừa Thiên. Sách đã dẫn.

(11) Nguồn internet.

(12) Bồ Điền trước đây thuộc huyện Đan Điền (Quảng Điền), năm 1834 thôn này thuộc huyện Phong Điền. Ngày 26-1-1954, Nghị định số 141 NĐ/PC của Thủ hiến Trung Việt, sáp nhập các làng Bồ Điền, An Lễ, Thượng An, Phò Ninh, Đông Dã, Hiền Sĩ vào quận Quảng Điền. Ngày 20-4-1956 thì các làng này thuộc Phong Điền.

(13) Chúa Nguyễn Hoàng đổi tên huyện Đan Điền làm huyện Quảng Điền (dẫn theo *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn).

(14) *Phủ biên tạp lục*. Sđd.



Tránh né cái ác

NGUYỄN LIỄU

Đức Phật nói cho chúng ta biết hết thảy mọi thứ trên cuộc đời đều do nhân duyên mà sinh khởi và cũng do nhân duyên mà đoạn diệt; tương tự như vậy, các phiền não khổ đau sở dĩ phát sinh là do duyên gần gũi với cái ác, với các đối tượng xấu ác hoặc do tiếp xúc với môi trường không thân thiện; và do vậy để ngăn tránh các phiền não khổ đau thì con người cần phải tránh xa cái ác, tránh xa các đối tượng xấu ác hoặc môi trường không lành mạnh. Đây là phương pháp giữ cho mình khỏi rơi vào phiền não khổ đau nhờ biết cách tránh né, tức biết rời bỏ cái ác, xa lánh các đối tượng

xấu ác hay môi trường không hiền thiện khiến cho các phiền não khổ đau không có lý do sinh khởi và tăng trưởng. Đức Phật dạy cái ác nguy hại giống như thuốc độc; thế nên, người biết trân quý sự sống thì cần phải biết tránh né cái ác, không nên dính vào, như tránh xa thuốc độc vậy ¹. Trong bản kinh Tất cả lậu hoặc, *Trung Bộ*, Đức Thế Tôn nói rõ về ý nghĩa và lợi ích của pháp môn tránh né (*parivajjana*):

"Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ? Nay các Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực

núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy như lý giặc sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn ác độc ấy. Đây các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Đây các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.”²

Thật là rõ ràng và giản dị lời Phật chỉ bày về cách thức ngăn tránh các phiền não khổ đau, được gọi là pháp môn đoạn trừ các lậu hoặc do tránh né (āsava parivajjana pahātabbā). Đó là biết xem xét, cân nhắc và tránh né các đối tượng xấu ác hay các nơi chốn nguy hiểm, khiến cho các lậu hoặc (các phiền toái khổ đau) không có lý do sinh khởi, đi đến đoạn trừ. Lậu hoặc (āsava) là một thuật ngữ Phật học chỉ cho những gì mê mờ, xấu ác, ô nhiễm, gây phiền toái khổ đau, phát sinh do dục vọng (dục lậu), ngã chấp (hữu lậu) và tà kiến (vô minh lậu), làm cho con người thành ra mê mờ, không tỉnh táo, không sáng suốt, rơi vào lối sống sai trái xấu ác khiến phiền não khổ đau cứ tiếp tục sinh khởi và kéo dài không dứt. Chẳng hạn, ai cũng biết rằng làm ác thì sẽ khổ đau, nhưng do lòng tham chi phối và thúc giục nên con người thành ra mê mờ, quên mất hậu quả khổ đau, cứ tiếp tục làm ác, không có từ bỏ; kết cục là con người phải rơi vào phiền não khổ đau do lòng tham hay hành vi sai trái của chính mình. Do vậy, lòng tham được xem là một lậu hoặc (āsava), vì nó làm cho con người trở nên mê mờ, mù lòa, rơi vào đường ác và chịu bất hạnh khổ đau. Một ví dụ khác, ai cũng hiểu rằng sân hận là nguyên nhân khiến phiền não khổ đau phát sinh, khổ cho mình và khổ cho người, nhưng do không kiểm chế được lòng giận dữ bức phiền nên con người rơi vào các hành động sai trái, tạo tội ác cho mình và gây khổ đau cho người. Vậy nên, sân hận cũng được xem là một lậu hoặc (āsava), vì nó làm cho con người mê mờ, mất hết lý trí, rơi vào các việc làm bất thiện và chịu bất hạnh khổ đau. Theo lời Phật thì vị Tỳ-kheo nào có sự xem xét thấu đáo như vậy về lậu hoặc cũng như về các nguyên nhân khiến lậu hoặc sinh khởi và biết cách tránh né chúng tức là vị ấy có khả năng đoạn trừ các phiền lụy khổ đau, trước mắt cũng như lâu dài.

Cứ theo định nghĩa trên thì tránh né là một pháp tu rất căn bản mà hết thảy mọi người cần nắm bắt và thực hành để có được cuộc sống an ổn, tránh cho mình khỏi các phiền muộn khổ đau. Hẳn nhiên, có rất nhiều thứ nguy hại trong cuộc đời, nếu biết tránh né thì con người sẽ tránh được các phiền toái khổ đau, nhưng nếu không biết tránh né thì từ đó tai họa khổ đau sẽ phát sinh. Chẳng hạn, để giúp cho người Phật tử xây dựng đời sống hạnh phúc an lạc, hạn chế các phiền toái

khổ đau phát sinh, đạo Phật khuyên mọi người tuân giữ năm giới cấm (pancasila) hay tránh xa các hành vi bất thiện như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Về sự tai hại của việc phá giới, rơi vào lối sống bất chánh và sự lợi ích của việc giữ giới, tránh xa các hành động bất thiện, Đức Phật nhấn mạnh:

“Đây các Tỳ-kheo, có năm sự nguy hại này cho kẻ ác giới, phá giới. Thế nào là năm?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, do nhân phóng dật, bị tổn thất tài sản lớn. Đây các Tỳ-kheo, đây là sự nguy hại thứ nhất cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, đối với kẻ ác giới, phá giới, tiếng ác đồn xa. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguy hại thứ hai cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, khi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng Gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, vị ấy đi đến hội chúng ấy, có sợ hãi, có hoang mang. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguy hại thứ ba cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, khi mạng chung, tâm bị mê loạn. Đây các Tỳ-kheo, đây là sự nguy hại thứ tư cho kẻ ác giới, phá giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, kẻ ác giới, phá giới, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây các Tỳ-kheo, đây là nguy hại thứ năm cho kẻ ác giới, phá giới.

Và này các Tỳ-kheo, có năm lợi ích cho vị có giữ giới, đầy đủ giới. Thế nào là năm?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, do nhân không phóng dật, thu được tài sản lớn. Đây các Tỳ-kheo, đây là lợi ích thứ nhất cho vị giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, với người giữ giới, đầy đủ giới, tiếng lành được đồn xa. Đây các Tỳ-kheo, đây là lợi ích thứ hai cho kẻ giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, có đi đến hội chúng nào, hoặc hội chúng Sát-đế-ly, hoặc hội chúng Bà-la-môn, hoặc hội chúng Gia chủ, hoặc hội chúng Sa-môn, vị ấy đến không sợ hãi, không hoang mang. Đây các Tỳ-kheo, đây là lợi ích thứ ba cho người giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, khi mạng chung, tâm không bị mê loạn. Đây các Tỳ-kheo, đây là lợi ích thứ tư cho người giữ giới, đầy đủ giới.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người giữ giới, đầy đủ giới, khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi lành, Thiên giới, cõi đời này. Đây các Tỳ-kheo, đây là lợi ích thứ năm cho người giữ giới, đầy đủ giới.”³

Trong bài kinh giảng cho thanh niên Singalaka, Đức Phật nói đến các tai họa khổ đau của lối sống lười biếng phóng dật và khuyên những người tại gia cư sĩ nên tránh xa sáu thói quen không lành mạnh khiến hao tổn sức khỏe và tài sản như đam mê rượu chè, du hành đường phố phi thời, la cà đình đám hý viện, đam



mê cờ bạc, giao du bạn ác, thói lười biếng. Sau đây là những lời khuyên dạy hết sức căn bản và thiết thực của bậc Đạo sư nhấn mạnh về pháp môn tránh né cái ác dành cho người cư sĩ:

“Này Gia chủ tử, đối với vị Thánh đệ tử, bốn nghiệp phiền não được diệt trừ, không làm ác nghiệp theo bốn lý do, không theo sáu nguyên nhân để phung phí tài sản... vị này đã thực hành để chiến thắng hai đời, vị này đã chiến thắng đời này và đời sau. Sau khi thân hoại mạng chung, vị này sanh ở thiện thú, Thiên giới.

Thế nào là bốn nghiệp phiền não được diệt trừ? Này Gia chủ tử, đó là nghiệp phiền não sát sanh, nghiệp phiền não trộm cắp, nghiệp phiền não tà dâm, nghiệp phiền não nói láo.

Thế nào là không làm ác nghiệp theo bốn lý do? Ác nghiệp làm do tham dục, ác nghiệp làm do sân hận, ác nghiệp làm do ngu si, ác nghiệp làm do sợ hãi. Này Gia chủ tử, vì vị Thánh đệ tử không tham dục, không sân hận, không ngu si, không sợ hãi, nên không làm ác nghiệp theo bốn lý do.

Thế nào là không theo sáu nguyên nhân phung phí tài sản? Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu là nguyên nhân phung phí tài sản. Du hành đường phố phi thời là nguyên nhân phung phí tài sản. La cà đình đám hí viện là nguyên nhân phung phí tài sản. Đam mê cờ bạc là nguyên nhân phung phí tài sản. Giao du ác hữu là nguyên nhân phung phí tài sản. Quen thói lười biếng là nguyên nhân phung phí tài sản.

Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm: Tài sản hiện tại bị tổn thất, đấu tranh tăng trưởng, bệnh tật dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ âm tàng, và thứ sáu là trí lực tổn hại. Này Gia chủ tử, đam mê các loại rượu có sáu nguy hiểm như vậy.

Này Gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm: Tự mình không được che chở hộ trì, vợ con không được che chở hộ trì, tài sản không được che chở hộ trì, bị tình nghi là tác giả các ác sự, nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não. Này Gia chủ tử, du hành đường phố phi thời có sáu nguy hiểm như vậy.

Này Gia chủ tử, la cà đình đám hí viện có sáu nguy hiểm: Luôn luôn tìm xem chỗ nào có múa, chỗ nào có ca, chỗ nào có nhạc, chỗ nào có tán tụng, chỗ nào có nhạc tay, chỗ nào có trống. Này Gia chủ tử, la cà đình đám hí viện có sáu nguy hiểm như vậy.

Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm: Nếu thắng thì sanh oán thù, nếu thua thì tâm sanh sầu muộn, tài sản hiện tại bị tổn thất, tại hội trường (pháp đình) lời nói không hiệu lực, bằng hữu đồng liêu khinh miệt, vấn đề cưới gả không được tín nhiệm, vì người đam mê cờ bạc không xứng để có vợ. Này Gia chủ tử, đam mê cờ bạc có sáu nguy hiểm như vậy.

Này Gia chủ tử, thân cận các ác hữu có sáu nguy hiểm: Những kẻ cờ bạc, loạn hành, nghiện rượu, những kẻ trá ngụy, lường gạt, bạo động là những người bạn, là những thân hữu của người ấy. Này Gia chủ tử, thân cận ác hữu có sáu nguy hiểm như vậy.

Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm: “quá lạnh”, không làm việc; “quá nóng”, không làm việc; “quá trễ” không làm việc; “quá sớm”, không làm việc; “tôi đói quá”, không làm việc; “tôi quá no”, không làm việc. Trong khi những công việc phải làm lại không làm. Tài sản chưa có không xây dựng lên, tài sản có rồi bị tiêu thất. Này Gia chủ tử, quen thói lười biếng có sáu nguy hiểm như vậy.”⁴

Nhìn chung, tránh né các việc làm xấu ác, các đối tượng xấu ác hay các nơi chốn xấu ác là một pháp môn tu tập hết sức căn bản và thiết thực do Đức Phật giảng dạy và được đề cập nhiều nơi trong kinh điển đạo Phật. Đó chính là lẽ sống tỉnh táo và sáng suốt, nhận thức rõ hay như lý giác sát về phiền não khổ đau, về nguyên nhân của phiền não khổ đau và nỗ lực đoạn trừ chúng bằng phương pháp tránh né, không để cho mình rơi vào các việc làm xấu ác, không để cho mình bị các đối tượng xấu ác hay môi trường xấu ác lôi kéo, chi phối, sai sử. Đây là ý nghĩa của pháp môn đoạn trừ các lậu hoặc do tránh né được nói đến trong đạo Phật, cũng đồng nghĩa với phương pháp đoạn trừ phiền não khổ đau nhờ biết tránh né hay loại bỏ các nguyên nhân đưa đến phiền não khổ đau, rất thiết thực và lợi ích cho người Phật tử trong mục tiêu tu học Phật pháp, cần cầu một đời sống “vô thượng an ổn thoát mọi khổ ách”. ■

Chú thích:

1. Pháp cú, kệ số 123
2. Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung Bộ
3. Kinh Ác giới, Phá giới
4. Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt, Trường Bộ



Tin nhân quả, tạo phước đức, sống chân thường

NGUYỄN THẾ DĂNG

Ở đời ai cũng đi tìm kiếm hạnh phúc. Đời người là cơ hội lớn nhất để có hạnh phúc. Phật giáo là những phương pháp, những con đường để con người thực hiện hạnh phúc; từ hạnh phúc nhỏ, có được có mất, đến hạnh phúc tối thượng, không được không mất.

Khổ đau sở dĩ có vì con người không biết sống, tìm kiếm sai, mục đích sai, định hướng sai.

1. Tin nhân quả

Hạnh phúc không do may rủi, ngẫu nhiên. Người nào nói hạnh phúc tôi đang có là do may rủi ngẫu nhiên thì đó là người theo chủ nghĩa hư vô, đoạn kiến. Đoạn kiến vì cho là có quả mà không có nhân. Còn cho là ông Trời ưu đãi tôi, ban cho tôi nhiều hạnh phúc thì đó là chủ nghĩa hằng hữu, thường kiến. Số tôi may mà.

Thường kiến vì cho mọi sự đã được xếp đặt rồi, không do nhân quả nào cả.

Kết quả hạnh phúc đang có phải có do những nguyên nhân của hạnh phúc mà tôi đã tạo được. Hành động làm ra, tạo ra chính là nhân, và nhân phải sinh ra quả. Hành động (karma, nghiệp) tốt thì ra quả tốt, hành động xấu thì ra quả xấu.

Tin nhân quả và hành động theo luật nhân quả là tự điều khiển đời mình. Muốn quả nào thì gieo nhân đó. Muốn có quả nào thì làm nhân đó. Muốn người khác tin mình mà hay nói dối thì quả đó không thể có được. Muốn không ai làm hại mình mà hay làm hại người khác thì chuyện đó không thể có được. Sự lựa chọn nhân tốt hay nhân xấu tạo nên "số phận" của chúng ta.

Khi lựa chọn nhân quả là chúng ta đã tự do. Như thế chúng ta đã thoát khỏi nhân quả, theo ý nghĩa là chúng ta đã thoát khỏi những nhân quả xấu, những tai họa tương

lai cho chúng ta. Từ đây chúng ta tự do, không còn “bị”, “chịu”, “phải”... Với luật nhân quả, từ đây chúng ta chỉ có lời, không bị lỗi, trong cuộc đời nhiều rối rắm này.

Tin nhân quả là tin yêu đời sống, vì sẽ không có quả xấu nào xảy đến với ta nếu chúng ta không có nhân xấu ấy. Tin yêu đời sống vì sự công bằng của đời sống chính là luật nhân quả, chẳng ai có thể ăn gian ai, chẳng ai có thể gian lận được với luật nhân quả.

Tin nhân quả thì không có hối hận, đổ thừa, trách móc. Ý nghĩa của cuộc đời là dám nhận trách nhiệm với cuộc đời mình. Từ đó mới có tiến bộ, đúng hơn, tốt hơn, đẹp hơn.

Với luật nhân quả, chúng ta có thể điều khiển, chọn lựa cuộc đời mình một cách tự do. Đó là hạnh phúc.

2. Tạo phước đức

Tạo phước đức là làm một cái gì đó có lợi ích cho người khác. Theo đúng luật nhân quả, làm lợi ích cho người khác là một nhân, thì nhân đó sẽ thành quả, tức là mình cũng sẽ được lại một lợi ích nào đó.

Suốt ngày luôn luôn có thể tạo phước đức, làm cho người khác và môi trường chung quanh một chút gì đó đúng hơn, tốt hơn, đẹp hơn. Buổi sáng quét ngoài hàng rào, vứt vào trong một cục đá có thể làm té người đi đường. Lượm một giấy rác bỏ vào thùng rác công cộng. Săn sóc một chậu hoa trong vườn cho người khác vui thích khi đến nhà...

Nhưng làm lợi ích cho người khác và môi trường chung quanh không chỉ vì lợi ích để dành về sau cho mình. Bên dưới hành động đó còn có động cơ là lòng từ bi. Người ta làm phước đức do lòng từ bi. Khi có lòng từ bi hiện diện thì khi ấy có hạnh phúc.

Không chờ đợi kết quả ắt phải đến, ngay khi làm lợi ích cho người khác chúng ta liền có niềm vui, hạnh phúc vì lúc đó chúng ta có từ bi. Tạo phước đức là sự thể hiện của lòng từ bi thành hành động.

Nếu làm lợi ích cho đời với một tâm thức có trí huệ, nghĩa là không tham, không sân, không si, không bám chấp, thì càng làm lợi ích chúng ta càng giải thoát, càng tự do. Lúc ấy phước đức được gọi là công đức vì gắn với trí huệ và cũng gắn với từ bi.

Làm việc phước đức có thể gắn liền với thực hành trí huệ. *Kinh Kim Cương* nói: “Bồ thí (phước đức) mà không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (trí huệ)”. Khi tâm không trụ vào các tướng, tâm ấy bao la, do đó phước đức cũng trở nên bao la. Kinh nói tiếp: “Nếu Bồ-tát không trụ tướng mà bồ thí thì phước đức ấy không thể tính lường”.

Phước đức được gắn liền với trí huệ thì đây là con đường Bồ-tát, Bồ-tát hạnh. Nơi Bồ-tát hạnh, trí huệ và từ bi hợp nhất.

3. Sống chân thường

Phước đức nào được hưởng thì cũng có ngày hết. Quả tốt bao nhiêu cũng theo luật vô thường có sanh thì có diệt rồi cũng không còn.

Khi ý thức điều đó, chúng ta nhắm đến một hạnh phúc cao hơn, bền vững hơn, thường trực hơn. Hạnh phúc ấy nói theo kinh điển Pali là “hạnh phúc tối thượng”, “vĩnh cửu”, “bất hoại”, “bất diệt”, “không tùy thuộc thế gian”...

Tất cả mọi con đường, mọi pháp môn, mọi tông phái Phật giáo đều để đưa đến Quả này. Tất cả đều nói rằng Quả hạnh phúc tối thượng này nằm trong chính thân tâm mỗi người. Thực hành là khám phá ra điều đó.

Cho nên hạnh phúc này là bình đẳng tuyệt đối. Không phải tranh giành nhau, không phải hơn kém nhau, không phải nơi đây mới có nơi kia không có, chỗ này ít hơn chỗ kia nhiều hơn. Không tùy theo thế gian là như vậy.

Sống chân thường là:

Dầu sống một trăm năm
Không thấy cái Bất diệt
Không bằng chỉ một ngày
Thấy được cái Bất tử

Dầu sống một trăm năm
Không thấy pháp tối thượng
Không bằng chỉ một ngày
Thấy được pháp tối thượng

(*Kinh Pháp Cú, phẩm Ngàn*)

Kinh điển Sanskrit gọi “pháp tối thượng”, “cái bất tử” này là “pháp tánh” hay “thật tướng của tất cả các pháp”. Đã gọi là thật tướng của tất cả các pháp mà các pháp thì chỗ nào cũng có, cho nên nơi bất cứ pháp nào cũng có thể gặp và sống cái thật tướng này. Nơi bất cứ cái gì của đời sống, nơi không gian nào thời gian nào cũng có thể thấy ra và sống cái thật tướng này.

Nhờ cái thật tướng của tất cả các pháp này, đời sống mới tìm thấy ý nghĩa đích thật của nó. Nếu không có ý nghĩa đó, mà kinh điển gọi là Đệ nhất nghĩa đế, đời sống chỉ là vô thường, sanh trụ dị diệt, khổ đau và trôi về hướng hư vô.

Cho nên phải nói rằng đạo Phật cứu đời sống, gồm ta, người và thế giới, ra khỏi hoại diệt hư vô bằng pháp tối thượng, cái bất tử, bằng thật tướng và thật nghĩa của tất cả các pháp.

Sống được cái pháp tối thượng, cái bất tử, cái thật tướng của tất cả các pháp này gọi là sống chân thường. Đời sống chân thường này ở khắp tất cả.

Ở trên là ba con đường đi đến hạnh phúc. Ba con đường đó không riêng rẽ mà thật ra không lìa nhau, có thể hợp nhất thành một con đường lớn tiến đến mục đích tối hậu của đời người. Chúng ta có thể cùng một lúc đi cả ba con đường, vì cả ba cùng là một, trong cái này có cái kia.

Cụ thể là người ta có thể vừa sống chân thường, vừa làm theo luật nhân quả, và vừa làm lợi ích cho những người khác. ■

Chuyện con vẹt biết niệm phật

HƯƠNG ĐỨC

Cách đây hơn mười năm, đứa con gái duy nhất của tôi mới vừa tám tuổi. Một hôm, sau khi xem chương trình thế giới hoang dã trên ti vi, thấy hình ảnh các con vẹt xinh đẹp và rất khôn ngoan, con tôi bỗng ước ao có được một con vẹt để nuôi; nó cứ lẻo đẻo theo tôi đòi mua cho bằng được. Vốn là một Phật tử lâu năm, lại từng tham dự nhiều buổi lễ phóng sanh, nên tôi không đồng ý việc đòi hỏi của con; vì tôi không muốn tạo nghiệp “cá chậu, chim lồng”. Mặc dù tôi đã nhiều lần từ chối, con bé vẫn cứ nhắc hoài ao ước đó suốt cả năm trời. Một dạo nó bị bệnh, chữa ở nhà không bớt nên tôi phải đưa con vào nằm điều trị tại bệnh viện. Những lúc mê sảng vì sốt cao, có lúc nó nói mê, nhắc tôi mua

cho nó con vẹt, rồi nó cười bảo con vẹt đẹp quá ba ơi. Thấy con trong cơn mê sảng vẫn mơ ước có được con vẹt đó, tôi chảy nước mắt vì sự cứng lòng, chặt dạ của mình. Tôi lay con tỉnh lại, bảo con ráng hết bệnh, ba sẽ mua cho con một con vẹt để nuôi, nó nghe nói, mừng lắm. Đêm đó, nó bắt đầu bớt sốt, ngủ yên.

Làm cha mẹ, nói thì phải giữ lời. Nhưng việc thực hiện lời hứa cũng không phải dễ dàng vì nhà tôi ở vùng sông nước miền Tây, chim chóc có rất nhiều loại nhưng những loài như vẹt, kút thì dù đã lớn tuổi mà tôi chưa thấy chúng ở ngoài hoang dã bao giờ. Thỉnh thoảng đi công chuyện trên thị xã, đôi lần tôi gặp một chiếc xe gắn máy chở rất nhiều chim trong lồng đi bán dạo, có cả những con kút, chúng kêu la rất chói tai. Để chứng



tỏ là mình giữ lời hứa, tôi chờ con đến nhà một người bạn là thợ sửa xe ở ven huyện lộ, nhờ người đó khi nào thấy xe chở két bán dạo nhớ kêu tôi giùm để tôi mua cho con bé một con. Tôi cố ý nói với bạn như thế cho con nghe được, nhưng trong thâm tâm, tôi biết chưa bao giờ có xe bán chim dạo nào xuống tận đây để bán vì nơi này cách trung tâm tỉnh rất xa; nếu không có người bán thì tôi không mua mà vẫn giữ được lời hứa với con mình và giữ được giới cấm. “Không phải ba không muốn mua nhưng do không có, nên không mua được”, tôi dự định sau một thời gian sẽ nói như thế để an ủi nó. Nào ngờ, lúc ấy có thằng con trai của người hàng xóm bạn tôi đang ngồi chơi kế bên. Nghe tôi dặn người bạn như vậy, thằng bé liền nói nó có cặp vẹt, nếu tôi muốn mua nó sẽ bán cho. Tôi rất ngạc nhiên, hỏi sao nó có; thằng bé bảo anh nó đi chơi ngoài miền Đông, người ta cho đem về, nuôi hoài chỉ thấy nó ăn rồi ị chứ chẳng biết hót gì cả nên chán muốn bán đi cho rảnh nợ. Tôi hỏi nó định bán bao nhiêu, nó bảo bán cả lồng là tám chục ngàn. Người bạn thợ sửa xe của tôi cứ với thằng bé: Hôm trước tao trả mày một trăm ngàn mà mày không bán, bây giờ sao bán cho người khác có tám chục. Thằng bé cười láu lỉnh: Bán kế bên nhà rui tiếc thì mang tức sao, chẳng thà bán xa cho khuất mắt, có rẻ chút cũng hồng sao. Tôi nghe nó phân tích mà buồn cười nhưng có lý, cái thằng lém thiệt. Thế là tôi phải móc tiền ra mua cặp vẹt đó đem về nhà, nhìn con mừng tíu tít, tôi thấy vui vui một chút nhưng sau đó lại rầu trong bụng vì đã không giữ được hạnh phúc sanh. Thôi thì nuôi một thời gian cho con nó vui, sau đó tìm cách thả ra chắc cũng không sao, tôi chắc lười nói thắm.

Do bị thằng bé nhốt chung một lồng, con vẹt nhỏ đã bị con vẹt lớn cắn khiến lông lá tả tơi, tôi phải mua thêm một cái lồng nữa rồi cặp sát vào lồng cũ, tách hai con ở riêng, thế mà thỉnh thoảng hễ con vẹt nhỏ vô ý để lông đuôi ló sang lồng bên kia liền bị con vẹt lớn cắn vặt đứt lông liền, mỗi lần bị vặt lông như vậy con vẹt nhỏ kêu nghe rất thảm. Khi xảy ra chuyện như vậy, tôi thường cầm que khỏ vào lồng con vẹt lớn cho nó sợ mà chừa, thế mà nó chẳng ngán, cứ rình để vặt lông con vẹt nhỏ hoài.

Sau một thời gian tích cực phụ tôi chăm sóc hai con vẹt, con gái tôi do tánh con nít mau chán, nó bỏ hẳn việc săn sóc đó cho tôi. Một mình, mỗi ngày phải thay nước, lấy thức ăn để vào hộp, hốt dọn phân cho chúng, đôi khi thấy bức mình vì bận bịu, tôi trách mình do thương con mà tạo nghiệp nên giờ phải lãnh quả báo. Tôi dự định một thời gian nữa sẽ tìm cách thả chúng đi. Cũng may, chúng rất dễ ăn, chúng ăn đủ thứ, cái gì mình ăn được chúng đều ăn được; ngoại trừ thịt cá, những thứ như lúa, bánh, chuối và các thứ trái cây khác... chúng đều rất khoái. Cái mỏ khoằm cứng như thép, với lực cắn khủng khiếp, thức ăn nào vào mỏ chúng đều bị

cắn nát thành bột. Đặc biệt, cả hai con đều rất mê ăn ớt, chúng cầm trái ớt hiểm bằng chân giống như người ta cầm ổ bánh mì, rồi chậm rãi lựa từng hột ớt ra nhâm nhi. Ai không quen tới gần, ngửi mùi ớt là nhảy mũi sặc sụa trong khi chúng tỉnh bơ cắn cái thứ cay xé họng đó. Thật là lạ.

Một hôm, ngồi nhìn cặp vẹt, tôi chợt nhớ lúc còn nhỏ, mẹ tôi có kể cho tôi nghe, bà ngoại tôi ngày xưa có nuôi một con nhổng biết nói. Do cậu tôi tên Hoàn hay quậy phá, ngoại tôi thường la: “Hoàn a, cái đồ hư...”. Con nhổng nghe riết rồi cũng nói: “Hoàn a, cái đồ hư...”. Ai nghe cũng buồn cười. Chừng cậu tôi lớn lên, một hôm vừa mới dắt người yêu về nhà lần đầu, con vẹt theo thói quen, thấy cậu tôi liền la “Hoàn a, cái đồ hư...”. Cậu tôi mắc cỡ với người yêu, chiều đó, lên bóp con nhổng chết tươi. Bà ngoại tôi từ việc đó giận cậu ấy cả tháng trời, không thèm nói tới mặt. Nhớ đến chuyện xưa, tôi chợt nảy ra ý tưởng là dạy cho hai con vẹt niệm Phật. Tôi liền đến gần chiếc lồng rồi nói A-di-đà Phật, A-di-đà Phật... Tôi lặp đi lặp lại nhiều lần bốn chữ đó. Con vẹt nhỏ chẳng hề chú ý, vẫn nhẩn nha ăn bánh; còn con vẹt lớn lúc đó đang cắn hạt bắp bỗng dừng lại, nghiêng đầu nhìn tôi, đôi mắt tròn xoe như chú ý lắng nghe, rồi nó phát ra tiếng rừ rừ gì đó trong cổ họng, một lát sau quay lại cắn hạt bắp tiếp. Tôi kiên trì lặp đi lặp lại câu A-di-đà Phật nhiều lần cho hai con vẹt nghe trong những ngày tiếp theo. Khoảng một tuần sau, một buổi sáng thức dậy, khi đi ngang chuồng vẹt tôi bỗng nghe tiếng niệm A-di-đà Phật nho nhỏ; giật mình tôi quay lại nhìn thì con vẹt lớn tiếp tục lớn tiếng: A-di-đà Phật, A-di-đà Phật... Tôi mừng quá, bao nhiêu ngày kiên trì nay đã thành công. Thật là vui. Tôi gọi cả nhà đến xem, ai nấy đều thích thú khi nghe tiếng niệm Phật của con vẹt. Con vẹt lớn càng ngày càng niệm Phật rõ ràng hơn, còn con vẹt nhỏ tối ngày chỉ biết ăn rồi kêu “chè, chè...”, rung rung đôi cánh như con chim non đòi mẹ cho ăn, dẫu rằng nó đã già cỗi khú đế. Sau đó, thấy con vẹt lớn đã thuần thục trong niệm Phật A-di-đà, tôi bèn dạy nó niệm các danh hiệu khác như Thích-ca Mâu-ni Phật, Quan Thế Âm Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát... Lúc này, chắc đã quen phát âm nên con vẹt lớn học rất nhanh, nó đọc đủ các danh hiệu Phật, Bồ-tát mà tôi đã dạy. Nhiều người nghe nó đọc các danh hiệu Phật và Bồ-tát, đều rất ngạc nhiên trầm trồ khen ngợi. Khi anh em chúng tôi tụ họp đầy đủ ở nhà trong những dịp cúng giỗ cha mẹ, lúc rảnh, mọi người vui vẻ xúm lại nghe nó niệm Phật, có người còn lấy máy quay phim ra quay nó để dành làm kỷ niệm hoặc khoe với bạn bè.

Một hôm, nhà có tiệc giỗ, trong những khách mời có một người anh họ chuyên nuôi chim hoàng yến và anh ta có nuôi một con nhổng, con nhổng này cũng biết nói, nhưng do anh họ tôi là đệ tử lưu linh, bạn bè rủ nhậu tối ngày, con nhổng nghe riết nên chỉ biết nói có một câu: “Bác Bảy ơi, nhậu!”. Nhiều người nghe nó

kêu như vậy, cười lẫn ra bảo đúng là thấy nào trò đó. Lúc ấy, anh ta thấy con vẹt của tôi chỉ nói toàn Phật hiệu nên muốn phá, anh ta kê miệng hơi rình mùi rượu sát vào lồng, lập đi, lập lại một câu tục tĩu cho con vẹt học, không ngờ nó la một tiếng “két” thật lớn rồi cắn một phát như trời giáng vào môi anh ta, ông anh họ tôi ôm môi chảy máu, bỏ về một nước. Tôi cười, bảo đáng cái đời đi dạy tầm bậy!

Một hôm, vào buổi trưa tháng Tư, ngoài trời có nhiều tiếng chim hót riu rít, tôi thấy hai con vẹt ngừng ăn, nghiêng nghiêng đầu như chú ý lắng nghe, thỉnh thoảng con vẹt nhỏ lại kêu lên vài tiếng thánh thót, rồi vỗ cánh đập lạch xạch trong lồng... tôi chợt giật mình nhớ lại, thối thoát mới đây đã gần một năm trôi qua. Lúc mới nuôi, tôi định vài tháng sau sẽ thả cho chúng về thiên nhiên nhưng do bận bịu đủ thứ chuyện nên quên khuấy đi. Chiều hôm đó, tôi nói với con gái tôi việc thả hai con vẹt, tuy nó tiếc lắm nhưng do được tôi đưa đi chùa, dự lễ phóng sinh vài lần, nó hiểu chuyện nên đồng ý nhưng dặn tôi đợi nó đi học hãy thả cho nó khỏi tiếc. Ngày rằm tháng Tư âm lịch năm đó, tôi quyết định thả cặp vẹt để đón mừng lễ Phật đản.

Khi hai cửa lồng chim được mở ra, con vẹt nhỏ liền nhanh chóng bước đến khung cửa rồi lẹ làng bay vút vào không trung mất dạng, tôi nhìn nó ra đi như vậy, chợt thấy buồn một chút, mình sấn sỏ, lo lắng cho nó gần cả năm trời, thế mà ra đi không thêm ngoái lại một lần... Đúng là cái đồ bạc bẽo!

Còn con vẹt lớn, thấy cửa lồng mở, nó lò dò đến khung cửa rồi đứng đó, thò cái đầu ra nghiêng nghiêng, ngó ngó. Một lát sau, nó trèo hẳn ra ngoài, dùng mỏ và vuốt chân, móc vào các thanh của khung chuồng, leo vòng quanh bên ngoài chuồng hai, ba vòng rồi quay trở về cửa chuồng vào trở lại bên trong, tiếp tục cắn thóc trong lọ. Tôi hết sức ngạc nhiên vì hành động của nó, tôi nghĩ chắc nó còn lạ cảnh bên ngoài nên sợ không dám rời đi nên tôi cứ để cửa lồng như vậy cả buổi chiều đó nhưng nó vẫn ở mãi trong lồng như không có chuyện gì xảy ra cả. Bắt đầu từ hôm ấy, tôi không bao giờ đóng cửa lồng nữa.

Từ đó về sau, tôi với con vẹt lớn như hai người bạn, khi nào thấy tôi xách xe định đi đâu nó lại kêu “két” một tiếng thật lớn như muốn hỏi đi đâu đó? Nếu tôi nói “Đi chợ” là nó làm thinh, còn nếu tôi không trả lời là nó la “két két” liên tục khiến cả nhà lung búng lỗ tai cho đến khi tôi lên tiếng nó mới ngừng lại.

Tối đến, tới thời công phu, khi tôi mặc áo tràng lam, thắp hương và gõ chuông, cứ sau tiếng chuông “boong” là nó kêu “két” một tiếng rõ lớn, lúc tôi lạy Phật, tọa thiền, tụng kinh thì nó cũng rì rầm đọc các danh hiệu của chư Phật và Bồ-tát. Trong khói hương thơm dịu dịu, một người, một súc sanh lặng lẽ tu tập. Cứ như thế gần mười năm trời đã trôi qua. Và cửa lồng chim luôn rộng mở nhưng con vẹt chẳng buồn rời khỏi cửa,

chắc nó đã tìm được nơi an trú thanh bình. Đất lành chim đậu mà!

Có một Phật tử khi nghe con vẹt của tôi niệm Phật liền nói, theo một câu chuyện Phật giáo, sau này khi con vẹt chết đi, lưỡi của nó sẽ không bị tan hoại, nếu đem chôn xuống đất nơi đó sẽ mọc lên một loài hoa sen rất quý. Tôi thì không biết chuyện đó có xảy ra cho con vẹt này hay không bởi khi con vẹt này mà chết thì tôi cũng tan xác lâu rồi vì theo các nhà động vật học bảo loài vẹt có thể sống gần tới ba trăm năm. Hiện tại tôi chỉ biết có một chuyện kỳ lạ là từ ngày con vẹt này bắt đầu niệm danh hiệu Phật thì ngày nào nó cũng được ăn một loại bánh ngon đất tiền, bánh này không phải do tôi mua mà do người khác mang đến tặng nhưng ác có một điều là hễ tôi ăn vào thì bị tăng huyết áp nên chẳng dùng được, (người ta tặng, không lẽ chê, chẳng nhận), thế là con vẹt cứ tằng tằng thưởng thức “tiêu chuẩn” của tôi suốt bao nhiêu năm qua. Đó chẳng phải là biểu hiện của phước báo cho việc niệm Phật của nó sao? Và tôi nghĩ, việc con vẹt đến với tôi rồi được tôi dạy cho nó niệm Phật, âu cũng là một cái duyên tiền kiếp. ■





Nét đẹp trong **mâm cỗ chay xứ Huế**

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

An chay là hiện tượng phổ biến ở Huế bởi nơi đây vốn là trung tâm Phật giáo của cả nước và có gần hai phần ba dân cư là Phật tử tại gia. Người Huế định ngày ăn chay trong tháng gọi là trai kỳ, có thể là nhị trai, tứ trai, thất trai, thập trai hay trường trai. Cho nên không lấy làm lạ khi cứ ngày rằm hay mồng một hàng loạt hàng quán ven những con đường thơ mộng bỗng trở nên chay tịnh! Vào mấy ngày này bạn có thể thưởng thức một món chay bình dân như bún trộn khô, bún nước, bánh lọc, bánh canh, cháo nấm... ở bất kỳ nơi đâu. Tuy nhiên, để được “tận mục sở thị” cái trình độ điêu nghệ và sự thăng hoa của các món chay xứ Huế bạn phải tham dự một buổi tiệc chay đúng nghĩa vào dịp kỷ giỗ hoặc ngày lễ lớn của đạo Phật.

Rằm tháng Bảy vừa rồi (2013) tôi được tham dự lễ cúng nhân ngày Vu lan tại gia đình một người bạn Huế. Dù đã quen với những dịp “cúng kiếng” ở vùng đất cổ đô song tôi vẫn ngỡ ngàng bởi buổi lễ diễn ra trang trọng và rất lớn. Tất nhiên “trang trọng và lớn” không

phải vì mâm cao cỗ đầy sơn hào hải vị mà là cách thức con cháu bày tỏ tấm lòng thành kính với tổ tiên. Trước ban thờ nghi ngút khói hương trầm thơm ngát, vị cao tăng trên chùa tuyên sớ trong tiếng nhạc lễ réo rắt như nghi thức chốn cung đình. Đặc biệt, đồ lễ hôm đó ngoài hoa quả, tiền vàng, đồ mã, gia chủ làm tiệc chay hoàn toàn, tuy thanh đạm nhưng tinh tế, thịnh soạn và mang nhiều ý nghĩa.

Người phụ nữ Huế nói rằng làm một bữa tiệc mặn khó một thì làm tiệc chay khó mười! Bạn thử nghĩ xem, một bàn tiệc mặn thông thường có gì? Thịt gà, thịt heo, cá, giò, chả... thì cỗ tiệc chay cũng phải có những món như thế nhưng phải chế biến từ các nguyên liệu phi động vật, nghĩa là chỉ bằng bột mì, mè, đậu, bột lọc, mít non, chuối xanh cùng các loại củ quả khác... Cho nên làm cỗ chay thực ra là một quá trình tạo hình nghệ thuật và phù phép màu sắc, hương vị cho món ăn. Chỉ người đầu bếp có tâm hồn nghệ sĩ và tài năng, khéo léo như ảo thuật gia mới có thể làm ra một mâm cỗ chay hoàn hảo.

Với sự chuẩn bị nguyên liệu công phu, tỉ mỉ, mỗi thứ một chút... người đầu bếp có thể tạo ra vô vàn món ăn nào là chả quế, giò lụa, sườn heo chiên, cá chiên, gà xé bóp rồi nem rán... gọi lên cả hình dáng, màu sắc và hương vị như chính tên gọi mặt trời của nó.

Này nhé! Món gỏi thập cẩm khai vị đặt chính giữa bàn tiệc hội tụ đầy đủ màu sắc của thiên nhiên: màu xanh non của rau thơm, chuối búp, đồ của cà-rốt, tím của cải su, trắng của nấm hay rong biển, hồng hồng của miếng nem chay... cứ như bức tranh rực rỡ mới được người họa sĩ hoàn thành. Trên chiếc đĩa kiểu điểm thêm một bông hoa cắt tỉa từ trái ớt đỏ tươi bên mấy cọng lá mùi xanh mượt rồi rắc thêm chút đậu mè, chan thêm chút nước tương chua ngọt, khiến cả thị giác và vị giác người thưởng thức phải hưng phấn.

Từ trái mít non hoặc quả chuối sứ còn trong búp, luộc nhừ xé nhỏ trắng muốt, trộn thêm rau răm, tiêu, ớt, chanh đã có đĩa "thịt gà xé bóp" đậm đà mùi vị. Còn món sườn heo ram lại là tác phẩm chế biến từ khoai lang và đậu xanh! Người ta thái khoai lang thành miếng bằng cỡ ngón tay rồi chiên vàng giả làm bì sườn heo. Đậu xanh đãi vỏ đồ chín, đánh nhuyễn, nêm thêm xì dầu, đường, tiêu, muối trộn đều giả làm thịt heo. Sau đó xếp mấy miếng khoai vào giữa hai lớp bột đậu đã được cán ra khay. Dùng tay ấn nhẹ từng chút, từng chút một cho ba lớp nguyên liệu dính chặt vào nhau rồi cho vào chảo dầu chiên vàng lần nữa. Nhìn từng miếng sườn heo vàng ruộm trên lớp rau sống trong đĩa không khác gì miếng sườn heo thật khiến không ít người ngỡ ngàng mà quên đựng đĩa.

Hay món chả làm từ khoai môn tía cũng công phu và sáng tạo vô cùng. Khoai môn nạo ra đánh nhuyễn rồi ướp với boarô băm nhỏ, muối, tiêu, xì dầu. Khéo léo viên lại từng miếng tròn đẹp như lát chả rồi chiên vàng. Món này được dọn lên với một chén nước tương kho chế biến từ dầu ăn, tương đậu nành xay và một chút đường được cô đặc trên lửa than... tạo nên mùi vị ngậy, béo thật dễ chịu và khó quên... Xa xa trên mâm tiệc, một đĩa cá trê chiên vàng nâu cánh gián nhưng không thể ngờ rằng đó là tác phẩm từ quả cà tím tẩm gia vị chiên dầu.

Mâm cỗ còn thịnh soạn hơn với các loại bánh lọc, bánh nậm. Chết bột thì giống với bánh mặn, chỉ khác ở chỗ nhân chay. Mỗi loại bánh có hương vị riêng không lẫn với nhau và ngon tuyệt.

Dẫu không thể kể hết ra đây sự phong phú của các món ăn thường thấy trong mâm cỗ chay xứ Huế, song tựu trung có thể thấy món nào cũng đẹp, ngon không kém gì nem công chả phụng! Quả thực mâm cỗ chay đã khẳng định thêm rằng đối với người Huế thì "thức ăn không phải cứ hễ cá thịt thì ngon, mà dưa rau thì dở". Ngược lại, từ những nguyên liệu bình dị, dễ tìm chốn bình dân, qua sự sáng tạo tuyệt vời, phối trộn tài tình mà người phụ nữ Huế đã tạo ra những món chay đạt đến một trình độ nghệ thuật hiếm thấy. Nghệ thuật từ

sự hài hòa màu sắc, hương vị và cách trình bày trên bàn tiệc đến sự thể hiện triết lý sống của con người chốn đế kinh một thời rất nhẹ nhàng, thanh cao, tuy nghèo mà sang trọng.

Có thể nói rằng trong bức tranh ẩm thực Huế nói chung, món chay và món mặn tạo nên thế cân bằng với nhau như một cặp tự tính "sông-núi" đến kỳ lạ. Người ta "thương" ẩm thực mặn của Huế bao nhiêu thì càng ngỡ ngàng và thần phục về độ tài tình của ẩm thực chay bấy nhiêu. Tuy nhiên, có lẽ ít ai biết rằng ẩm thực chay Huế từ những món bình dân đến món dọn trên mâm cỗ còn mang ý nghĩa nhân sinh và là nơi con người gửi gắm hạnh nguyện đến với đất trời, tổ tiên.

Trước hết, người Huế nấu cỗ chay là để thể hiện lòng kính trọng đối với ông bà tổ tiên. Quá trình chuẩn bị làm cỗ tuy không tốn kém về mặt tiền bạc nhưng công phu, tỉ mỉ. Thông qua quá trình chế biến những món ăn thanh đạm, người Huế muốn gửi gắm tâm tư tình cảm và làm trọn đức nhân đức nghĩa ở đời.

Ngoài ra, nấu chay, ăn chay đối với họ còn để hướng tính thiện. Tôi được biết, nhiều gia đình Huế chưa bao giờ một lần dám mua con gà, con vịt còn sống về nhà tự làm thịt vì họ sợ phải kết thúc một sự sống sẽ gây nên nghiệp chướng. Vì vậy, nấu và ăn các món có nguồn gốc thực vật là cách họ thể hiện lòng trân trọng sự sống, loại bỏ tham, sân, si, nuôi dưỡng tâm hồn, giúp lòng thư thái, hòa vào thiên nhiên đất trời. Cho nên, người Huế ăn chay không chỉ để đổi thực đơn hay khẩu vị mà còn để dưỡng tâm tính, một lòng hướng Phật. Quả là như nhiều người chiêm nghiệm:

"Tinh thương trải rộng đất trời

Sống bằng chay tịnh hóa đời thanh cao"

Hơn nữa, đối với người Huế, nấu chay và ăn chay còn để cầu bình an cho tổ tiên, cha mẹ hay siêu độ khi tiên tổ và cha mẹ không còn nữa. Đó là việc làm thể hiện đạo hiếu rất thiết thực, giản dị, không phô trương mà mang ý nghĩa tâm linh rất lớn. Các gia đình Huế vào những dịp kỵ, giỗ hay lễ trọng thường làm cỗ chay dâng cúng. Ngay cả dịp Tết, khác với các vùng miền trên cả nước có rất nhiều đặc sản thịt, cá thì nhiều gia đình Huế vẫn làm cỗ chay với ý niệm cầu cho hương linh tổ tiên sớm siêu sinh tịnh độ và mong con cháu cũng gặp điều may mắn, bình an. Nét văn hóa độc đáo này có lẽ chỉ riêng có trên đất Huế - Thần kinh!

Từ bao đời nay, "Sông Hương - Núi Ngự", "mè xừng" rồi "bún bò giò heo" hay cả những món ăn chay nữa đã trở thành đặc sản của Huế - một vùng đất của cung vàng điện ngọc và chùa chiền cổ kính. Lữ khách muôn phương đến Huế thưởng ngoạn cảnh sắc mây trời thơ mộng và "thời" một món chay trên mâm cỗ là thêm một lần trải nghiệm chất nghệ sĩ tài hoa của người Huế; thêm một lần "tìm lối vào cõi thiện, cõi tâm linh" siêu thoát để rồi sống tốt hơn, đẹp hơn giữa cuộc đời. ■

Người nữ trong đạo Phật

MỘC LAN

Giáo huấn

Vua Ba-tư-nặc một hôm đang hầu chuyện với Đức Phật, bỗng nghe tin hoàng hậu hạ sinh công chúa, nhà vua tỏ vẻ không vui. Thấy thế Đức Phật khuyên nhủ:

- Đại vương! Một bé gái có thể còn quý hơn con trai. Khi lớn lên cô bé có thể là người trí huệ và phẩm hạnh vẹn toàn. Là một người vợ hiền, biết kính trọng mẹ chồng. Sẽ là mẹ của một quan vương vĩ đại. Thật thế! Đứa con của một người vợ cao thượng sẽ trở thành người hướng đạo chân chánh cho quốc gia.

Câu nói của Đức Phật, từ đó như một bằng ban khen, bảo đảm giá trị cho người nữ. Phá tung thành kiến với lý luận suy diễn. Ngài cho thấy nếu được giáo dục toàn vẹn về trí tuệ và đạo đức, con gái cũng đáng quý không thua con trai.

Ca dao Việt Nam xác định:

Trai mà chi, gái mà chi,

Con nào có nghĩa, có nghi là hơn.

Một lần khác Đức Phật dạy dỗ cho Sujàtā, con dâu của trưởng giả Cấp Cô Độc. Cô này vốn sinh trưởng trong gia đình giàu có, khi về nhà chồng rất hống hách, ngang ngược. Đức Phật cho gọi cô lên, giải thích về bảy hạng vợ trên thế gian; lưu ý rằng có những người vợ quấy rối và những người vợ hiền thực. Cuối cùng Phật hỏi:

- Này Sujàtā, đó là bảy hạng vợ. Con thuộc hạng nào?

- Bạch Đức Thế Tôn! Xin Ngài hãy nghĩ rằng từ nay con thuộc về hạng vợ hiền.

Phương trời cao rộng

Mùa An cư thứ năm sau ngày Thành đạo, Đức Phật cho phép thành lập Giáo đoàn Ni. Những thử thách đối với Ni chúng được Đức Phật đưa ra từ buổi đầu là những lời giáo huấn vô ngôn cho bản chất Ni chúng. Vượt qua những thử thách ấy, và chứng tỏ khả năng giải thoát của mình, là công hạnh của Di mẫu Ma-ha-ba-xà-ba-đề và chư vị Thánh Ni.

Tập *Trường lão Ni* kệ gồm những bài ca chứng đạo, khúc hát chiến thắng của những người đã đặt xuống gánh nặng sinh tử. Chúng ta xúc động khi lật từng trang kinh. Những mảnh đời khác nhau, những tâm tư khác nhau đã hội tụ trong biển Phật pháp. Tỳ-kheo-ni Muttā, con gái dòng Bà-la-môn, sau khi tu tập Thiền quán, chứng quả vị A-la-hán, tuyên bố:

... Hỡi này giải thoát Ni!

Ta thoát được sống chết!

Những gì dẫn tái sanh,

Được nhổ lên tận gốc!

Dhammādinna đi đến với chúng Ni trong một chiếc kiệu vàng. Sau khi nhập thất, chế ngự thân miệng ý, Ngài chứng quả A-la-hán. Với biện tài vô ngại, Ngài được Đức Phật công nhận là người thuyết pháp đệ nhất trong các Tỳ-kheo-ni. Bài kệ chứng đạo mở ra một phương trời cao rộng:

Trong ai, lòng ước muốn,

Đạt được quả vô sanh

Đã sanh khởi tỏa rộng

Đầy tràn cả tâm ý.

Tâm không bị trói buộc

Trong các dục chi phối

Vị ấy được tên gọi

Là bậc vào Thượng lưu.

Anopānā, con gái quan thủ kho, vì rất đẹp nên có tên Anopānā (không ai sánh nổi) được các bậc vương tôn công tử cầu hôn với lời hứa: “Sẽ nộp sinh lễ châu báu gấp tám lần sức nặng của nàng”. Nhưng Anopānā đi đến gặp Phật, nghe thuyết pháp, chứng quả thứ ba tại chỗ ngồi. Sau khi xuất gia trở thành Tỳ-kheo-ni, chỉ bảy ngày sau Ngài chứng quả A-la-hán.

Khema, hoàng hậu của vua Bimbisāra, tình cờ đến tinh xá Trúc Lâm. Được Thế Tôn hóa độ, bà chứng quả Dự lưu. Sau khi xuất gia, chứng quả A-la-hán. Đức Phật

xếp bà vào hạng Thiển quán đệ nhất, và là một trong những bậc Thượng thủ Ni thời đó.

Khi nghe Đức Phật tuyên bố rằng: “Ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn”, Di mẫu đến đánh lễ Phật và xin phép nhập diệt trước, Ngài trở về tịnh xá, cùng năm trăm La-hán Ni bay lên hư không, thị hiện mười tám phép thần biến rồi cùng vào Niết-bàn một lượt. Những vầng Hoa Quang tam-muội sáng rực, ánh sáng, nước và lửa cuộn tròn trên không trung. Cảnh tượng huy hoàng thiêng liêng một thuở. Hai Sa-di-ni chứng kiến cảnh các Thầy nhập diệt, đã nỗ lực Thiển quán cũng chứng A-la-hán và vào Niết-bàn luôn. Đức Phật đưa xá-lợi của Di mẫu ra trước chúng, nói:

- Nếu nói đại tượng phu thì Ma-ha-ba-xà-ba-đề là đại tượng phu. Những gì bậc tượng phu làm Bà đều làm tới cả.

Chỉ một câu này thôi, Phật tánh hiển lộ bình đẳng.

Ni giới Việt Nam

Tiếp nối truyền thống chứng đạo và tu đạo, Ni sư Diệu Nhân, đời thứ 17 dòng Thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi, nói kệ dạy chúng trước khi thị tịch:

*Sanh già bệnh chết
Xưa nay lẽ thường
Muốn cầu thoát ra
Mở trói thêm ràng
Mê đó, tìm Phật
Lầm đó, cầu Thiền
Phật, Thiền chẳng cầu
Uổng miệng không lời.*

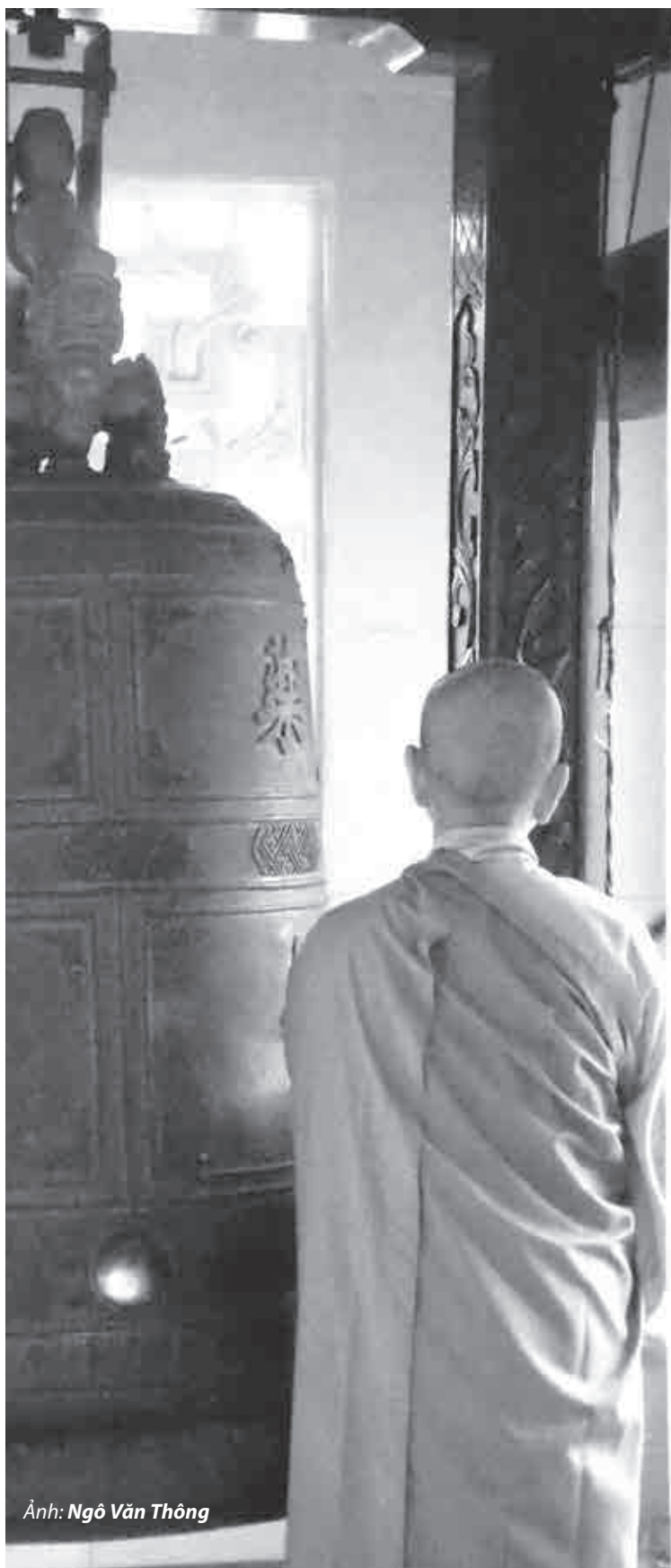
Bài kệ như một tiếng cười hồn nhiên sảng khoái, làm giật mình những người loanh quanh trong vòng trói buộc. Những tìm kiếm nhọc nhằn xưa nay chỉ là tìm kiếm trong chiêm bao. Chỗ giác ngộ không có nẻo đi về, không tung tích ngôn ngữ.

Thời cận đại, các bậc Ni trưởng dày công khâu đèn mở đuốc. Từ lớp Gia giáo Ni đầu tiên tại chùa Giác Hoa (Bạc Liêu) cho đến các trường lớp hiện nay, nhiều thế hệ Ni chúng được trưởng dưỡng trong nguồn mạch Tam tạng, được thấm nhuần giáo pháp vi diệu. Con đường hành hóa của các bậc tiền bối Ni vang dội, Sư trưởng khai sơn chùa Hải Ấn, Sư trưởng khai sơn chùa Kim Sơn, Sư trưởng khai sơn chùa Bảo An (Cần Thơ)... là những tấm gương khích lệ cho Ni giới. Có một điều gì thâm cảm vô cùng khi nhớ đến các Ngài.

Sư trưởng chùa Huệ Lâm, người đầu tiên vận động thành lập Ni bộ Việt Nam, bậc thầy hướng đạo cho sinh hoạt Ni chúng miền Nam từ thập niên 60 của thế kỷ XX, nói:

- Ni giới mình yếu ớt lắm, thầy sẽ trở lại để độ Ni.

“*Nguyện làm Ni để độ Ni*” - một đại nguyện phát xuất từ hùng lực và bi mẫn. Đại nguyện này thay cho lời kết. ■



Ảnh: Ngô Văn Thông

Phía sau bóng mặt trời

LAM KHÊ



Truyền thông internet được coi là một thành tựu của loài người trong thế kỷ XX. Khi internet trở thành phương tiện đại chúng thì báo mạng điện tử cũng ra đời theo xu thế phát triển của thời đại. Chỉ cần một cái nhấp chuột, mọi cánh cửa thông tin liền mở toang ra. Một thế giới muôn màu muôn vẻ mặc sức cho ta bước vào tìm hiểu, chiêm ngưỡng. Kỷ nguyên mạng ra đời đã chiếm lĩnh hết mọi suy tư thị hiếu của con người.

Internet không chỉ đáp ứng mọi nhu cầu sở thích mà còn là chiếc chìa khóa vạn năng đưa dẫn con người vào thăm hầu như khắp cả lâu đài tri thức. Những sự kiện đã trôi qua, những câu chuyện đời thường... những kiến thức về văn hóa, khoa học, các vấn đề về chính trị quân sự cho đến các chương trình giải trí văn nghệ, v.v... và v.v... đều cấp tập hiện ra trong tích tắc. Người làm công việc nghiên cứu học tập không còn phải cất công tìm kiếm trong thư viện sách vở. Thư từ trao đổi cũng không cần chờ đợi lâu xa. Trang mạng điện tử còn là nơi kết thân giao hữu, là cửa ngõ khai thông trí tuệ và là kênh giải trí đa năng đem lại nhiều niềm vui sáng tạo cho mọi tầng lớp người trong xã hội.

Khi internet đi vào mọi ngõ ngách của cuộc sống thì giới tu sĩ cũng tỏ ra khá nhanh nhạy trong việc tiếp thu làm quen với ngành công nghệ tin học để trau dồi học vấn và nắm bắt thông tin. Thời đại khoa học phát triển vượt bậc, máy tính trở thành một công cụ hữu hiệu trong việc hoằng pháp lợi sanh. Với Tăng Ni trẻ bây giờ, sở hữu một chiếc máy tính để có phương tiện học tập nghiên cứu là điều cần thiết và cũng không còn vượt quá tầm tay mong đợi. Cùng góp mặt trong xu thế toàn cầu, những trang website Phật giáo ra đời đã thổi một làn sinh khí mới, một bước tiến hội nhập đầy sắc nét làm sáng tỏ cả ngôi nhà đạo pháp vốn được lưu truyền và gìn giữ trong suốt hơn hai ngàn năm qua. Đó là nơi mà người học Phật dù là tu sĩ hay tại gia đều có thể thâm nhập để cùng trau dồi nghiên cứu và tìm ra phương pháp tu tập cho riêng mình. Mỗi trang báo điện tử chứa đựng cả kho tàng kiến thức Phật giáo.

Tam tạng kinh điển, những lời dạy của chư Phật chư Tổ được ghi chép qua mỗi thời đại, các nền tư tưởng văn hóa triết học Phật giáo được các học giả trên khắp thế giới dày công ghi chép biên soạn hằng bao thế kỷ. Chưa bao giờ hình ảnh và tư tưởng của người xưa được tái hiện một cách tinh tế và rộng rãi như thế.

Trang mạng Phật giáo cũng là một kênh thông tin mang tính xã hội hóa về các vấn đề liên quan đến sự tu tập, hoằng pháp của chư sư và Phật tử trong hiện thời. Những trang viết chứa đựng nguồn giáo lý sâu xa tràn đầy pháp vị, các bài thuyết pháp của quý thầy quý ni, các khóa tu tập, những chuyến hành hương trên đất Phật... đều được truyền tải trên mạng để mọi người cùng chiêm ngưỡng, tìm hiểu. Và nghe đâu, các nhà khoa học đang có ý định thu lại tiếng nói của loài người từ hằng ngàn năm trước còn lưu giữ giữa hư không. Trong một tương lai không xa lắm, chúng ta sẽ nghe được lời giảng từ chính kim khẩu của Đức Thế Tôn phát ra, nghe được giọng nói chư Thánh giả đắc đạo và các vị thiền sư qua mỗi thời đại.

Một khu vườn đầy hoa hương còn là mảnh đất tốt để cở đại mặc sức sanh sôi nảy nở; một bàn tiệc với quá nhiều thức ăn hấp dẫn nhưng cơ thể con người chỉ có thể tiếp thu những phẩm chất cần thiết có mức hạn. Không biết tiết chế vừa độ, thì hoa thơm cũng biến thành cỏ dại mang đầy độc tố ăn mòn tâm trí não bộ. Một cơ thể dung nạp quá nhiều thức ăn sẽ dẫn đến chứng bội thực khó tiêu, nhiều di chứng mầm bệnh cũng phát sinh từ đó. Tràn ngập trên mạng là những trang thông tin thượng vàng hạ cám khiến khi mở ra, ta như lạc vào một thế giới muôn màu muôn vẻ mà nếu không có điểm dừng, tư tưởng ta sẽ dễ dàng thu nhận cả những điều tệ hại vô bổ.

Có câu chuyện ngụ ngôn kể rằng. Một gã thợ săn đi sâu vào rừng và tìm thấy một hang động lớn. Vì tò mò, gã đu mình trèo xuống. Có biết cơ man nào là cảnh vật hiện ra trước mắt. Thật là sinh động, thật là vui thú. Và thế là gã cứ miệt mài đi, đi mãi nên không hề hay biết có một con quái vật đang chờ phía dưới để nuốt chửng mình. Câu chuyện còn dài với nhiều tình tiết ly kỳ. Chỉ dẫn chứng bấy nhiêu để làm điển hình cho những đam mê thị hiếu không chừng mực của con người. Đam mê không hẳn là xấu. Nhưng ranh giới giữa thiện và ác, giữa bờ thanh lương và vực thẳm thật quá mong manh mà khi chúng ta kịp nhận ra thì không còn là mình của thuở ban sơ

Là hành giả trên con đường giải thoát của Đức Như Lai... hơn ai hết ta biết mình đang đi ngược chiều gió, sẵn sàng chiến đấu với mọi ma quân phiền não. Trải qua quá trình tu học, việc hội nhập với nền văn minh công nghệ hiện đại là điều tất yếu. Hòa nhập mà không hòa tan, biết rõ đường đi và điểm đến, có như vậy ta mới có thể vượt qua mọi chông gai chướng ngại để chiến thắng với chính mình. *"Thắng vạn quân không*

bằng tự thắng mình..."; lời Phật dạy từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước vẫn còn nguyên vẹn ý nghĩa và càng có giá trị hơn khi nhân loại bước vào kỷ nguyên tin học. Những việc làm dù tốt dù xấu, là vô tình hay hữu ý của chúng ta cũng sẽ bị giới truyền thông nắm bắt rồi nhanh chóng đưa lên trang mạng. Đó là nhu cầu của thời đại... mà người tu sĩ không biết giữ mình sẽ trở thành tiêu điểm của muôn trò thị phi nhân ngã.

Một chút cảm nhận trong cuộc sống đa chiều thời công nghệ tin học nhiều niềm vui nhưng cũng đầy những cạm bẫy hệ lụy. Phía sau mặt trời... vượt qua hết những đám mây mù thì mọi thứ sẽ dần trở nên sáng tỏ hơn. Chân lý luôn nằm phía trước. Có đi ắt sẽ đến. Và đến như thế nào là tùy theo mục đích và hướng đi của mỗi người. ■



Cây ăn quả trên đường phố

CAO HUY HÓA

Nguồn: wikipedia.org

Thành phố trồng nhiều cây ăn quả, chuyện không có gì lạ đối với xứ nhiệt đới như đất nước ta, đặc biệt là thành phố Huế với đặc trưng nhà vườn. Nhưng Huế có cây ăn quả trên đường không? Bây giờ họa chăng có... cây trứng cá - một loại cây dễ tính chóng lớn do chủ nhà trồng trước nhà để che nắng, cho trái chín đỏ nhỏ xíu chỉ để con nít ăn - không như trước đây khoảng 40 năm về trước, tôi vẫn nhớ Thành Nội rợp bóng nhãn, từ nơi lâu đài cổ kính cho đến nhà dân, và suốt hai bên đường từ cửa Thượng Tứ đi vào, hai hàng nhãn thẳng tắp, và cứ đến mùa hạ, nhãn sắp chín, ve kêu râm ran thì cũng là lúc những người lồng vải vật bớt lá, cho những chùm nhãn vào lồng tre hay bao lát. Đó là nhãn lồng của Huế.

Bây giờ, nhãn Huế không còn nhiều, nhãn ngoài đường càng ít, hàng cây nhãn hai bên đường nói trên vẫn còn lại một số "chứng nhân" tàn tạ, không ai buồn nhìn lên xem cây có trái hay không. Tôi cứ nghĩ chuyện tàn tạ đó xem như dĩ nhiên trong quy hoạch cây xanh đường phố trong thời đại công nghiệp hóa, thế nhưng mới đây, tôi cảm thấy bất ngờ và thú vị khi đọc thông tin trên báo mạng *Le Monde* của Pháp, mục

Courrier International, ngày 6-11-2013, về chuyện cây ăn quả trong thành phố, nhan đề: "Des arbres fruitiers dans la ville".

Thành phố ở đây không phải là thành phố nhỏ như Huế, mà là thủ đô Jakarta mười triệu dân của đất nước đang lên phơi phới Indonesia, và ông Thị trưởng Jakarta, Joko Widodo, cũng có sự nghiệp phơi phới vì rất được lòng dân. Ông thị trưởng đã đưa ra dự án trồng 40.000 cây ăn quả dọc theo các con đường, các đại lộ và những khoảng đất trống ở thủ đô Jakarta. Đó là những cây gì? Thật ngon và hấp dẫn: xoài, sầu riêng, mận, và những loại cây vải có tán lá xanh làm đẹp những con đường. Thời điểm thích hợp để trồng cây là cuối tháng 11 với gió mùa bắt đầu thổi. Sau này, quả chín, ai hưởng? Ông tuyên bố mọi người đều có thể hái.

Vì sao ông thị trưởng này lại có kế hoạch trồng cây ăn trái thật là nhân văn và lãng mạn thế? Trước hết kế hoạch đó nhằm làm cho thành phố "đẹp, xanh và giàu dinh dưỡng", tạo bóng mát cho người đi bộ, và ông bổ sung, rất bất ngờ, khi đề cập đến chim, một loài chim từ nơi xa xôi lạnh lẽo ở phương Bắc: "Những hàng cây tạo ra hành lang trên không cho những con chim đại

bàng ở Siberia, mỗi năm rời khỏi quê hương, tìm nơi ấm để di trú vào khoảng tháng 9, trong đó Jakarta là một trong những trạm dừng chân cuối cùng của chúng”.

oOo

Chuyện trồng cây của ông Thị trưởng Jakarta thật hấp dẫn, khiến tôi nhìn lại thành phố Huế, quê hương tôi. Bạn có thể tưởng tượng được không, khi một ngày nào đó xuất hiện dọc theo một đại lộ ở Huế hàng cây xoài trĩu quả, người đi đường nhận ra hương thơm? Hoặc trên một đường khác, hàng cây vải đang mùa trái, sắp đến độ chín mà không ai vật trái? Thật khó mơ được như thế, thôi thì không mơ cây ăn quả bên đường, mà chỉ mơ về ngày xưa, nhà vườn Huế đã một thời vang bóng. Ngày nay, Huế vẫn còn được gọi là thành phố nhà vườn, nhưng thực trạng nhà vườn đã xuống cấp và biến đổi khá nhiều. Những nhà vườn trước đây có đủ đất để trồng rất nhiều loại cây ăn trái: vải, nhãn, vú sữa, dâu, mít, hồng, sa-pô-chê, cam, chanh... Sau này, thế hệ chủ nhân tiếp nối đã không còn chí thú vườn tược, và vì sinh kế hoặc làm ăn nơi khác, đã chia nhỏ, bán đi từng mảnh, cho nên vườn không còn như xưa. Một số phủ, đệ và các nhà vườn nổi tiếng ở Kim Long đã tàn tạ. Lại nữa, thiên hạ theo trào lưu mới của thiết kế vườn, hạn chế trồng cây ăn quả vì choán đất, và thay vào đó là sân bê-tông với chậu kiếng, cây cảnh, hòn non bộ, và tô điểm phong lan... Ngay nhà chùa, trước đây cũng trồng nhiều cây lưu niên, cây ăn quả thì nay cũng vì cần xây dựng cơ sở nên đất vườn thu hẹp, và chùa cũng theo thời thượng của phong cách nhà vườn bên ngoài, lại còn hoành tráng hơn. Bây giờ, họa hoằn ta mới thấy những cây vốn là đặc trưng một thời của vườn chùa như bùi, thị, dâu, me...

Ngoài những lý do trên, một lý do rất hạn chế sự phát triển của nhà vườn là chủ nhân không thể bảo vệ sản phẩm của mình. Những nhà có cây ăn quả là nạn nhân của đám thanh thiếu niên, không đợi trái chín, chúng sẽ tìm cách để hái cho được, không ban ngày thì ban đêm, không hái được thì ném đá, bắn nã, dùng sào giật. Nhìn bọn trẻ phá cây, bẻ cành, hái trộm, thật là xót xa khi mình cung cúc chăm sóc cho cây, mong được nhìn và hưởng lộc thì bị phá ngày đêm, có khi bọn trẻ ném đá cho rớt quả thì vô tình ném bể ngói mái nhà.

Ngày nay, trước vấn nạn thức ăn bị nhiễm độc, trái cây bị ép chín và bảo quản lâu ngày bằng những hóa chất độc hại, nhiều người muốn trở lại ăn trái cây của địa phương mà mình đã rõ xuất xứ, không những an lành mà còn tươi ngon. Huế có những trái cây đặc sản như thanh trà, vải, và tuy không phải là nơi sản xuất trái cây đại trà như miền Tây Nam Bộ, nhưng Huế đã từng là đất quen thuộc với các cây ăn trái của các nơi khác, như mít, xoài, măng cầu, măng cụt, vải, hồng, vú sữa và sau này là sầu riêng, thanh long, bơ, sa-kê; như thế, nếu



kinh tế vườn ở Huế khá lên, với quy mô vừa lẫn quy mô gia đình, thì nguồn trái cây đó là sạch và tươi ngon cho cư dân thành phố và khách du lịch. Ngoài ra, trồng cây là niềm vui di dưỡng tinh thần của người dân Huế một thời, góp phần làm cho Huế đẹp và thanh lịch.

Chuyện trồng và chăm bón cây ăn quả vốn là chuyện thường ngày của nhà vườn Huế. Đó là thuận lợi để phát triển cây ăn quả từ phía người dân. Ngoài ra còn có Trung tâm Giống cây trồng và Đại học Nông Lâm Huế có thể cung cấp giống và kỹ thuật trồng cây ăn quả. Điều trở ngại là nạn phá cây, trộm quả của thanh thiếu niên đã trở thành tập quán xấu, nơi nào cũng có. Vấn nạn này lại đặt trong bối cảnh chung, khi xã hội đầy rẫy những chuyện phá hại môi trường, chuyện phá rừng, trộm cây, ăn cắp cà-phê, cướp mủ cao su, săn bắt thú, trộm chó, ăn thịt mèo, bắn bẫy chim tràn lan, cướp hoa ở hội chợ Tết... Dẫu sao, nhà vườn nên trồng thêm cây ăn quả trong chừng mực có thể bảo vệ cây. Một thành phố vốn phong phú về cây thì phải đẹp, cả hoa lẫn quả.

Nếu “xanh, sạch, đẹp” là tiêu chuẩn về đạo đức xã hội và văn minh đô thị ở nước ta, thì ở thủ đô Jakarta của nước Indonesia, ông thị trưởng đã thực hiện ý tưởng “đẹp, xanh, giàu dinh dưỡng” rất cụ thể; hơn nữa, trong không gian đô thị của thủ đô Jakarta, ông thị trưởng còn mời cả chim ở phương xa đến chung vui với cư dân thành phố. Xin chúc mừng! ■



Về việc thờ cúng tinh linh **Dorje Shugden** trong Mật giáo Tây Tạng

HỒNG DIỆP

Ngày 4 tháng Hai năm 1997, vào ban đêm, Lạt-ma Lobsang Gyatso và hai người học trò của ông đã bị đâm đến chết ở gần Dharamsala, Ấn Độ, trú xứ của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14. Lobsang Gyatso là người ủng hộ quan điểm của Đức Đạt-lai Lạt-ma trong việc loại bỏ tinh linh phần nộ Dorje Shugden khỏi danh sách các vị Phật và Bồ-tát được thờ cúng theo truyền thống Mật giáo Tây Tạng. Mặc dù nhóm người ủng hộ việc thờ cúng Dorje Shugden phủ nhận các cáo buộc dính líu, song người ta cho rằng đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự sát hại ba người.

Shugden xuất hiện vào thế kỷ thứ 17, được coi là hóa thân phần nộ của Văn Thù Bồ-tát, và là một hộ

pháp quan trọng của phái Cách-lỗ (Gelug). Theo truyền thuyết, tinh linh Shugden là hóa thân của nhà sư uyên thâm và có đạo đức tên là Tulku Drakpa Gyaltsen (1619-1655). Tulku Drakpa Gyaltsen là một trong những ứng cử viên cho hóa thân của Đức Đạt-lai Lạt-ma đời thứ năm. Tuy nhiên, một Lạt-ma khác đã được lựa chọn thay thế. Tất cả diễn ra trước khi Đức Đạt-lai Lạt-ma đời thứ năm trở thành người trị vì Tây Tạng vào năm 1642. Do vậy, trong suốt thời gian trai trẻ, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ năm là một hóa thân quan trọng, nhưng không phải là quan trọng nhất của dòng Cách-lỗ. Ngài sinh sống ở tu viện Drepung, tại khu Nhà Dưới, trong khi Tulku Drakpa Gyaltsen sống tại khu Nhà Trên, vì lúc ấy cung điện Potala cũng chưa được xây dựng. Đường

như giữa hai người này, hay ít nhất là giữa các đệ tử của họ, có sự cạnh tranh quyết liệt. Cho tới một ngày, Tulku Drakpa Gyalten đánh bại Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ năm trong một cuộc tranh luận. Chẳng lâu sau đó, người ta phát hiện ông đã chết, với một chiếc khăn trắng thít quanh cổ. Hoặc là ông bị ám sát, hoặc là tự tử.

Tiếp theo, một loạt những tai họa liên tiếp xảy ra ở trung tâm Tây Tạng nói chung và đối với Chính phủ Tây Tạng nói riêng. Thậm chí khi Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ năm đang dùng bữa trưa, có một nguồn lực bí ẩn lật tung cả đĩa chén của ngài lên. Cuối cùng thì mọi người cũng xác định được nguyên nhân của những tai họa này là do hồn của Tulku Drakpa Gyaltsen gây ra. Nhiều Lạt-ma và thầy phù thủy được gọi đến để tiêu diệt linh hồn phần nộ này. Sau khi tất cả các nỗ lực này thất bại, chính quyền của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ năm và lãnh đạo cao cấp của dòng Cách-lỗ quyết định xoa dịu linh hồn này, yêu cầu linh hồn không được gây hại và thay vào đó trở thành hộ pháp cho dòng Cách-lỗ. Linh hồn này đã đồng ý, và từ đó Shugden đã trở thành một trong các hộ pháp chính của dòng Cách-lỗ, cho các nhà sư và tu viện của dòng.

Một trong các hoạt động chính của Shugden là bảo vệ dòng Cách-lỗ khỏi các ảnh hưởng của dòng Ninh-mã (Nyingma). Theo vài nguồn thì Shugden sẽ trừng phạt những ai muốn thực hành kết hợp hai dòng này. Việc thờ tự Shugden được khôi phục vào những thập kỷ đầu tiên của thế kỷ này, do nhà sư nổi tiếng dòng Cách-lỗ là Pabongka (1878-1943) dẫn đầu. Lạt-ma Pabongka là đạo sư của rất nhiều những Lạt-ma quan trọng nhất của dòng Cách-lỗ, bao gồm nổi bật nhất là Trijang Rinpoche (1901-1981) của tu viện Ganden – một thầy phụ của Đức Đạt-lai Lạt-ma hiện tại. Trijang Rinpoche là người ủng hộ việc thờ tự Shugden và bản thân Đức Đạt-lai Lạt-ma hiện tại cũng lồng ghép những lời cầu nguyện Shugden vào phép tu hàng đêm của ngài trong nhiều năm.

Sau khi trốn chạy khỏi Tây Tạng sang Ấn Độ, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đã tổ chức và lãnh đạo một chính quyền lưu vong để đại diện cho lợi ích của người Tây Tạng. Bắt đầu từ năm 1976, dựa vào lời khuyên của Nechung Oracle, ngài không tiếp tục xoa dịu Shugden nữa, nói rằng bản thân ngài không tán thành phép thực hành này và không muốn bất kỳ ai có liên hệ với ngài, cho dù là đệ tử hay thành viên của chính phủ, thờ tự công khai Shugden. Ngược lại với quan điểm của rất nhiều nhà sư dòng Cách-lỗ, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 nói rằng Shugden không phải là một vị Phật hay hóa thân của Tulku Drakpa Gyaltsen, mà chỉ là một vị thần thông thường, thậm chí còn là một tinh linh hắc ám, nếu thờ tự sẽ gây ra sự chia rẽ trong cộng đồng người Tây Tạng lưu vong và do vậy đi ngược lại với những mục tiêu hoạt động của Chính phủ Tây Tạng. Việc Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 không chấp nhận Shugden nữa

đã gây ra một sự bất đồng lớn trong cộng đồng Cách-lỗ, nơi mà việc thờ tự Shugden còn rất mạnh.

Năm 1996, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 lại tiếp tục chứng tỏ sự bất tán thành của ngài về việc thờ tự Shugden. Ngài không làm quán đĩnh cho những ai chưa từ bỏ Shugden, vì lo rằng nếu làm vậy sẽ tạo ra sợi dây liên hệ tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của ngài. Những người ủng hộ Shugden cáo buộc rằng tượng của Shugden đã bị những người ủng hộ Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 phá hủy và các nhà sư bị gây áp lực phải ký cam kết không được thờ tự Shugden. Ngày 15/7/1996, chính quyền lưu vong Tây Tạng đã có một tuyên bố có nội dung như sau:

“Các bộ ngành chính phủ, cũng như các tu viện dưới sự quản lý hành chính của Chính quyền Trung ương Tây Tạng bị cấm hoàn toàn việc xoa dịu tinh linh này. Cả nhân từng người Tây Tạng phải được thông tin về việc không khuyến khích sự xoa dịu này, nhưng được tự do quyết định việc thờ tự”.

Tuy nhiên nghị quyết này cũng yêu cầu những người xoa dịu tinh linh này không được tham dự các khóa giảng Mật tông của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14.

Chính phủ lưu vong Tây Tạng yêu cầu tu viện trưởng tu viện Sera, một trung tâm thờ tự Shugden truyền thống, cung cấp danh sách tên của tất cả các nhà sư hiện còn thờ tự Shugden. Người Giữ Ngai vàng của Ganden, lãnh đạo của dòng Cách-lỗ (do Đức Đạt-lai Lạt-ma bổ nhiệm), đã có một tuyên bố qua đó lên án việc thờ tự Shugden. Về những nhà sư phê phán việc Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 chối bỏ Shugden, ngài nói họ “dành thời gian cho việc xây dựng những âm mưu nguy hiểm và thực hiện những hành vi xấu xa, gần như hành động tấn công các tu viện bằng gươm và giáo và làm tẩm áo cà-sa của Phật vấy máu”.

Một trong những nhà sư lên án nghị định của Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 là Geshe Kelsang Gyatso, một nhà sư của tu viện Sera sáng lập ra truyền thống Kadampa Mới (NKT) ở Anh. Sinh năm 1932 ở Tây Tạng, Kelsang Gyatso đã viết rất nhiều các bài về thực hành Đại thừa và Kim Cương thừa dưới quan điểm của phái Cách-lỗ. Cũng giống như nhiều Lạt-ma dòng Cách-lỗ tới các nước phương Tây (bao gồm Geshe Rabten, Gelek Rinpoche, và Geshe Gyaltsen), Geshe Kelsang Gyatso là một học trò của Trijang Rinpoche, người đề cao tầm quan trọng của việc thờ tự Shugden. Geshe Kelsang Gyatso tiếp tục xoa dịu Dorje Shugden thành một hộ pháp cho truyền thống Kadampa. Mùa hè năm 1996, các học trò của Kelsang Gyatso lên án Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 vì vi phạm quyền tự do tôn giáo, và biểu tình phản đối ngài khi ngài sang thăm Anh Quốc.

Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đã liên tục bày tỏ quan điểm rằng Shugden chỉ là một tinh linh thông thường, không phải là một vị Phật hay hộ pháp. Mặc dù ngài đã từng thực hành Shugden, song đã chấm dứt từ năm



1975, sau khi phát hiện ra những vấn đề lịch sử, xã hội, và tôn giáo quan trọng liên quan tới Shugden. Theo ngài, có ba nguyên nhân chính như sau:

- Sự nguy hại của việc biến Mật giáo Tây Tạng thành một hình thức thờ cúng tinh linh. Mật giáo Tây Tạng phát triển từ một truyền thống cổ xưa chân chính của đạo Phật mà trường tu Nalanda của Ấn Độ gìn giữ. Truyền thống này bao hàm những bài giảng chính thống từ Phật tổ được xây dựng dựa trên những kiến thức uyên thâm về triết học, tâm lý học và tôn giáo của những bậc Thượng sư Phật giáo như Long Thọ, Asanga, Vasubandhu, Dignaga và Dharmakirti. Vấn đề với việc thực hành Shugden là nó sẽ gây ấn tượng là thực hành một tinh linh chứ không phải là một hộ pháp. Nếu xu hướng này tiếp diễn mà không được kiểm soát, và những người ngây thơ bị những phép thực hành mang tính tập tục này cám dỗ thì sẽ gây ra rủi ro là truyền thống giàu có của Mật giáo Tây Tạng có thể bị thoái hóa thành một dạng xoa dịu các tinh linh.

- Chướng ngại đối với việc phát triển xu hướng bất bộ phái: Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 thường nói rằng một trong những cam kết quan trọng của ngài là đẩy mạnh sự hiểu biết và hòa hợp giữa các tôn giáo khác nhau. Một phần trong các nỗ lực này là ngài cam kết khuyến khích xu hướng bất bộ phái trong tất cả các trường phái của Mật giáo Tây Tạng. Theo cam kết này, Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 noi gương những người tiền nhiệm của ngài, đặc biệt là Đức Đạt-lai Lạt-ma đời thứ năm và đời thứ 13. Xu hướng bất bộ phái không chỉ giúp làm giàu thêm cho tất cả các trường phái của Tây Tạng mà còn giúp ngăn chặn

sự phát triển của xu hướng bộ phái, gây ảnh hưởng tới truyền thống Tây Tạng nói chung. Đã xảy ra rất nhiều cái chết của những nhà sư Cách-lỗ khi muốn tu tập theo trường phái Ninh-mã. Với những bằng chứng liên hệ thờ tự Shugden với xu hướng bộ phái, việc thực hành Shugden sẽ là một cản trở lớn trong việc nuôi dưỡng tinh thần bất bộ phái trong truyền thống Mật giáo Tây Tạng.

- Đặc biệt không phù hợp với hoàn cảnh xã hội của Tây Tạng: Xoa dịu Shugden gây ra rất nhiều vấn đề, đặc biệt trong bối cảnh vốn đã khó khăn của người Tây Tạng. Những nghiên cứu viết và truyền miệng cho thấy tinh linh Shugden xuất hiện từ sự bất hòa với Đức Đạt-lai Lạt-ma đời thứ năm và chính quyền của Ngài.

Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 đã mạnh mẽ kêu gọi các môn đồ của ngài xem xét cẩn thận vấn đề thực hành Shugden trên căn bản của ba lý do này và hành xử một cách phù hợp. Ngài đã tuyên bố rằng, là một nhà lãnh đạo Phật giáo với mối quan tâm đặc biệt về dân chúng Tây Tạng, ngài có trách nhiệm phải phản đối những hậu quả tai hại của loại sùng bái tinh linh này. Đức Đạt-lai Lạt-ma thứ 14 nói rõ rằng lời khuyên của ngài có được lưu ý hay không lại là việc của mỗi người. Tuy nhiên, bởi bản thân ngài cảm nhận mạnh mẽ về sự tiêu cực của thực hành này, ngài đã yêu cầu những ai tiếp tục xoa dịu Shugden dừng tham dự những khóa giảng Mật giáo chính thức của ngài. ■

Tham khảo:

<http://www.dalailama.com/messages/dolgyal-shugden/his-holiness-advice>

Nhạn qua sông bóng còn in trên mặt nước

HỒ SĨ BÌNH

Mỗi lần về quê tôi thường ngồi bên dòng sông Thạch Hãn nơi một thời tuổi nhỏ đã tắm gội, đã bơi lội qua sông với rất nhiều kỷ niệm thật trong trẻo khó nói hết. Ký ức bao giờ cũng sống dậy bằng sự hụt hẫng đến một cách kỳ lạ. Đã hơn bốn mươi năm xa dòng sông ấy nên cứ theo thời gian mà mỗi lần trở lại đều mang một tâm trạng khác nhau.

Quê tôi ở chợ Thuận (ngôi chợ từng có tên trong *Phủ biên tạp lục*) nên đi về vẫn có hai ngã, dù Đông Hà bây giờ thị tứ sầm uất, đường đi thuận lợi hơn, bạn bè bà con nhiều hơn nhưng tôi vẫn thường xuống xe ở thị xã Quảng Trị. Tôi thích đi bộ dọc đường Trần Hưng Đạo dù chẳng ai nhận ra mình. Phố xá đã khác xưa, khuôn mặt người cũng lạ nhưng sao vẫn thích, đơn giản để được tìm thấy lại bóng mình dù mọi cái đều mờ lung, mong manh không phân biệt và giải thích cho được. Có lẽ đó là khoảnh khắc tự cảm thấy mình là mình hơn.

Tôi có một hoàn cảnh ở vào thế phân thân. Mẹ của cha mẹ an táng ở Gò Dưa (Sài Gòn), anh chị em ruột thì phần lớn ở bên kia bờ đại dương. Ở quê chỉ còn bà con xa, mỗi lần về cũng ở nhờ anh em bà con. Những ngày Tết là những ngày dù nhớ thương dòng sông và thăm hẹn bao năm là sẽ về ăn Tết “ngoài ấy” nhưng đã bốn mươi năm do sự vướng bận quan hệ phải thăm hỏi ngày Tết vẫn không về được. Chiều 30, đêm giao thừa cứ côi cút một mình với khói hương thờ tự rồi tự lự về một cõi xa xăm. Những lúc ấy mới thấy thăm cái “hồn cô lữ”, thêm nghe một giọng nói quê quán tôi xưa. Thường mỗi bận trở về, tôi vẫn cùng anh em bạn cũ ngồi bên dòng sông; chúng tôi có những phút cứ đắm đắm nhìn sông trong một mối cảm hoài riêng. Một trong những người bạn thân còn ở lại thị xã là Võ Thìn đã qua đời để lại những khoảng lặng ở quê nhà không thể ai thay thế. Mấy năm trở lại đây những người thân yêu và bạn bè từng gắn chặt với dòng sông ký ức đó đã không còn ở lại trần gian. Người chị gái áo lụa đi nhặt hoa phượng dọc đường Gia Long ép vào trang thơ tuổi học trò, người anh ruột cùng nhau thời tuổi nhỏ mãi mê ngụp lặn nơi dòng sông đã ra đi bên trời Tây. Người bạn thơ ấu gần nhà là nhà thơ thiên Lữ Thượng Thọ,

Đoàn Thạch Hãn cũng đang bệnh tật, ai cũng hẹn về cùng nhau đi lại dọc sông, tất cả hẹn hò rồi cũng đã đành quên, đã miên viễn theo mây trời. Cả người tình học trò nơi góc Thành Cổ cũng hẹn về rồi một mình rớt lại giữa sân ga. Cứ thế, những người thân yêu theo thời gian cứ bỏ ta mà đi, có muốn níu giữ cũng đành bất lực bởi cái hữu hạn kiếp người.

Có lần ngồi bên sông với Joel Nguyễn, cháu gọi ca sĩ D.K là cậu ruột. Anh ta về quê nội Việt Nam lần đầu, không nói rành tiếng Việt; thế mà khi được nghe anh em nói về bến sông, nơi cha anh từng tắm mát, từng lội qua sông, anh ta ngồi rất lâu mà chẳng nói gì cả; thế rồi anh ta lẳng lặng chụp ảnh rồi đi xuống sông. Chúng tôi rất lo vì sợ anh không quen với cái kè bên sông, nhưng anh ngoái lại và nói: đừng bận tâm... Và anh xuống sông bốc một nắm đất bỏ vào túi ni-lông đã chuẩn bị từ trước. Mẹ anh là người Pháp, cha anh đã mất nhưng trước khi cha mất ông chỉ nhấn gỏi làm thế nào con phải về quê nội một lần. Anh về mang theo tâm nguyện tình yêu xứ sở của một người cha ra đi từ thời thuộc Pháp. Chúng tôi rất ngạc nhiên bởi một người chưa bao giờ biết gì về quê quán Việt mà có cách hành xử nghĩa tình hơn một người Việt gốc có cha mẹ 100% dòng máu Việt. Lần ấy chúng tôi ngồi uống rượu thật khuya; tiếng chuông chùa Long An (ngày trước là chùa Sư Nữ) bên kia vọng về giữa không gian trầm mặc của sương mù lãng đãng trên sông nước. Hai bên dòng sông có nhiều ngôi chùa, nên khung cảnh về đêm thời yên bình thấy như cảnh *nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên*... Và người bạn bên trời Tây rất thích cái khung cảnh mơ màng đó. Chao ôi trên dòng sông này tôi khám phá thêm một điều kỳ diệu cho dù từ ngàn dặm xa xôi, chỉ cần động đến quê quán thì dù là người đến từ một nền văn hóa nào mà khi tiếp cận bởi dòng sông quê nhà đều thao thiết nỗi niềm cố xứ. Và người ta phải làm một điều gì đó để không thẹn với dòng sông. Joel Nguyễn đã làm như thế.

Sông Thạch Hãn ngày xưa trong xanh lắm, trong đến độ có thể nhìn thấu đáy. Tôi từng đi câu cá bống bằng cách không cần phao, chỉ thả mồi lần theo con cá bống đớp mồi mà giật; nhưng bây giờ hình như dòng nước không còn trong xanh như ngày nào. Thế mà bạn gần



đây về quê, tôi lội xuống sông, tự nhiên những khuôn mặt của người thân bỗng chình chao hiện lên trên mặt nước làm mình vô cùng thảng thốt, nhận ra trong tâm cảm đã có gì khác xưa. Vẫn là dòng sông đó - không phải như bậc hiền triết cổ Hy Lạp đứng khóc một mình vì dòng sông không quay lại - mà là nỗi lòng về những người thân yêu từng đi qua những năm tháng gần bó cùng dòng sông đã không còn làm tôi có cảm giác như vừa đánh mất dòng sông, một tâm trạng thật sự vong thân, để rồi chạy ào lên bờ không dám ngoái nhìn tưởng như ai đó đuổi theo mình. Đối mặt với dòng sông trong một phút giây mà tâm trạng lại bỗng rơi vào một trạng thái mâu thuẫn chập chờn giữa ý thức và tình cảm. Ngồi với Thái Đào trước Thành Cổ, bạn bảo ra bờ sông mà ngồi, bỗng đứng trả lời như người bị thôi miên: Thôi, ngồi thêm buồn, được chi...

Chợt nhớ bài thơ *Nhận ảnh* của thiền sư đời Tống - Thiên Y Nghĩa Hoài:

*Nhận quá trường không
Ảnh trầm hàn thủy
Nhận vô di tích chi ý
Thủy vô lưu ảnh chi tâm*
(Nhận bay lướt qua trên không
Bóng in chìm dưới nước lạnh
Nhận không có ý để lại dấu
Nước chẳng bận tâm giữ lại hình).

Tôi không đủ bản lĩnh để thiền ngộ tịch diệt an nhiên của không tâm bản giác để nhìn ra được mọi thứ tâm - ý, thực - ảo đều là không, một khoảng không tồn tại vĩnh viễn mà mọi thứ đều phù du trong khoảnh khắc ẩn chứa trong nội hàm của bài thơ, mà chỉ nhìn thấy nhân ảnh, thấy những khuôn mặt của người thân hiện ra trên sông nước để xa xót tiếc thương.

Nhiều người giải thích tên sông Thạch Hãn nghĩa là *Mồ hôi của đá*. Tôi lại thiên về cách giải thích Thạch Hãn là *Đá chặn*. Từ *hãn* trong chữ Hán còn có nghĩa là chặn lại. Đây là cách đặt tên dựa vào một thực tế rất trần trụi và rất thực, vì trên đầu nguồn dòng sông nếu ai đã từng đi qua đều thấy tầng tầng lớp lớp là đá như chặn dòng nước lại. Ngày trước giao thương mua bán chủ yếu bằng đường thủy nên hàng hóa lên miền ngược rất ư là khó khăn, vì thế người ta nhìn ra được đá là một trở ngại rất lớn cho thuyền bè đi lại nhất là đối với thuyền đi ngược dòng. Có lần nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường nói với tôi: *Thật ra điệu hò mái nhì, mái đẩy, đều được sinh thành trên dòng sông này chứ không phải ở Huế, nhất là hò mái đẩy chỉ có sông Hiếu, sông Thạch Hãn nước ngược dòng rất mạnh nên người ta phải hò để đẩy thuyền*. Nhà văn còn hứa sẽ chứng minh điều này nhưng rồi rất tiếc vì bệnh tật anh lại không còn tiếp tục cầm bút. Thật thế, dòng chảy của sông Hương luôn mềm mại, lững lờ *Con sông dùng dằng, con sông không*



chảy (Thu Bồn) nên hiếm khi mà phải đẩy thuyền ngược dòng... Và tên sông cũng vậy, người xưa đặt tên luôn dựa trên cơ sở hình ảnh hiện ra trước mắt mình. Người Quảng Trị xưa lớn lên trên sỏi đá cằn khô, nhìn cuộc sống và sự vật trước mắt nên không có đủ thời gian mơ mộng để ngồi nghĩ ra một cái tên sông mang ý nghĩa là *mồ hôi của đá*, một hình tượng đầy tính ẩn dụ và trừu tượng như thế.

Đã mấy lần khi thị xã Quảng Trị tổ chức những ngày lễ lớn trong dịp kỷ niệm năm tháng với di tích Thành Cổ, tôi thường có mặt và chọn một chỗ ngồi gần nhất ở bến thả hoa đăng. Thuở nhỏ thường lon ton theo mẹ trong dịp lễ thả hoa đăng ở bãi cát chùa Tĩnh hội, bãi cát rộng dài thế mà bây giờ bề dâu cũng không còn. Còn hoa đăng bây giờ người ta thả ở nhiều bến, hoa đăng của Ban tổ chức, hoa đăng của xóm Hà, hoa đăng của chùa Sư Nữ, của nhóm Phật tử trên cầu ga... Cả một không gian huyền hoặc thấm đẫm hồn tử sĩ. Có lần trong một bài báo trên *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, được trải qua những giây phút trong một không gian tưởng niệm trân trọng khói hương nhằm tri ân với quá khứ, tôi đề nghị vinh danh thị xã Quảng Trị là thành phố biểu tượng của văn hóa tâm linh.

Máu xương đã đổ xuống quá nhiều trên dòng sông này, bên này và cả bên kia. Mà không phải chỉ ở thế kỷ XX, trước đó mấy trăm năm thời Đuan Quốc công

Nguyễn Hoàng với cuộc chiến tranh với chúa Trịnh, xương máu cũng đã bám đở cả dòng sông. Lịch sử được đánh thức hơi muộn màng; trước Tổ quốc, máu xương nào cũng đều mang đầy ý nghĩa và giá trị vô cùng lớn lao. Mới đây, tại Quảng Trị đã tổ chức hội thảo khoa học về Nguyễn Hoàng. Tôi từng tham dự nhiều cuộc hội thảo khoa học đại loại như thế nhưng cũng từng có cảm giác rằng hình như những cuộc hội thảo chỉ để một số nhà nghiên cứu được mời đến rồi khoa ngôn với nhau về đề tài cùng với những lời chúc tụng có cánh. Thực chất và kết quả của những cuộc hội thảo ấy là gì thì hầu như không thấy ai quan tâm. Theo tôi, đối với chúa Tiên có hai việc cần làm ngay: Xây dựng một nhà bia ghi công của chúa Nguyễn Hoàng có cổng mở nước ngay trên khu vực trung tâm của Dinh trấn Ái Tử - một kinh đô đầu tiên của xứ Đàng Trong, và đổi tên trường trung học phổ thông của thị xã Quảng Trị lấy lại tên cũ là Nguyễn Hoàng, một ngôi trường trung học đầu tiên của đất nước mang tên chúa Tiên. Vấn đề này, 15 năm trước chứ không phải bây giờ đã một lần tôi đặt ra trên báo *Lao Động* với sự khẩn thiết cấp bách: *Nếu anh bắn vào quá khứ bằng khẩu súng lục, thì tương lai sẽ bắn lại anh bằng đại bác* nhưng rồi chỉ thấy một sự hững hờ đến khó hiểu. Ở Huế sau bao năm đổi tên, từ lâu đã lấy lại tên trường Hàm Nghi. Nếu so công lao với đất nước thì chúa Tiên lớn hơn nhiều. Kinh phí để thực hiện hai đề nghị trên có lẽ còn ít hơn kinh phí bỏ ra cho cuộc hội thảo khoa học vừa được tỉnh nhà tổ chức. Nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân từng cho rằng viết sử ký làng (địa phương) còn khó hơn sử ký của một dân tộc. Cần hiểu nhận định của nhà Quảng Nam học nổi tiếng này là đối với ghi chép sử địa phương không thể quên đi những chi tiết, sự kiện, nhân vật lịch sử nhằm làm nổi bật cho địa phương, đặc biệt là nguồn tư liệu cổ bị thất lạc rất nhiều, rất khó để sưu tầm... Trên hành trình vào xứ Đàng Trong không phải vô tình để Đuan Quốc công Nguyễn Hoàng lại chọn sông Thạch Hãn đắp bộ và xây dựng dinh trấn một bên dòng sông... Chừng ấy thôi cũng đủ tự hào về những dòng sử ký địa phương Quảng Trị mỗi khi về ngồi lại bên sông để nhìn qua tả ngạn, nơi bãi cát (sa khứ) ngày nào vẫn mênh mang gió thổi.

Sau một ngày vất vả cứu trợ cho đồng bào sau bão, nhóm chúng tôi được thầy trụ trì chùa Long An mời dùng cơm tối. Cơm nước xong, một mình tôi lại ra bờ sông. Đêm không có trăng chỉ nghe gió lay mạnh khóm tre xào xạc trước chùa và chuông chùa ngân xa. Bỗng đâu đó hình như có tiếng nhận kêu sương thảng thốt trong bóng đêm. Một lần nữa, tiếng nhận kêu lại nhắc tôi nghĩ đến những khuôn mặt người thân yêu đã không còn nữa cứ hiện về trên sông nước. Hay là tiếng nhận kia là tiếng lòng tôi với dòng sông với đầy mỗi bận đi về.

Sông ơi, nhận ơi đừng kêu thảng thốt nữa. Nhận không để ý đến bóng (Nhận vô di tích chi ý), còn tôi với nhân ảnh, tâm cứ mãi còn đồng vọng, cảm hoài với sông. ■



Về Tổ đình Sác tứ Từ Quang thăm vườn xoài Đá Trắng

Bài & ảnh: **TRÍ BỬU**

*"Rủ lên Đá Trắng ăn xoài
Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì..."*

Tổ đình Sác tứ Từ Quang là ngôi chùa có hơn 200 năm tuổi tọa lạc trên vùng đá toàn màu trắng thuộc thôn Cần Lương, xã An Dân, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, nằm cách Quốc lộ 1A về phía Tây trên 500 mét. Chùa có tổng diện tích khoảng 5.000m². Sở dĩ chùa có tên Đá Trắng là do chùa được xây dựng trên đồi đá trắng rất đẹp, cho nên chùa còn có tên Bạch Thạch Từ Quang tự.

Theo lời giới thiệu của Hòa thượng Thích Đồng Giải, nguyên Trưởng ban Trị sự GHPGVN huyện Củng Sơn, hiện trụ trì chùa Linh Đài (xã Hòa Đa, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên), Tổ đình Sác tứ Từ Quang do Thiền

sư Diệu Nghiêm khai sáng vào năm 1797. Ngài Pháp Chuyên-Luật Truyền-Diệu Nghiêm (1738-1810) là Tổ đời thứ ba của dòng Chúc Thánh tông Lâm Tế, là người nối pháp đời thứ 36 của dòng Lâm Tế Chúc Thánh, một bậc quảng bác đa văn trước tác nhiều kinh luận.

Năm 1793, Thiền sư Pháp Chuyên-Luật Truyền-Diệu Nghiêm đến đây dựng một thảo am dịch kinh *Hoa Nghiêm*. Bốn năm sau, (1797) ngài kiến tạo một ngôi chùa lá mái. Năm 1889, chùa được vua Thành Thái ban sắc tứ. Năm 1929, chùa bị hỏa hoạn, quý Thầy vận động Phật tử khắp nơi phát tâm đại trùng tu.

Đến thăm chùa Sác tứ Từ Quang hôm nay, chúng tôi vẫn theo con đường độc đạo lát đá dẫn đến cổng chùa từ hơn hai trăm năm qua. Trước hết, chúng tôi vào viếng khu vườn tháp Tổ để tưởng nhớ công ơn các

bạc Tổ sư tiền bối khai sáng và truyền thừa. “Ơn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng. Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền”. Đây được coi là khu vườn tháp có quy mô nhất nhì trong nước.

Về thăm Từ Quang không chỉ vì cái bề dày lịch sử từ thời vua Quang Toản nhà Tây Sơn năm 1797, về con đường lát đá độc đáo, khu vườn tháp Tổ cổ kính theo phái Đại thừa hay quả đại hồng chung nặng 330kg do Hòa thượng Pháp Ngũ đúc tại kinh đô Phú Xuân vào năm Duy Tân thứ 9. Nhắc đến Tổ đình Từ Quang – Bạch Thạch tự là nhắc về một loại xoài nổi tiếng đã đi vào ca dao, huyền tích. “Bạch thạch yêm ba, Nhị bảo ngự thiện.”

Câu ca dao “Rủ lên Đá Trắng ăn xoài, Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì...” hay câu nói cửa miệng “Xoài Đá Trắng, sản Phường Lụa” đã cho thấy tiếng tăm của giống xoài tiến vua này. Quả thật, những huyền tích về hành trình tiến vua cũng như sự “khó tính” của loại xoài này khiến nó nổi tiếng.

Xoài Đá Trắng trong khuôn viên chùa khi chín màu vàng tươi, ngọt thơm dịu nhẹ. Thời Nguyễn đây là vật phẩm tiến vua. Mỗi năm vào Tết Đoan ngọ, tỉnh Phú Yên phải dâng vua từ 1.000 đến 2.000 quả xoài. Xoài quý và hiếm đến mức có giai đoạn, quan huyện lệnh cắt cử sai nha canh dưới từng gốc xoài, ghi chép, thu hái. Họ phải đếm từng nụ xoài lúc mới tượng trái và chăm nom cho đến khi xoài già mới làm lễ hái trái. Đây là giống xoài tượng trái nhỏ như nắm tay thiếu niên, khác với các giống xoài khác. Tuy nhiên, điều làm cho xoài ở đây nổi tiếng là bởi hương vị thơm dịu và ngọt lịm của nó. Và để phân biệt với các loại xoài khác, người ta gọi đây là xoài Đá Trắng.

Tương truyền, xoài Đá Trắng trái nhỏ, vỏ mỏng, cùi ngọt lịm, để được lâu, hương không phai; mùa quả chín, mùi thơm đặc trưng bay xa vài trăm mét. Đặc biệt, các giống xoài khác khi ra hoa màu vàng, xoài Đá Trắng thì hoa màu trắng và duy chỉ những cây trồng trong khuôn viên chùa thì quả mới có những đặc điểm quý hiếm kia. Câu chuyện kể rằng thời nhà Nguyễn, một vị quan đã ghé chân qua đây, được ăn xoài Đá Trắng do quý Thầy dâng tặng nên về kể cho vua nghe, từ đó xoài Đá Trắng được tiến vua hàng năm.

Cũng lại có tương truyền rằng, vua Nguyễn Ánh xưa kia trong những lần dừng chiến thuyền ở vịnh Xuân Đài trên đường hành quân đánh nhau với quân Tây Sơn đã có dịp thưởng thức đặc sản vùng này và tỏ ra ưa thích xoài Đá Trắng nên bắt đầu từ thời Gia Long, thứ quả này bắt đầu được cung tiến.

Cũng vì quý hiếm mà cây xoài Đá Trắng thuộc chùa nhưng chùa lại không được quản lý. Vào mùa thu hoạch nhưng lại không được hái, được ăn. Nhưng như có một điều kỳ lạ rằng năm nào cũng vậy, khi quan quân thu hoạch xoài xong, Thầy trụ trì sai chú tiểu ra tìm, kiểu gì cũng còn sót lại vài trái ẩn núp đâu đó trong lá để làm lễ dâng Phật.



Những người mộ đạo thì cho đó là tấm lòng che chở vật quý của đất để dâng lên Phật. Kẻ có tấm lòng thực tế thì bảo rằng đó là tấm lòng thành kính của những người canh giữ đã cố ý để sót lại những trái xanh cho chùa. Và khi xoài chín, màu vàng mới lộ ra và hương thơm của xoài báo thức cho nhà chùa tìm hái để dâng Phật.

Nhờ có những trái xoài sót lại này mà giống xoài ở chùa Đá Trắng mới được nhân rộng ra khắp vùng núi Xuân Đài, ra tới nhiều nơi khác trên đất nước Việt Nam dù những đặc điểm quý hiếm kém xa những tổ tiên trong khuôn viên của chùa.

Sau này, Hòa thượng Thích Viên Mãn, người 40 năm mang đất ra xây chùa Từ Tôn ở Hòn Đỏ - Nha Trang cũng đã về quê hương Phú Yên, lên chùa Đá Trắng xin 14 hạt xoài tiến vua này đem gieo giữa biển khơi.

Cho đến nay, số cây xoài cổ thụ còn lại không nhiều và tương truyền, cũng vì sự nổi tiếng của loại xoài này mà vào thời vua Thành Thái, chùa Đá Trắng được vua ban sắc tứ. Và chắc hẳn, nếu theo đúng lời tương truyền, thứ xoài tiến vua được nhân rộng đó phải được trồng ở khuôn viên của chùa, nơi tạo thành những đặc điểm khiến nó trở nên quý hiếm. Liệu có phải do thứ đá trắng đặc trưng của vùng hay mùi thơm vị ngọt được tạo thành trong không gian đất Phật nhuộm đầy huyền thoại?

Năm 1997, Tổ đình Sắc tứ Từ Quang (Đá Trắng) được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia.

Vừa qua, Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam cho biết, trong số 13 cây và cụm cây vừa được Hội đồng Cây di sản Việt Nam xét và công nhận lần này có cụm cây xoài Đá Trắng của Phú Yên. Cụm cây xoài Đá Trắng là một quần thể gồm 20 cây xoài ngự có tuổi hơn 220 năm, được trồng trong khuôn viên Khu di tích lịch sử quốc gia Tổ đình Sắc tứ Từ Quang (Đá Trắng). Những cây xoài cổ thụ Đá Trắng ngày càng cho trái ít dần, tỉnh Phú Yên đang tìm cách lưu giữ và nhân giống xoài quý hiếm này. Theo Sở Văn hóa-Du lịch-Thể thao tỉnh Phú Yên, lễ công bố Cây di sản Xoài ngự sẽ được tổ chức vào ngày 9 và 10 tháng Giêng năm 2014, tại Tổ đình Sắc tứ Từ Quang, Phú Yên, nhân ngày lễ hội của chùa. ■



Nguồn: baodaklak.vn

Từ múa Rô-băm đến diễn xướng Dù-kê của người Khmer Tây Nam Bộ

TRẦN MINH THƯỜNG

1 Người Khmer là dân tộc duy nhất trong số các dân tộc thiểu số ở Việt Nam có nghệ thuật sân khấu riêng. Trước khi đạt đến một nền sân khấu Dù-kê hoàn chỉnh, người Khmer Nam bộ đã có những loại hình nghệ thuật diễn xướng sơ khai như hát đối đáp A-day, và đỉnh cao của hình thức diễn xướng cổ nhất mà người Khmer đồng bằng sông Cửu Long còn bảo lưu được là Rô-băm.

Rô-băm còn có tên gọi là *hát rằm* hay hát *Ream-kê*, nhưng tên gọi quen thuộc nhất là Rô-băm (múa hát Rô-băm). Có thể liên tưởng Rô-băm của người Khmer với nghệ thuật hát Tiểu của người Hoa, hát bội của người Việt. Nhiều người gọi sân khấu Rô-băm là sân khấu *kịch múa*, bởi loại vũ kịch mặt nạ này sử dụng múa như một ngôn ngữ chính yếu, hát chỉ là phần phụ. Các điệu múa trong Rô-băm vừa sinh động vừa mềm mại. Các điệu múa cơ bản của Rô-băm là rom-yeak (múa chẵn), ápsara (múa tiên), txu-txai (điệu kết hợp của 12 động tác múa), múa khỉ Ha-nu-man... Diễn viên múa trên

nền tiếng hát ở hậu trường, múa trên nền nhạc không lời. Lúc đối thoại thì không có nhạc và cũng không có múa. Riêng vai hề thì không có múa và cũng không có hát, hề chỉ pha trò theo khẩu ngữ hoặc ứng diễn.

Rô-băm có hai tuyến nhân vật: chính diện và phản diện. Phái chính diện thường là vua, hoàng hậu, công chúa và các nhân vật tài giỏi văn, võ, các loại vật như khỉ, voi... Phái ác tập trung ở nhân vật Chằn. Chằn nữ không mang mặt nạ. Chằn nam mang mặt nạ miệng rộng, nhe nanh, mắt trợn. Chằn thường hò hét, các điệu múa của chằn như Pat-chơn-lơn-xách (chân khuỳnh), Mục-ca-xách (đi ngang, ngồng nghênh), chiêng-rụn (đi xéo), trơ-tôm-pong (múa gậy), chay-vơ-ay-sét (phản ngựa)...

2 Người Khmer ở Campuchia gọi loại hình diễn xướng Dù-kê của người Khmer miền Tây Nam Bộ là *Loukhon Bassák* – tức là kịch múa của vùng Hậu Giang. *Loukhon* trong ngôn ngữ Khmer bắt nguồn từ chữ *lakhou* của người Java có nghĩa là *bước đi*, là

chậm rãi, là giản dị. Cả ba nét nghĩa này đều đúng cho một loại hình nghệ thuật dung hòa này.

Dù-kê đã ra đời như một sự kế thừa và phân tích nghệ thuật Rô-băm bằng cách thu thập các yếu tố nghệ thuật Việt, Hoa. Tên gọi **dù** trong tiếng Khmer có nghĩa là *gom góp, vớt vát, sửa đổi*, còn **kê** là *kế thừa*, là *sợi dây nối dài*. Tóm lại, *dù-kê* giống như loại hình nghệ thuật cải lương của người Việt.

Do phát xuất từ cung đình với những với quy trình chặt chẽ và ổn định, kịch bản của các vở diễn Rô-băm đều lấy trong chuyện xưa tích cũ. Khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy các vở diễn của đoàn Rô-băm ở ấp Bung Chông, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (Sóc Trăng) thường biểu diễn các kịch bản về trường ca *Ream-kê, Sângsalachi, Preleakchinavong, Túp sangva...* được biên soạn sẵn trong lá buông (*satra slac rith*). Điều đó vô tình đã làm cho Rô-băm không thể chuyển tải các đề tài đương đại và mất dần sức hấp dẫn. Dù-kê ra đời nhiều vở diễn ca ngợi đạo lý nhưng đậm chất trữ tình biểu hiện qua những cung bậc cảm xúc của tình yêu đôi lứa trong sáng, cao đẹp.

Các đoàn Dù-kê thường thể hiện các kịch bản dân gian như *Chao Sanh - Chao Thung* (cùng motif với *Thạch Sanh - Lý Thông* của người Việt), *Chao Sro Tôp Chêc* (cùng motif với *Trần Minh khổ chuối*), *Neang Kòntuot, Neang Chônggàngkam* (cùng motif với *Tấm Cám*), *Neang Sê Đa, Ratanavông...*

Trên sân khấu Rô-băm, việc biểu diễn bắt buộc phải theo những nguyên tắc nhất định như hình thể uốn cong, vừa múa vừa hát và các nhân vật phụ như chằn (yeak), các con thú như chim đại bàng, ngựa, khỉ, rồng... phải đeo mặt nạ. Trước khi diễn vở tuồng, các đoàn Rô-băm phải khai diễn bằng điệu hum-rôn (gồm bốn nam, bốn nữ) hoặc múa biểu diễn tính cách Chằn (yeak-rom gồm một hoặc nhiều chằn tùy vào vở tuồng)... Đây được xem là màn múa bắt buộc để cổ vũ tinh thần diễn viên, đồng thời thu hút khán giả bằng những động tác uyển chuyển, dịu dàng của các diễn viên với trang phục sắc sảo đẹp như tiên giáng trần.

Và không quá khi nói rằng từ múa Rô-băm, hành trình của những đường cong đã trở thành một trong những biểu hiện uyển chuyển sinh động cho nghệ thuật biểu diễn Dù-kê.

Với khoảng 1 triệu 300 ngàn người, dân tộc Khmer đông thứ hai sau người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long. Người Khmer sống xen kẽ với các tộc người khác và cũng trồng lúa nước, nhưng với hình thức sống tập trung trong phum sork, người Khmer vẫn bảo lưu được bản sắc văn hóa vốn có. Mỗi phum sork của người Khmer không thể thiếu ngôi chùa, nơi thờ Phật, gửi gắm tổ tiên và còn là nơi bảo tồn thư tích cổ, là trung tâm văn hóa giáo dục. Trong một môi trường văn hóa được bảo tồn chặt chẽ như vậy, người Khmer có điều kiện phát huy loại hình nghệ thuật đại chúng như Dù-kê. Các quy chuẩn nghệ thuật sẵn có

với những motif ổn định cho phép việc thiết kế sân khấu, đạo cụ bằng bàn tay nghiệp dư.

Nếu Rô-băm đòi hỏi diễn viên múa chuyên nghiệp, tổ chức sân khấu quy phạm và phức tạp thì với bản chất không chuyên cho phép nghệ thuật Dù-kê sống trong đời sống người Khmer Tây Nam Bộ. Biểu hiện sinh động nhất là nguồn diễn viên có thể được huy động từ một phum sóc nào đó. Và thế là trong vài đêm có cô thôn nữ chăm trồng hành, trồng cải đã sống đời hoàng hậu giữa cung đình. Còn người nông dân giỏi cày cấy đã thành hoàng tử nhiều quyền phép sẵn sàng vượt hiểm nguy để đón nhận sự trầm trồ thán phục từ khán giả.

Lễ hội đóng một vai trò quan trọng trong đời sống người Khmer. Mỗi năm, người Khmer tổ chức khoảng 22 lễ hội Phật giáo và tín ngưỡng dân gian chưa kể số lễ tết theo phong tục tập quán cổ truyền. Các lễ hội dân gian trước là để làm phước như cách gọi *Bean* của người Khmer, sau là cơ hội để thỏa sức múa hát và bao giờ cũng phải có A-day, Rô-băm, Dù-kê.

Ngoài những lễ hội cố định hàng năm như Phật đản, nhập hạ, xuất hạ, dâng y, đắp núi cát, đặt cơm vắt... cũng có những lễ hội vài năm mới tổ chức một lần như Bean Chol Sama. Hệ thống lễ hội dày đặc đã lưu giữ vững chắc bản sắc văn hóa Khmer. Vì lời nhắc nhở ngàn đời luôn được gửi trong âm sắc rực rỡ, trong những nghi thức cổ truyền trang trọng và trong những vở Dù-kê mà quá khứ dân tộc luôn ẩn hiện sau những tuồng tích ngợi ca nhân nghĩa và niềm tin vào cái thiện.

Là một dân tộc sùng bái đạo Phật, người Khmer đưa luật nhân quả vào hầu hết các vở diễn. Như vở hoàng tử Linh-Thum nhân vật có nhiều loại người, loại thú, nhiều tình tiết đan xen nhưng vẫn lấy tư tưởng Phật giáo làm chủ đạo để cuối cùng dù khó khăn trắc trở đến mấy thì thiện vẫn thắng ác đúng như sự chờ đợi của người xem.

3 Là những cư dân lâu đời ở đồng bằng sông Cửu Long, người Khmer Nam Bộ trong suốt hành trình lịch sử của mình đã không ngừng dung nạp các yếu tố văn hóa từ Ấn Độ, người Việt, người Hoa để hình thành một nét văn hóa rất riêng thậm chí khác biệt với những nét văn hóa ở Campuchia mà nghệ thuật Dù-kê là một minh chứng.

Dù-kê ra đời từ nhu cầu thiết thực của người bình dân. Họ muốn truyền tải tình cảm, tâm sự, ước mơ của mình vào các vở diễn. Nhiều yếu tố từ sân khấu, diễn xướng, nhạc cụ, đến diễn viên... đều mang đậm sắc thái dân gian.

Cũng từ thực tế sinh động, phong phú và đa dạng đó nên việc bảo tồn gìn giữ và phát triển loại hình nghệ thuật đặc sắc này hiện cũng gặp không ít trở ngại. Cần lắm những công trình lý luận nghiên cứu chuyên sâu hoàn chỉnh về Dù-kê, song song với đó là những chính sách hợp lý để truyền dạy, gìn giữ giá trị văn hóa nghệ thuật đặc sắc này của đồng bào dân tộc Khmer. ■

Ảnh: Trần Thế Phong

Đi tôi

Ông bà ngoại tôi có cả thầy mười hai người con và dì tôi là người thứ chín, nên tôi vẫn thường gọi dì là dì Chín. Vì nhà ngoại tôi ngày ấy đông con quá nên việc chạy miếng ăn từng bữa cho bằng ấy con người đã là một nỗi lo quá sức, chứ đừng nói chi đến chuyện học hành. Bởi vậy, các cậu các dì của tôi đều chỉ được học hết lớp năm lớp sáu cho biết cái chữ, rồi nghỉ ở nhà, lao đầu vào việc mưu sinh cùng gia đình. Người lớn thì lo cho người nhỏ, người nhỏ thì lo cho đứa em nhỏ hơn. Cuộc sống lao động quanh năm vất vả cơ cực. Dì Chín cũng học hết lớp bốn thì nghỉ ở nhà giữ em, trông cháu.

Tôi và anh tôi là hai đứa cháu mà dì thương yêu nhất, được dì chăm sóc từ thuở nhỏ mỗi khi mẹ tôi phải đi làm xa. Những ngày tháng Mười mưa gió bão bùng, giường chiếu ướt sũng không có chỗ nằm, dì để chúng tôi nằm sát vách tôn cho khỏi ướt, còn dì khép nép ngoài mé nghiêng mình né những hạt mưa nhỏ từng giọt, từng giọt vỡ ra tung tóe trên giường. Nửa đêm, áo đã thấm nước mưa, dì chỉ biết cuộn tròn người lại ôm lấy thân cho bớt lạnh, vì sợ ôm tôi sẽ làm ướt tôi. Tôi vẫn còn nhớ những ngày hè nóng bức, dì tôi lấy những tờ giấy không dùng nữa gấp thành quạt giấy, quạt cho chúng tôi suốt đêm.



LÊ THỊ KIỀU MY

Khi ấy dì tôi mười lăm tuổi. Rồi dì cũng lớn lên và trở thành thiếu nữ. Tuổi trăng tròn dì xinh như hoa, nhiều người theo đuổi dì nhưng dì còn chưa muốn lấy chồng. Lên mười tám, dì đã yêu một người con trai trong làng. Hai người đã có với nhau một tình yêu thật đẹp, giản dị mà chân thành từ hai phía. Nhưng họ dường như có duyên mà không có nợ. Người yêu của dì đã hiểu lầm dì, cho rằng dì không thật lòng với chú ấy. Rồi họ chia tay. Thình thoảng tôi bắt gặp dì viết nhật ký. Dì viết nhiều lắm, có lẽ vì nước mắt không chảy ra được nên chảy ngược vào trong lòng hóa thành những dòng tâm sự dài miên man trên trang giấy. Dì thích hát những bài

nhạc buồn. Sau khi đã làm xong việc nhà, dì thu mình vào một góc buồng, mắt xa xăm vô định: “Lối anh đã hẹn nhưng rồi không đến, ai biết ông trời làm lẽ rơi...”

Ngày dì lên xe hoa là một ngày “sau cơn giông bão”. Đêm trước ngày cưới của dì, mưa to gió lớn như trời có bão nhẹ, nhà ngoại tôi phải lo sơ tán những đứa cháu nhỏ như chúng tôi đến nơi khác, người lớn thì vội vã khuôn những bao gạo đến chỗ cao ráo. Mưa triển miên dai dẳng cho đến tận nửa đêm mới hết. Lúc bấy giờ nước đã dâng lên ngập khắp sân, ngập cả cái rạp được dựng lên để tổ chức đám cưới cho dì. Sáng hôm sau, tuy nước rút gần hết nhưng để lại một khung cảnh tan hoang của cái rạp cưới. Dì tôi chỉ nhìn qua rồi cúi mặt xuống không nói gì, cái cử chỉ như chịu chấp nhận số phận mà ông trời đã an bài cho dì trọn một kiếp người, nằm trong một chữ “khổ”. Có lẽ vậy, cuộc đời của dì dường như chưa bao giờ thoát ra khỏi chữ “khổ”, vì cái khổ đã tồn tại trong chính thâm tâm của dì rồi. Cậu Tám tôi vì thương em nên gấp rút sửa sang, trang trí lại cảnh vật trước khi họ nhà trai tới. Cậu bảo: “Tôi nghiệp, đời em nó chỉ có một lần, cố làm lại cho đẹp một tí”. Lễ cưới đơn giản cũng đã được tổ chức xong. Dì tôi đã có chồng. Chồng dì là người miền biển, dì quen trong một lần theo ghe bà ngoại đi bán cá. Vốn là dân lao động ít học, lại sẵn bản tính cộc cằn vũ phu nên sau hơn một năm chung sống, dù đã có với nhau một mặt con nhưng dì tôi phải ẵm con nhỏ về quê mẹ để sống, bởi không thể chịu nổi được nữa cái cảnh người chồng bê tha cùng bà mẹ chồng suốt ngày bài bạc. Rồi đứa trẻ lớn lên trong sự thiếu thốn tình cha, tính nó rất ương bướng và khó bảo, đôi lúc nó tỏ ra không bình thường. Hầu như lúc nào nó cũng gây ra những chuyện rắc rối giữa đám anh chị em con cô con cậu con dì với nó vốn cùng sống dưới mái nhà của ngoại. Ở lớp học, có đứa nào ác ý chọc “đồ không cha” là nó lại trốn đi khóc, cô giáo phải dỗ dành nó mãi rồi chở nó về nhà. Dì Chín tôi thân gái một con có chồng như không nên đi làm quần quật suốt ngày để kiếm tiền nuôi con, cũng chẳng có nhiều thời gian để quan tâm đến con. Mỗi tối đi làm về, buồn buồn tủi tủi, hai mẹ con ôm nhau khóc. Nhà ngoại nghe thấy ai cũng đau lòng.

Rồi tương lai của hai mẹ con ra sao cũng chẳng ai có thể nói trước. Nhưng chắc rằng con đường phía trước đối với hai mẹ con dì sẽ rất khó khăn. Tôi mong dì có thật nhiều nghị lực để vượt qua, cũng như có nhiều niềm tin vào cuộc sống vì dì là chỗ dựa duy nhất của đứa con. Thương dì một đời lận đận, tôi còn đi học chẳng biết làm gì, nên mỗi lần được nghỉ, tôi lại chạy về với dì. Như ngày xưa mỗi lần mẹ làm xa, tôi cả ngày chỉ thích ở với dì. Dì thương tôi, rồi thương cuộc đời mình, nên nhiều lần nói cùng đứa cháu còn nhỏ dại là tôi, “thần đàn bà con gái khổ lắm con ơi, đừng để một lần lầm lỡ như dì”... ■



Ảnh minh họa.

Bà tôi

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Con người thường phải trải qua bốn bước trong cuộc đời mình: sinh, lão, bệnh, tử. Tuy nhiên thời nay, hình như do cách sống lệch lạc và môi trường quá ô nhiễm nên khá nhiều người chỉ kịp trải qua ba giai đoạn của đời người: sinh, bệnh, tử. Họ không kịp già, chưa kịp trải qua tuổi già. Bà nội tôi là trường hợp duy nhất mà tôi được biết có cuộc đời thú vị khi chỉ trải qua ba

giai đoạn khác hẳn: sinh, lão, tử. Thiếu ba tuổi nữa thì bà tôi sống tròn trăm tuổi.

Trong suốt cuộc đời, bà không bị ốm đau. Ít nhất, trong mấy chục năm nay, tôi chưa thấy bà đi bệnh viện bao giờ. Nếu bị ốm thì cũng chỉ là sổ mũi, nhức đầu, cảm cúm... mà những chứng ấy hoàn toàn có thể chữa được bằng lá cây và củ quả có sẵn ngoài vườn. Đặc biệt nhất là những tháng ngày cuối đời, bà nội tôi vẫn khỏe.

Hai tháng trước ngày mất, bà giảm ăn. Sáu ngày cuối, bà không ăn nữa và qua đời. Bà vẫn tỉnh táo đến những giây phút cuối cùng. Trước khi lìa đời, em gái của bà hỏi chuyện bà vẫn có thể gặt và lặt.

Trong lễ tang, tôi xúc động nhất khi ông trưởng thôn đọc diếu văn. Ba “chức vụ” mà bà tôi có được là: thành viên Hợp tác xã Nông nghiệp xã Đông Hòa, thành viên Hội Phật tử chùa Phù Sa và thành viên Hội Người cao tuổi thôn Nghĩa Thắng. Tôi đã giật mình khi nghe những lời này. Hóa ra bà tôi là một phó thường dân, không một chức vụ. Hóa ra bí quyết sống lâu, không bệnh tật là đây!

Suốt cuộc đời tôi chưa thấy bà nóng tính bao giờ. Mà thực ra bà nội tôi chưa hề to tiếng với ai. Lũ cháu chúng tôi ngày xưa nghịch như quỷ sứ, luôn leo trèo cây cối, lội ao, bơi sông bì bõm, chạy nhảy mà theo cách gọi của bà là “như giặc”. Vậy mà, ngược lại với ông nội hay nóng tính và quát mắng lũ trẻ, bà chỉ nói nhẹ, nhẹ đến lạ thường. Bà hiền lắm; nhưng rõ ràng là bà vẫn có uy với chúng tôi. Hóa ra bí quyết sống khỏe của bà là ở đây.

Bà tôi tiết kiệm lắm. Khi phơi lúa ra sân, cuối mỗi ngày, bà nhặt từng hạt lúa rơi vào khe giữa các viên gạch hay bắn ra ngõ, ra vườn. Bà nhặt từng hạt cho vào lòng bàn tay. Nhờ bà nội mà tôi biết lúa gạo được gọi là ngọc thực. Bà không từng phí một hạt cơm nào: bà luôn vét đến từng hạt cơm cuối cùng trong nồi. Ít khi nồi cơm của bà còn hạt nào sót lại. Bà bảo, phí một hạt cơm là có tội. Phải chăng bí quyết sống vui đến cuối đời là đây.

Bà tôi rất hay cho quà các cháu. Tiền chắt chiu được, bà luôn tặng quà các cháu. Tôi nhớ rằng hồi nhỏ, tiền mừng tuổi của ông bà ngày Tết luôn lớn nhất trong những khoản mừng tuổi của tất cả mọi người thân. Chiếc áo, cái quần bà mua cho từ ngày xưa tôi vẫn nhớ như in. Những chiếc bánh đa, quả táo, gói kẹo ngày nào vẫn như sống lại với tôi lúc này. Mỗi lần tôi về nghỉ hè hay nghỉ Tết rồi quay lại Hà Nội, bà không quên tháo ruột tượng ra lấy ra một chiếc bao vải nhỏ và lòi từ đó ra ít tiền cho cháu. Không những tôi mà các cháu khác cũng vậy. Khi bà đã già, tôi đã lớn, tiền tôi biếu bà thường được bà cho các cháu khác nhỏ hơn và vẫn còn khó khăn thiếu thốn. Tôi cứ nghĩ, ít ai hay cho quà các cháu nhiều như bà nội tôi. Có lẽ bí quyết sống tuyệt vời như bà là thế này đây.

Bà tôi không biết chữ. Những gì cần đến pháp lý bà phải chỉ điểm bằng các ngón tay. Ấy vậy mà bà kể cho chúng tôi nghe đến thuộc lòng cả mấy chục câu chuyện cổ tích. Tôi cũng thấy ít ai thuộc nhiều chuyện cổ tích và kể hay như bà. Chắc hẳn đây cũng là một bí quyết để bà sống khỏe bên con cháu.

Đã bao năm, cứ tối đến là bà nội và bố mẹ tôi lại ngồi bên nhau niệm Phật. Sáu chữ “Nam mô A-di-đà Phật” hình như được bà niệm hàng tỷ lần. Để rồi những tháng cuối cùng mấy niệm Phật luôn bật vang cùng bà. Để rồi một tháng cuối và suốt 49 ngày sau khi bà



qua đời, tất cả con cháu quây quần tụng kinh, niệm Phật cho bà. Đúng là bí quyết sống hạnh phúc này giản đơn thật.

Bà tôi hay mặc quần áo rách. Ngay cả khi kinh tế đã khá, con cháu đã mua cho bà nhiều quần áo mà bà vẫn để dành. Bà để ngày mai, để sau này sẽ mặc. Ngày bà mất, còn rất nhiều quần áo mới tinh, chưa một lần mở ra. Phải chăng bà dành hết cho con cháu hưởng. Còn phần cho bà ư? Bà hay nói, bà già rồi, mặc gì chẳng được.

Cũng cần nói thêm, bà chưa hề ra khỏi quê. Bao lần tôi lên kế hoạch và tìm mọi cách đưa bà về thăm Hà Nội mà không được. Chiếc xe hơi của tôi đã lỡ hẹn với bà trọn cuộc đời!

Bà nội tôi mất khi đã có 141 con, cháu, chắt. Đám tang bà có sáu đĩa chút thắt khăn đỏ. Còn chắt thắt khăn vàng thì nhiều lắm, cả mấy chục đĩa. Ai cũng bảo đám tang bà to nhất làng.

Tôi gõ những dòng chữ này khi vừa bay về Sài Gòn từ nước ngoài và chuẩn bị cho một chuyến đi khác. Tôi thì khoác trên người một mớ kiến thức, bằng cấp, chức vụ, tài sản, và cứ mãi đi đây đi đó trong nước hay ngoài nước, vậy mà những gì tôi thật sự có còn thua bà rất xa. Tôi thiếu sự vui vẻ và thư giãn của bà. Tôi không có nụ cười hiền hậu và tâm hồn rộng đến vô biên như bà. Tôi cần học cả đời để có tài sản như bà: tình yêu thương con cháu, sự cảm thông sâu sắc, lòng vị tha như Phật Bà Quan Âm.

Hôm trước tôi đến dự một đám tang. Trong diếu văn, người mất có quá nhiều chức vụ, đến mức tôi không thể nhớ hết. Chỉ tiếc rằng ông mất quá trẻ và ra đi trong những cơn đau, khi bao dự án đang còn dở dang và con cháu sẽ phải mất công họp lại chia nhau những khoản tiền và tài sản mà ông để lại.

Tự nhiên tôi muốn buông tất cả những gì đang treo trên đôi vai của mình để được như bà nội. ■



Mau mùa ky ộc

PHONG TRƯỞNG TỬ

Những ngày này, trời bắt đầu đổ những cơn mưa vào chiều tối... Tôi đi tìm những cơn mưa trong ký ức, và chợt thấy một màn mưa trắng xóa nỗi niềm... Cứ mỗi lúc sang mùa, tiết trời nơi đây lại đồng đánh khác thường: Ban ngày trời chỉ sẫm màu nặng trĩu, rồi khi chiều buông thì trút xuống tơi bời những cơn mưa.

Thuở nhỏ tôi sống cùng ông bà nội vì bố mẹ phải đi làm ăn xa. Chỉ có một mụn cháu duy nhất nên tôi được ông bà thương hết mực. Nhà nội tôi nằm bên một dòng sông, cứ mỗi lúc mưa tràn về là con nước nổi mênh mông. Tôi vẫn hay cùng mấy đứa bạn nhà bên cạnh đi mò cua bắt ốc, hoặc lấy rổ đi úp những con cá chốt về khoe ông bà. Những thứ chúng tôi bắt được sẽ chẳng thấm thía gì so với một bữa cơm no, nhưng những lời khen của ông bà làm chúng tôi có cảm tưởng chúng tôi lớn lắm, kiếm được miếng ăn cho gia đình rồi. Những lúc mưa bắt đầu to hơn, con nước trở nên giận dữ, lũ chúng tôi lại ngồi ngắm mưa qua cửa sổ, thỉnh thoảng đứa này lại đẩy đứa kia phân công nhau đi lấy thau hứng nước. Thuở ấy nhà chúng tôi thiếu thốn, mái hồng tùm lum, cứ mưa về là chỗ này nổi tiếp chỗ kia tha hồ mà dột. Rồi nước từ mái thấm qua tường chảy xuống, khiến cho niềm vui của chúng tôi khi ấy còn là lắng nghe tiếng mưa rớt vào

thành thau tong tong rất vui tai, mặc dù đến đêm thì nó thành tiếng ồn không sao ngủ được.

Ngày xưa ấy, cứ những lúc trời mưa, ông nội và tôi lại cùng nhau ra ngoài trời đi tắm mưa, làm bà cứ mắng cả hai vì sợ hai ông cháu bị cảm lạnh. Mưa về là hai ông cháu lại kéo nhau ra ngoài mưa tắm, bà trách thì ông chỉ cười. Bà nào biết được tại đứa cháu hay vòi vĩnh nên ông mới nuông chiều. Rồi mỗi khi ra mưa, ông lại lấy cả tấm thân còm cõi che chở cho cháu vui đùa tinh nghịch... Có những đêm rằm chẳng thấy nổi trăng vì mưa to và mây đen vần vũ, ông cháu lại kê chõng nơi góc tường, nằm kể chuyện rí rả trong tiếng mưa rơi. Những câu chuyện của ông không thiếu những cơn mưa vì dường như ông yêu mưa lắm. Từ chuyện sự tích trời mưa, chuyện con cóc ngiến răng kêu mưa xuống; cho tới chuyện ngày ông đi lính, áo mưa là những lá chuối rừng, mặc mưa giông gió đoàn quân vẫn đi tới không gục ngã... Cơn mưa đêm cứ vậy rì rào, rả rích ru tôi vào giấc ngủ.

Lại nhớ có những hôm tôi đi học về trên con đường lầy lội, tôi với mấy đứa bạn cứ phải gọi là bám chân xuống đất mà đi cho khỏi ngã. Mưa to trắng cả đất trời, mắt tôi bị cận nặng phải đeo kính, nước làm kính mờ không thấy đường, một đứa bạn giữ thăng bằng không tốt trượt chân té ngã, khóc òa không chịu dậy.

Thế là cả ba đứa lúng túng không biết làm gì, đứng khóc nức nở giữa cơn mưa. Rồi có những hôm nước rút, mực nước sông bên nhà chỉ còn chừng tới đầu gối, chúng tôi hì hục xuống “tập bơi”. Chân thì chạm đáy, cứ đi đi dưới nước, hai tay lại cứ quờ quạng trên mặt nước, rồi cứ thế mà tiến tới. Ấy vậy mà cũng hạnh diện là đã bơi được rồi đấy! Cái bè chuối trở thành cái phao cứu sinh, những con cá con tôm trở thành “sinh vật biển” sống trong ao, vậy là một thế giới kì thú lại mở ra trong mắt lũ trẻ thơ chúng tôi.

Lớn thêm một chút tôi lên phố học, những cơn mưa trở thành ký ức ghi dấu nhiều kỷ niệm. Đó là khi được tặng một nhành phượng ép trong cuốn vở, bên trong có một lá thư viết vội nhưng đã nhòe ướt, cứ như “người ta” đứng dưới mưa chờ mình tan học đã lâu lắm. Đó là khi chiếc cặp bé xíu che chung trên đầu tôi và người ấy, và nụ hôn lướt vội ướt bởi cơn mưa. Đó cũng là khi tôi đứng khóc một mình vì tình đầu không như nguyện ước, mưa cũng làm người ta thêm buồn những lúc phải chia tay.

Tôi xa quê, xa ông bà, xa đám bạn thân thuở bé để vào thành phố học đại học. Ngày chia tay, ông tôi không nhìn tôi mà chỉ dặn dò vài điều cần thiết, bà tôi và lũ bạn thì tấm tức khóc, ôm chặt không muốn rời. Mưa rơi thay cho nước mắt tôi rơi... Những lá thư trở thành phương tiện duy nhất để liên lạc; nhưng rồi cũng nhạt phai theo năm tháng, tôi đánh rơi ký ức về những

cơn mưa khi mãi bộn bề với việc học hành thi cử. Rồi tôi được tin ông mất khi tôi bước vào năm thứ ba. Ngày về quê chịu tang ông thì đám bạn cũng không còn nơi đây nữa, mỗi đứa một ngả kiếm kế sinh nhai cho riêng mình. Bơ vơ hương khói trên bàn thờ ông...

Ông đi rồi, mùa này đâu thiếu những cơn mưa ngày cũ. Nhưng tôi không còn tắm mưa như xưa nữa, đơn giản vì bên cạnh tôi không còn một bóng hình mạnh mẽ che hết những cơn mưa cho tôi thoải mái đùa nghịch. Người ấy đã đi rồi, đi rất xa... Và cả đám bạn thân của tôi cũng không còn nơi đây nữa. Tôi đi tìm màu của những cơn mưa, nhưng sao đã trắng xóa mặt mù như những ký ức chìm sâu trong trái tim tôi... ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
 CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
 CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT Nền Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ

Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **442 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiaovnn.vn, hoặc toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Chiec xe ngựa của chú tôi

TRÀ KIM LONG

Hồi ấy, cả đường sá lẫn phương tiện giao thông ở quê tôi còn rất lạc hậu. Ngoại trừ con đường cái quan (tỉnh lộ) nối liền thị trấn với các xã ở phía Tây của huyện là đã được trải đá từ thời Pháp thuộc, tất cả những con đường còn lại trong xã chỉ là đường đất. Việc đi lại chủ yếu bằng đôi chân. Xe ngựa là phương tiện duy nhất được dùng để chuyên chở hàng hóa thô sản từ miền quê về thị trấn, nhưng gần như chỉ dành riêng cho những người buôn bán và mỗi xã cũng chỉ có chừng vài ba chiếc là nhiều. Tên của chiếc xe được gắn liền với tên người chủ kiêm người đánh xe, như xe Năm Hợi, xe Ba Tốt, xe Tư Đồ... Mỗi chiếc xe chỉ cần sắm một con ngựa là đủ vì mỗi ngày chỉ chạy có một chuyến: gà gáy đầu canh năm chở hàng xuống chợ rồi đến bến nghỉ ngơi, đợi đến xế trưa chở bạn hàng về lại. Chuyển đi, hàng hóa chất đầy ăm ắp, trong lòng

xe, trên mui xe; người phải ngồi nửa trong nửa ngoài hai bên be hoặc đu nơi bàn đạp phía sau. Chuyển về, xe gần như trống trơn, chỉ còn có người và thùng giỏ không. Suốt thời gian còn lại trong ngày coi như nhàn rỗi ngoại trừ việc chăm sóc cho ngựa và chiếc xe.

Chú tôi vừa làm nghề nông, vừa có chân trong ban nhạc cổ truyền, lại vừa đam mê võ nghệ nhưng không chuyên về một nghề nào cả nên cuộc sống lúc nào cũng có chiều đi xuống. Để cải thiện cuộc sống, ông nghĩ đến việc sắm chiếc xe ngựa để làm kế sinh nhai. Không đủ khả năng sắm mới, ông gom góp chỉ vừa đủ tiền để sang lại xe và ngựa của một người đã... chán nghề.

Có được chiếc xe ngựa trong tay, chú tôi đặt trọn niềm tin vào việc... đổi đời. Nhưng đời chưa thấy đổi mà rắc rối lại cứ liên tục xảy ra từ con ngựa và chiếc xe.

Vừa mới ra nghề chưa có kinh nghiệm đã đành, ông



Nguồn: ibiblio.org

còn gặp phải cảnh thiếu vắng khách hàng trầm trọng. Những người chuyên nghề buôn bán hàng thổ sản đã là mối quen của những chiếc ngựa đã từng chuyên chở họ; nếu không có gì mắc mưu với chủ xe thì không lý do gì để họ nửa chừng... sang ngang được. Người không chuyên nghề buôn bán họa hoàn mới có dịp mang “cây nhà lá vườn” ra chợ, nhưng không phải ai cũng chọn đi bằng chiếc xe ngựa cũ kĩ của người chủ mới toanh. Cho nên chiếc xe ngựa của chú tôi suốt thời gian mấy tháng đầu gần như trong tình trạng ế khách.

Đến khi “kiểm” được lượng khách hàng tương đối đủ cho mỗi chuyến xe thì đến mùa mưa dầm, ngựa lại không chịu thuận phục như trước nữa.

Mùa mưa dầm quê tôi nhiều khi kéo dài đến cả chín, mười ngày đêm liền không thấy ngớt. Những con đường đất mùa nắng, tuy phải chịu cảnh bụi bốc mù trời nhưng độ cứng của mặt đường vẫn có thể “chịu được” những chiếc xe ngựa lăn bánh mỗi ngày. Lúc mưa xuống, mặt đường bị nhão ra, nước ứ đọng tạo thành những vũng bùn lầy lội càng lúc càng sâu hơn, rộng hơn. Người đánh xe ngựa lâu năm, nhiều kinh nghiệm, có thể cho xe chạy “né” được những vũng bùn

ấy; nhưng với chú tôi, vừa kinh nghiệm chưa nhiều, vừa gặp phải con ngựa bất thần trở chứng, ông chỉ có cách “chịu trận”.

Chờ đẩy những giỏ trái cây trong lòng xe, hai bên be đều có người ngồi bám vào nửa trong nửa ngoài, dù cơn mưa đã tạnh nhưng con đường vẫn còn sũng nước, chú tôi đã cẩn thận kềm cương cho ngựa chạy rất chậm để tránh tình trạng bất trắc có thể xảy ra. Cố đi cho hết vài trăm thước nữa, khi ra đến được đường cái quan rồi thì không còn phải lo sợ gì nữa cả. Nhưng dù chỉ với vài trăm thước ngắn ngủi ấy mà cũng không thể vượt qua được. Thấy trước mặt có vũng nước đã nghi là vũng bùn, chú tôi bẻ cương cho ngựa chạy ép sang bên cạnh; nhưng con ngựa bỗng nhiên trở chứng, đã không chịu nghe theo, mà còn tăng tốc chạy càn vào nơi không nên đến khiến cho một bánh xe lọt thỏm vào vũng bùn; chiếc xe nghiêng hẳn một bên đồng thời với những tiếng la hét hoảng của khách hàng. Một số người bám vào xe không chặt đã bị rớt khỏi be, áo quần bê bết những nước bùn. May mà không ai bị xây xát chút nào.

Con ngựa bất kham đã tạo nên sự cố lại buống bình đứng ỳ ra một chỗ, nhất định không chịu kéo xe lên để chuộc lỗi lầm mặc dù chú tôi đã hết sức vừa la hét vừa dùng roi đánh vào mông nó.

Sau lần xảy ra tai nạn ấy, con ngựa của chú tôi càng lúc tính khí càng thêm bất định; khi thì nó tỏ ra đúng là một con ngựa thuần thực, khi lại trở nên hết sức ngoan cố không chịu nghe lời, chẳng biết đâu mà lường trước được. Một số khách hàng vừa mới quen đã dầm ra do dự, lo sợ. Xe lại lâm vào tình trạng vắng khách. Chú tôi nghĩ đến việc thay ngựa mới nhưng khi còn chưa kịp thực hiện quyết định thì sự cố khác lại tiếp tục diễn ra.

Lúc bấy giờ còn trong thời kỳ Pháp thuộc. Con đường cái quan độc nhất dẫn từ các xã miền tây đến chợ huyện phải qua cửa Đông, cửa Tây của cổ thành. Tại các cửa này đều có lính khố xanh phối hợp với lính Pháp người da đen (người dân vẫn gọi là Tây rạch mặt) canh gác nghiêm ngặt. Bất cứ xe nào đi qua cũng đều phải ngừng lại để kiểm soát.

Chú tôi dong một chuyến xe không lấy gì nhiều khách hàng, đã biết lo ghìm cương lại từ khá xa; nhưng con ngựa thì cứ “bất tuân thượng lệnh” không chịu dừng. Bọn lính gác tưởng ông ngoan cố nên vừa sừng sộ, vừa xúm nhau ra tay cản xe. Khi kiểm soát xong thì ngựa lại lì lợm đứng yên không thèm chạy nữa. Bọn lính gác phải thêm một lần nữa ra sức đẩy xe để đi cho khuất mắt, vừa khỏi phải cản đường giao thông.

Nản quá! Chú tôi không còn có quyết định “đổi ngựa” nữa, mà tìm người bán xe bỏ nghề luôn.

Bây giờ quê tôi đường sá đã khang trang rộng rãi, phương tiện giao thông đổi mới hoàn toàn, xe ngựa lui về dĩ vãng đã từ khá lâu rồi. Thèm nhớ lại những chiếc xe ngựa gỗ ngày xưa, thèm nhớ lại một thời đã qua. ■

Củ Chi quê mẹ

KIM HOA

Về nghe tiếng hát năm xưa
Nhớ đường đất cũ hoa mua nở đầy
Mái tranh bóng mẹ hao gầy
Lung còng theo với những ngày chiến chinh.

Về nghe hơi thở quê mình
Nhớ lòng địa đạo, nhớ tình quân dân
Rừng xa với nước sông gần
Gió đưa là ngọn ngút ngàn tre xanh.

Qua rồi cuộc chiến lòng danh
Quê còn dấu ấn của thành tích xưa
Qua rồi cuộc nắng cuộc mưa
Quê xây dựng mới vẫn chưa bước dừng.

Nhà xây lớp lớp điệp trùng
Khang trang đường mở rộng vùng thông thương
Nơi này canh tác ruộng nương
Nơi kia trĩu quả cho vườn ngát xanh.

Chung tay sản xuất tăng canh
Ngày lo lao động đem thanh thân người
Câu hò tiếng hát say đời
Đờn ca tài tử vui chơi thỏa tình.

Về đây về với quê mình
Nhớ kỷ niệm cũ, yêu hình dáng nay
Nhịp nhàng cuộc sống đổi thay
Củ Chi tâm vóc mỗi ngày mỗi cao.

Xa làng

NGUYỄN DŨNG

Xa làng từ thuở đôi mươi
Xa bờ ruộng nhỏ như vừa bàn chân
Xa bờ tre bóng trong ngần
Dưới mương cá đớp bóng vàng trăng lên
Giọt tranh nhả khói đón đêm
Xa hoàng hôn nín cánh nghiêng cò về
Xa bếp hồng nhện giăng tơ
Tiếng thạch sùng rớt gọi mờ hơi sương
Xa bàn tay mẹ bó rơm
Khói chiều un muối còn thơm đến giờ
Bàn chân đạp đất cần khô
Cho mùa xanh lúa, đầy bồ khoai tươi
Xa những đêm hát bài chòi
Xa tuồng hát bội cúng thờ tháng giêng
Làng ơi! Giờ hóa thiêng liêng
Năm mươi xuân cách trời nghiêng nhớ làng.



Dịu dàng heo may

PHAN THÀNH MINH

Gội tóc bằng hương suối
Hoa bìm bìm không thơm
Cái chữ đưa em qua buổi xuân thì

Nắng thu ươm vàng đã cúc
Tặng em – Cô giáo
Tâm tình mẹ núi

Nhọc nhần nồn thơm hạt ngô
Khoai sắn thương em
Sao em chưa thành người của bản

Rót ngọt ngào về cánh đồng xa thăm
Xe nước gánh gồng âu lo
Núi bên nhau sao vẫn phải đợi chờ

Phía trước vàng trắng khuyết
Tiếng hát theo em mở đường
Đắp ngằm cho anh qua suối

Phía sau vàng trắng khuyết
Lời yêu anh gửi trong lá
Em suốt đời lắng nghe.

Bài hát say mê

NGUYỄN BỘI NHIÊN

Bài hát này là bài hát say mê
Về những mặn nồng của miền gió cát
Đã chan chứa trong biển xanh thao thức
Gửi tới vô biên ước vọng ngọt lành.

Từng giọt nắng tái sinh trên đỉnh sóng
Từng cơn mưa đã lặn phía chân trời
Người xa lạ đã thân, gần biết mấy
Khi mùa sen, mùa phượng đã quay về.

Mỗi sớm mai gió mới lại lên đường
Ngày lại mới dưới trời xanh, mây trắng
Tôi lại nắm bàn tay người đầy nắng
Trái tim hồng lại đập nhịp yêu thương.

Tim khai bút trong ánh ngày rạng rỡ
Viết tiếp câu thơ, viết tiếp mong chờ
Bên tiếng sóng nói thay điều vĩnh viễn
Một cuộc đời tan vỡ đã hồi sinh...

Nghe chuông nhẹ với phiên nào

TRƯỜNG KHÁNH

Chuông sớm đồng vọng rơi
Từ âm lan khắp nơi,
Sương mai còn ngái ngủ.
Chuông thức tỉnh cho đời.

Phiên nào nhẹ - Nghe chuông,
Không tham giận ngông cuồng,
Hạnh từ bi nhuần trái,
Gieo đạo về muôn phương.

Trí huệ bừng triển khai,
Bồ-đề hạnh trái dài
Thoát xa vùng ngục tối.
Nhập thể tánh Như Lai.

Phật quả nguyện đạt thành,
Độ thoát hết chúng sanh,
Đều chứng quả vô thượng
Khắp pháp giới tươi xanh.

Chuông thanh thoát - giọt an lành,
Ru đời bằng những âm thanh diệu huyền,
Quay về bến giác châu viên.
Nương theo bóng Phật - trang nghiêm cảnh đời,
Chuông chùa ngân vọng đầy vui,
Niệm kinh xóa nghiệp ngàn nơi an hòa.

Cửa rơi

VÕ BÁ

Tôi buồn, đi nhạt bóng đêm
Đèn soi ngược gió chảy lem mặt mình
Tay lần dưới vũng phù sinh
Vớt lên được cái nhân tình đánh rơi.

Gọi người

Ngày rơi. Vui ngắn, buồn dài
Dám đâu uống phí trần ai một lần
Lời chim hát khúc thanh tân
Tình hoa tán sắc phù vân. Gọi người...

Cổ đại

Ruộng, rẫy mùa chưa chớm lá
Cỏ hoang, gai dại mọc đầy
Hồn ta một ngày hoang hóa
Vô vãn mầm ác xanh cây.



Tình xa

TƯƠNG GIANG

Nỗi buồn vương ngọn trúc đào
Đau từ ký ức rót vào tương lai
Vần thơ lắm lỡ nhạt phai
Trùng dương ghi dấu u hoài riêng mang!

Cánh chim viễn xứ xa ngàn
Bỏ sau lưng mấy nỗi hàn đàm mê
Lặng im giữa những bọn bè
Vớt lên dấu lặng tìm về vắng môi!

Khóc chi khi cách xa người
Đón đau chi khi lẻ loi hình thành
Nhốt lại đi buổi vắng tanh
Tơ chùng muôn nhịp không đành xác xơ!

Một mình mơ ước đợi chờ
Tìm trong dư ảnh thần thờ tan bay
Tàn tro nhẹ rót trên tay
Gởi hương cho gió loay hoay dòng đời!

Người đi chân gọi đơn côi
Muộn chưa tan tác rồi bởi sơn khê
Mưa mờ trắng xóa ngõ quê
Tìm đâu bóng nhỏ đường về hút xa!

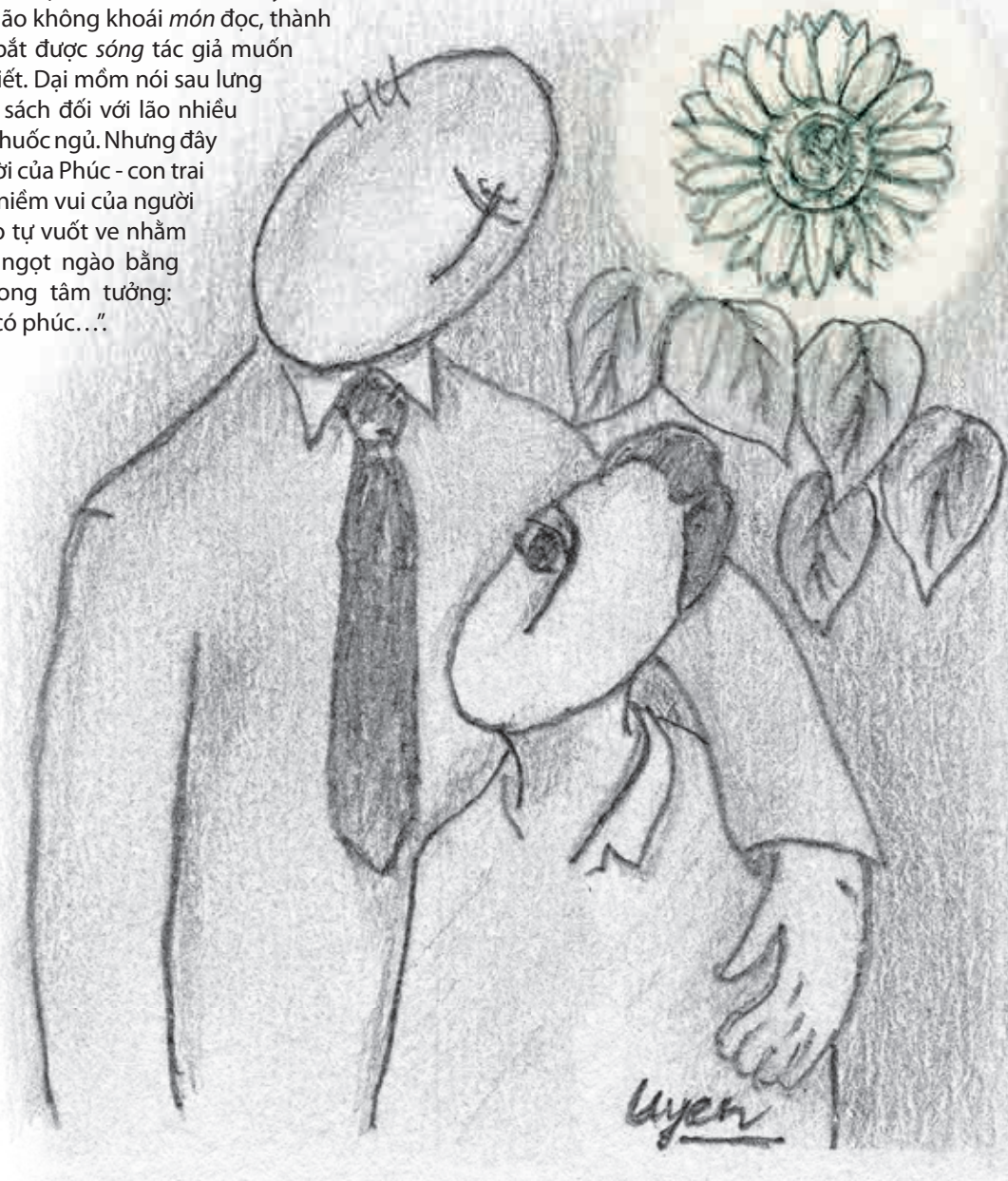
Thương rơi từng giọt vỡ òa
Bờ môi ngạo nghễ la đà mê cung
Ngược dòng vào tận vô cùng
Trăng ru ảo vọng bóng chùng... mây bay...

Sống vô lòng ai

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

1 Lão Tuấn nâng niu tập bản thảo, mắt ngời niềm vui. Lão ngắm trang bìa xanh dịu dịu, phẳng phất hương thơm dễ chịu; trên đó nổi bật tựa đề “Tinh hoa văn hóa làng của người Việt” cùng tên tác giả. Chưa bao giờ lão đọc sách, lại mới là bản thảo, say mê như thế. Nói cho ngay, lão không khoái *món* đọc, thành ra lắm lúc không bắt được *sống* tác giả muốn truyền qua trang viết. Đại mồm nói sau lưng các nhà văn, cuốn sách đối với lão nhiều khi giống như liều thuốc ngủ. Nhưng đây là cuốn sách đầu đời của Phúc - con trai lão - nên nó khiến niềm vui của người cha thăng hoa. Lão tự vuốt ve nhằm kéo dài cảm giác ngọt ngào bằng cách đọc thoải trong tâm tưởng: “Con hơn cha nhà có phúc...”.

Nén lòng vui khắp khởi, lão giờ tập bản thảo, nhìn con tridu mền: “Tiếp theo, con tính sao?”. Thay đáp lời, chàng trai tươi cười: “Ba thấy nội dung sao?”. Lão cười thề cho trả lời, mặc con ngược nhìn chờ đợi. Lúc sau,



Phúc trình bày dự định bằng giọng tự tin: “Trước hết, con sẽ nhờ các thầy và những người am hiểu lĩnh vực này đọc và góp ý cho bản thảo. Ba có quen ai nghiên cứu về văn hóa, phong tục?”. Lão lắc đầu, quay mặt nhìn ra khoảng sân đầy nắng.

2 Câu hỏi của con khiến lão Tuần chợt nhớ một người bạn đã xa. Anh tên Chinh, chỉ là nhà văn do bạn bè hào phóng phong cho, nhưng viết được khá nhiều. Làm thơ, viết truyện, viết phê bình... *sân* nào anh cũng *đá*. Tên anh mới như nốt lặng, dấu ba chấm trên diễn đàn văn học nước nhà, nhưng anh là chủ biên những tờ báo tường, bản tin nội bộ hay những tập san kỷ niệm ngày truyền thống đơn vị. Đặc biệt anh rất ham đọc; nếu hạ cấp ví anh là một sách thì con một này thuộc dạng khá bự. Ngay thời đi học sĩ quan, đèn điện tù mù, lại không được thức quá giờ quy định, nhưng anh vẫn không bỏ thói quen đọc sách. Đêm đêm, Chinh lấy mảnh giấy cuộn thành cái phễu chụp lên bóng đèn để có nguồn sáng lờ mờ soi cho những trang sách mà không ảnh hưởng đến giấc ngủ đồng đội. Và tới lượt mình, anh mon men trên con đường sáng tác, mở đầu bằng những bài viết tạm gọi là phê bình sách. Số là, mỗi lần đọc xong cuốn sách hay, Chinh hào hứng san sẻ cùng bạn bè rồi ghi lại cảm nhận trong nhật ký. Đồng đội khích lệ anh nên gửi cho báo những cảm nhận đó. Không ngờ những bài ấy được đều đều in trên mục “Điểm sách”; “Mỗi tuần một cuốn sách”; “Sách mới” của các báo. Anh say mê với trang viết từ đó.

Đôi bạn Tuần, Chinh thân nhau từ thuở mới qua thời thơ bé, khi cùng học trường sĩ quan rồi cùng làm ở cơ quan bảo vệ an ninh. Ngày ấy, đất nước vừa thống nhất và đang trải qua những ngày bát cơm không độn mì là ước mơ không hiện thực của bao nhà. Giờ xem lại ảnh chụp thời ấy, lão thấy ai cũng gầy nhom, lạ với chính mình. Trong những tấm ảnh đen trắng ấy, bao giờ Tuần, Chinh cũng bên nhau. Họ thân đến độ ngoài chuyện ngủ với vợ, chẳng giấu nhau điều gì. Lão thường là người đầu tiên đọc những bài viết của bạn, dù chẳng bàn góp được nhiều. Có lần Chinh đi công tác Hà Nội, mua tặng lão lọ thuốc nước xinh xinh, màu hồng. Chinh dúm lọ thuốc vào tay lão, cười cười vẻ úp mở; thấy bạn ngơ ngác, anh ghé tai nói nhỏ: “Thuốc chữa hôi nách đấy!”. Lão ngớ ngàng. Cha mẹ, anh em và cả vợ lão sau này, chưa ai tặng lão món quà “độc” như thế... Rồi khi lão bị tai nạn xe máy, chính dòng máu của người bạn ấy đã kéo lại sự sống cho lão khi đang trượt về cõi chết.

Tình thân giữa hai người sẽ song hành cùng năm tháng nếu họ mãi trong đội hình hàng ngang của cuộc đua giữa trường đời. Khi Chinh tách tổp vượt lên, tức từ trợ lý được bổ nhiệm trưởng phòng thì mãi xa cách giữa họ bắt đầu thai nghén. Cũng năng cocc cùng

những lời *có cánh* chúc mừng bạn nhưng nỗi buồn khó cắt nghĩa bỗng len lén gặm nhấm cõi lòng, khiến lão bứt rứt không yên. Thay vì phóng khoáng xuể xòa như thường khi, lão bất ngờ chùng mực, xét nét người bạn thân một thuở. Những lời lén lút ngoài cuộc của lão kể lẽ khuyết tật của anh trưởng phòng phần nào khiến uy tín anh sút giảm nhưng lại cho lão hả lòng. Nụ cười nửa miệng cùng những cái chặc lưỡi khó hiểu của lão khi nhắc đến người bạn ấy chính là bộc lộ sự yếu đuối và bất lực đang bị dồn nén trong lòng. Sao lại thế? Lắm lúc lão sực tỉnh, tự vấn, cay đắng thấy không còn kiểm soát được tình cảm của chính mình. Thiếu tự tin, thừa ganh ghét!? Lão không dám nhận điều ấy, đành ngụy tạo lý do khác để cắt nghĩa cho sóng ngầm của lòng mình, với những mong lương tâm được xoa dịu.

Khi Chinh được đưa vào nguồn cán bộ lãnh đạo cao hơn thì rắc rối đến với anh. Một cú điện thoại vu vơ gọi tới thủ trưởng cơ quan, mách rằng bố vợ Chinh có chiến tích bất hảo khi làm việc cho địch. Cơ quan bảo vệ kiểm tra xác minh và kết luận, rằng lời tố cáo kia chỉ đúng một phần, và Chinh khó biết chuyện đó bởi bố mẹ vợ bỏ nhau khi vợ anh chưa chào đời. Chinh phờ phạc như thân cây vừa qua cơn bão lớn. Có lẽ đoán biết người đạo diễn cú điện thoại tai hại kia nên anh đã từ chối sự an ủi của lão. Khi lão vỗ vai bạn: “Dù sao tình thân giữa hai ta cũng không thể mất”, Chinh gạt tay lão, giọng chua chát: “Tôi buồn lắm nhưng chính lúc này tôi hiểu thêm góc hẹp của lòng người!”. Nhìn dáng mệt mỏi của bạn khuất dần sau hàng cây kiểng, lão trào lên xót xa, ái ngại. Sao lạ thế, lòng ơi! Khi thấy người hơn mình thì nặng trĩu ưu tư; lúc thấy người gập gẫy thì dãi bôi vài lời xót thương trong cảm giác dễ chịu!

3 “Sau khi được góp ý, con sẽ hoàn chỉnh bản thảo và gửi tới nhà xuất bản”. Lời Phúc đưa lão Tuần về với thực tại. Lão trầm ngâm hồi lâu rồi khó nhọc lựa lời bàn góp với con: “Theo ba, con chưa nên in sách lúc này”. Trước ánh mắt ngạc nhiên của con, lão bối rối, lúc lâu mới tiếp: “Đừng vội con ạ, con như cây non đã cho quả, dễ làm người khác chạnh lòng...”. “Con chưa hiểu ý ba”. Về cốt ruột của người con lơ lửng trong im lặng. Làm sao lão có thể nói thẳng với con, thành công của người này chắc gì đem lại niềm vui cho kẻ khác. Lắm khi ánh hào quang chiến thắng của người này lại làm nảy mầm ganh ghét của người kia. Ngay thấy dạy con lão, chưa hẳn ai cũng có công trình được in sách; họ nghĩ gì khi trò hơn thầy? Và bao điều thật giả vẫn nhan nhản đây đó. Tỷ như, tiền bạc xông xênh, làm nhà to vật vờ nhưng để tránh chòm xóm dị nghị, đành hạ mình theo kiểu: “Phải giặt gấu vá vai, vay mượn lung tung, bác ạ”. Lúa trúng đầy bồ nhưng không muốn khơi gợi lòng ghen của kẻ khác, đành hư cấu: “Ngó tốt bởi bởi vậy chớ lép xẹp, chị ơi!”. Heo gà nuôi cả đàn, lớn nhanh như thổi nhưng để tránh chòm xóm dòm ngó

nên khi được hỏi thì nói khác đi: “Nuôi được mấy con đau đầu ròm ròm, không ra chi!”. Lại có chuyện ở quê, nhà làm thịt con gà nuôi được nhưng phải lấy kéo cắt, thay vì lấy dao thớt băm chặt. Ăn của mình mà phải dầm dúi khuấy tất như ăn vụng là bới... sợ hàng xóm “nội soi”... Suy từ lòng mình, lão dự cảm những khuấy tất của lòng người. Không thể giải bày cùng con, lão ngồi lặng trong mừng lo phấp phỏng trước ý định in sách của nó.

4 Chuyện văn chương của con khiến lão Tuần càng nhớ người bạn tên Chinh. Từ ngày Chinh nghỉ hưu “non”, lão biết tin về anh qua bạn bè. Để phụ vào đồng lương hưu ít ỏi cộng với gánh hàng xén của vợ, lúc đầu anh nuôi heo và chim cút. Phố phường chật hẹp, mùi hôi từ chuồng trại khiến bà con xung quanh khó chịu nên anh giải nghệ; đi làm bảo vệ cơ quan. Hết việc, anh chuyển qua trông xe cho nhà hàng. Một lần, lão cùng đồng nghiệp gặp nhau cuối tuần ở quán nhậu, tình cờ gặp Chinh. Anh gầy đen đi nhiều nhưng nụ cười vẫn hết cỡ như xưa; “hàng tiền đạo” sớm rụng gần hết nên anh cười trông thương thương. Lấy mũ lau vội mồ hôi ròn ròn trên mặt, anh hồ hởi bắt tay bạn cũ khắp lượt rồi lật đặt quay sang đưa xe vào, dắt xe ra. Được mời cùng vui, anh “zô, zô” cấp tập mấy li rồi đứng lên từ tốn: “Tôi phải ra trông xe”.

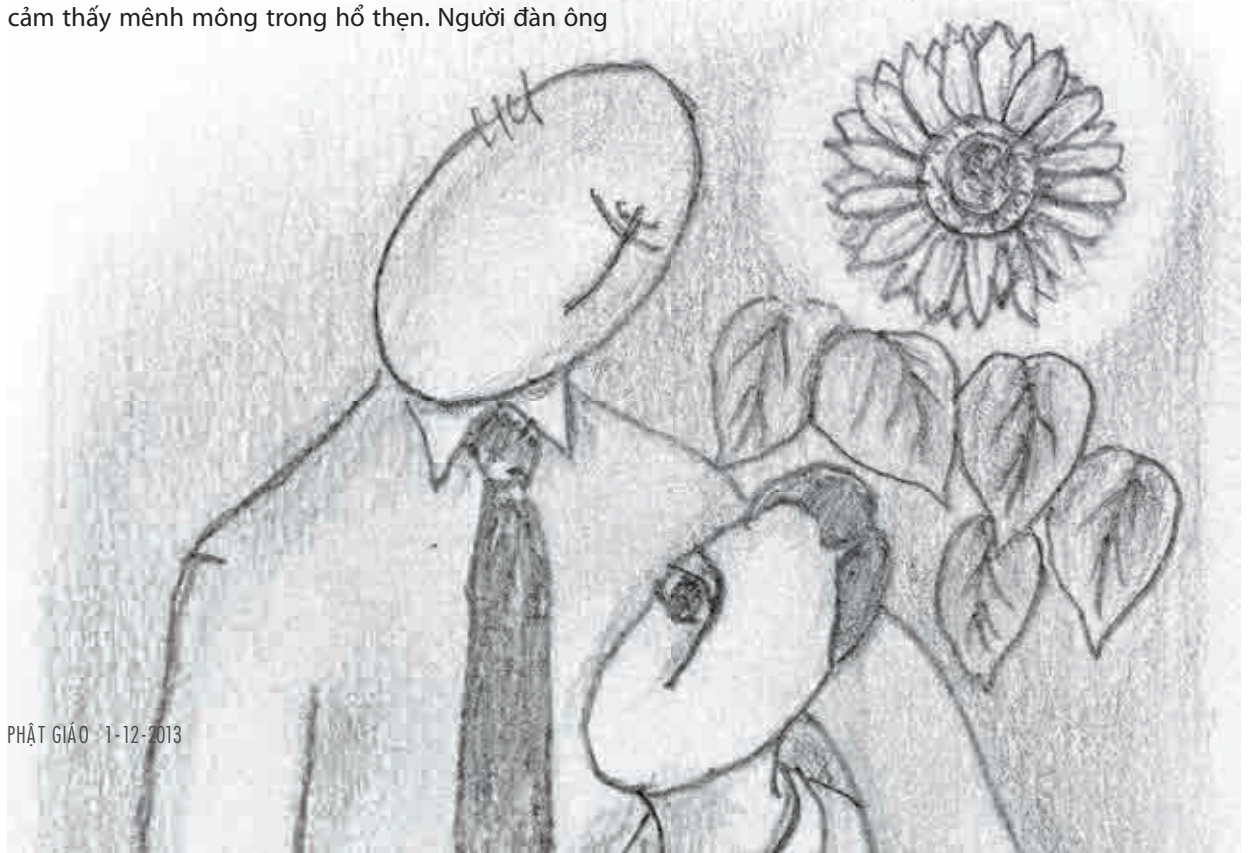
Lão còn biết, đêm đêm anh vẫn lặng lẽ cùng trang viết. Là mặc bao chuyện buồn, vẫn anh vẫn tràn đầy yêu đời, yêu người. Lão thường ngắm soi những sáng tác của anh trên báo nhưng chẳng thấy buồn chán ẩn sau trang viết như lão tưởng. Với giọng văn giản dị và trong sáng, hẳn anh đã truyền được tin yêu của lòng mình đến với bao người. Đằng sau vẻ tự tin ấy, chắc hẳn là bản lĩnh sống vững vững đến vô tận. Lão tự vấn, cảm thấy mệnh mông trong hổ thẹn. Người đàn ông

mà toàn thân toát lên sự lam lũ ấy bỗng dung khiến lão choáng mỗi khi đối diện! Những lần sau đó, khi đồng nghiệp rủ đi nhậu ở quán bờ sông, nơi Chinh trông xe, lão nhất mực từ chối. Mọi người lấy làm lạ, căn vặn nhưng lão làm sao có thể nói thật rằng, nhìn người bạn ấy, lão lại day dứt, không thể yên lòng dung nạp những thức ngon.

5 Lão Tuần vui lắm khi cầm trên tay cuốn sách vừa in xong của con trai. Lông ngóng mở từng trang, lòng lão rộn lên niềm vui khó tả. Niềm vui nối dài kỳ vọng khiến lão liên tưởng viễn cảnh tốt đẹp đang chờ người con yêu. Viễn cảnh ấy như chấp cánh cho niềm vui của lão.

Phúc cho biết, khoa ngữ văn mà Phúc đang học vừa có buổi tọa đàm về cuốn sách đầu đời của nó. Và nữa, trên các báo cũng có bài giới thiệu cuốn sách này. Cùng với gửi sách, con trai lão gửi cha các bài phê bình dành cho sáng tác của nó. Đây là ý kiến thầy dạy con lão, in trên nội san của trường: “Tôi rất vui khi cầm cuốn sách anh Phúc tặng. Mấy chục năm nghiền cứu giảng dạy, tôi chưa làm được điều người học trò mình đã làm. Nhưng còn gì vui hơn khi thấy trò hơn thầy. Tôi mong anh sớm vượt qua chính mình để có những thành công mới”. Lão bất ngờ đến sững sờ khi thấy bài “Một cuốn sách đáng đọc” của Chinh - người bạn từng cho máu cứu lão năm xưa in trên tờ báo tỉnh. Lời kết trong bài viết: “Đây là cuốn sách hay, rất đáng quý. Càng quý hơn khi tôi biết tác giả của nó đang là sinh viên”.

Không vui, cũng không còn nghĩ về con trai và tác phẩm của nó, những dòng cuối trong hai bài viết ấy khiến lão Tuần giật mình rồi ngồi lặng. Lòng lão lại như có sóng nhưng những con sóng này được sinh ra từ hướng khác... ■



...thành Sơn...

NGÔ THẮN CHI

Khi viết câu thơ trữ tình “*Em ở thành Sơn chạy giặc về...*” hẳn nhiên nhà thơ Quang Dũng (1921-1988) nói về một người phụ nữ từng ở thành Sơn Tây. Quang Dũng sinh ra và lớn lên ở Đan Phượng, một vùng đất thuộc phủ

Hoài Đức tỉnh Hà Đông dưới thời thuộc Pháp nhưng trước đó đã thuộc tỉnh Sơn Tây, trấn Sơn Tây hay Sơn Tây thừa tuyên, cách thị xã Sơn Tây không xa. Là một nhà thơ chiến sĩ, hẳn là Quang Dũng cũng từng lang thang trên những con đường trong thành Sơn Tây; và phải chăng cảnh quan của thành này có góp phần nuôi dưỡng cái tâm thức lãng mạn hào hùng của ông? Quả thật, thành Sơn Tây có sự hấp dẫn tự thân, nhưng có thể nói, qua hình ảnh lung linh của người phụ nữ thành Sơn trong bài thơ *Đôi mắt người Sơn Tây* của Quang Dũng, sự quyến rũ của tòa thành còn được nâng lên gấp bội, mời gọi bước chân lữ khách.

Theo *Phương Đình Diệt địa chí* của Nguyễn Văn Siêu (1799-1872) thì Sơn Tây là đất Phong Châu xưa, vua Hùng đã đặt quốc đô ở đây. Dưới thời nhà Đường (518-907), Sơn Tây thuộc Phong Châu đô hộ phủ. Đến thời tự chủ, các nhà Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009) và Lý (1009-1225) đều đặt làm châu, nhà Trần (1225-1400) đặt làm lộ, nhà Hậu Lê (1428-1789) gọi là Sơn Tây thừa tuyên; sang đến nhà Nguyễn, vua Gia Long (1802-1820) đặt làm Sơn Tây trấn, vua Minh Mạng (1820-1841) gọi là tỉnh và đặt chức Sơn Hưng Tuyên tổng đốc quản hạt cả ba tỉnh gồm Sơn Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang. Nơi đây có làng Đường Lâm, được gọi là đất hai vua vì là quê hương của Bồ Cối đại vương Phùng Hưng (?-791) và Ngô vương Quyền (898-944). Lỵ sở của tỉnh Sơn Tây nguyên thuộc xã Cam Giá huyện Phúc Lộc (thời Minh Mạng đổi là huyện Phúc Thọ).

Theo *Đại Nam thực lục chính biên* đệ nhị kỷ, trong thời gian vua Minh Mạng tuần du Bắc thành từ 15 tháng Mười đến 30 tháng Chạp năm Tân Tỵ (từ 9-11-1821 đến 22-01-1822) thì đề huyện Phúc Lộc tỉnh Sơn Tây bị sạt lở, nhà vua cho đắp lại và bảo quan Giám thành xem xét chọn địa điểm dời lỵ sở tỉnh Sơn Tây đến chỗ khác. Sau khi trở lại kinh thành, khoảng tháng 4-1822, nhà vua quyết định dời tỉnh lỵ của Sơn Tây về hai xã Thuận Nghệ và Mai Trai rồi cho xây dựng một tòa thành theo kiểu kiến trúc quân sự để đáp ứng vai trò một trong tứ trấn, làm phen giậu về phía Tây cho

Thăng Long Bắc thành, từ đó mà có thành Sơn Tây. Đến nay, sau 191 năm tồn tại, tòa thành này vẫn còn giữ được dáng dấp ban đầu so với rất nhiều tòa thành khác đã được xây dựng rải rác trên khắp đất nước ta, được gọi là thành cổ Sơn Tây.

Trong giai đoạn người Pháp chiếm Việt Nam, mặc dù thất bại do tương quan kỹ thuật quân sự của thời đại, thành Sơn Tây đã có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn bước chân quân xâm lược. Ngay trong trận thực dân Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất (1873) khiến Nguyễn Tri Phương (1800-1873) bị bắt rồi nhịn ăn mà chết, quân trú phòng của Nam triều từ Sơn Tây cũng đã phối hợp với quân Cờ Đen tổ chức một cuộc phục kích thành công trên đoạn đường Hà Nội - Sơn Tây để tiêu diệt kẻ cầm đầu cuộc tấn công ấy là viên đại úy Francis Garnier.

Vào năm Quý Mùi 1883, Việt Nam ở trong một tình thế vô cùng rối ren. Kế hoạch xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp đã được thực hiện đến năm thứ 25 (1858-1883). Toàn thể Nam Kỳ đã rơi vào tay thực dân Pháp. Trung Kỳ thường xuyên bị uy hiếp. Bắc Kỳ đã bị tấn công đến lần thứ hai; lần thứ nhất nhằm tạo áp lực để triều đình Huế phải ký Hiệp ước Giáp Tuất 1874 công nhận quyền lợi thực dân Pháp ở Nam Kỳ, lần thứ hai vào năm 1882 để đòi hỏi triều đình Huế thực thi hòa ước ấy và nếu có cơ hội thì chiếm toàn bộ Bắc Kỳ và cả Việt Nam. Suốt thời gian đó, nội loạn vẫn bùng lên ở nhiều nơi trên những phần đất còn thuộc Nam triều. Trước sự đe dọa của người Pháp, triều đình Huế đã tích cực dẹp yên nội loạn; một trong những thành công của cố gắng này là loại trừ được giặc Tàu ô ở vùng ven biển cực Bắc và thu phục nhóm quân Cờ Đen do Lưu Vĩnh Phúc cầm đầu. Lưu Vĩnh Phúc được phò mã Hoàng Tá Viêm (1820-1909) tâu với vua Tự Đức xin phong cho làm Lãnh binh thống lãnh quân Cờ Đen; về sau, nhóm này đã tỏ ra xứng đáng với niềm tin của triều đình Huế. Ngày 25-4-1882, Henri Rivière, cấp bậc đại tá, chỉ huy quân Pháp đánh thành Hà Nội. Mặc dù đã chuẩn bị đối phó nhưng Tổng đốc Hoàng Diệu (1828-1882) không thể làm gì hơn trước sức mạnh quân sự của thực dân Pháp, đành tuân tiết theo thành. Thất thủ thành Hà Nội lần này đẩy triều đình Huế vào thế cầu viện nhà Thanh. Quân lính Thanh triều tràn qua biên giới phối hợp với quân Nam triều và quân Cờ Đen để chống Pháp, đặt dưới quyền



Nguồn: baohaiquan.vn

tiết chế của Hoàng Tá Viêm lúc ấy đồn trú tại thành Sơn Tây, chỉ huy khoảng 7.000 binh sĩ. Quân Cờ Đen khoảng 3.000 người và quân Thanh triều khoảng 1.000 người đóng ở vòng ngoài. Lực lượng Việt Nam áp sát bao vây Hà Nội với dự định tái chiếm thành và một lần nữa, đã phục kích quân của Henri Rivière trên đường Hà Nội-Sơn Tây rồi tiêu diệt viên đại tá này tại Ô Cầu Giấy giữa tháng 5-1883. Trước việc này, thực dân Pháp tăng cường lực lượng và điều một viên tướng sang chỉ huy việc tiêu diệt thành Sơn Tây. Giữa lúc đó thì vua Tự Đức mất (ngày 17-7-1883), triều đình Huế loay hoay với chuyện phế lập.

Ngay khi kéo quân tăng viện vào Bắc Kỳ, viên tướng Pháp sang thay Rivière là Courbet lập tức tìm cách phá vòng vây quanh Hà Nội rồi lên kế hoạch tiến đánh thành Sơn Tây. Chiến dịch đánh thành Sơn Tây của Courbet huy động tới 9.000 quân, chia thành hai đạo, một đạo theo đường bộ và một đạo ngược sông Hồng bằng những chiến thuyền hùng hậu có trọng pháo. Về phía quân trú phòng, tướng Hoàng Tá Viêm đã tận dụng kỹ thuật quân sự của các chuyên viên phương Tây xây dựng một số phòng tuyến lưu động quanh thành Sơn Tây để sẵn sàng ứng phó. Khởi hành từ Hà Nội vào ngày 11-12-1883, đến chiều tối ngày 13-12, quân Pháp đã có thể an toàn hạ trại cách tiến đồn thành Sơn chừng

năm sáu cây số mà không gặp trở ngại nào. Ngày 14-12, quân Pháp bắt đầu tấn công các phòng tuyến Việt Nam tại các làng Phù Xá, Thanh Chiểu, Linh Chiểu và Thiên Xuân bao quanh thành Sơn Tây. Những mô tả của sĩ quan Pháp tham gia trận đánh cho thấy quân Cờ Đen phản ứng mãnh liệt và gây cho quân Pháp nhiều tổn thất, trong khi quân Thanh triều và quân sĩ Việt Nam hầu như chẳng đóng vai trò nào đáng kể. Sau khi thanh toán những ổ phòng ngự là những chiến lũy lưu động bên ngoài thành trong hai ngày 14 và 15, trọng pháo của quân Pháp bắt đầu nã vào thành Sơn Tây từ trưa ngày 16 và đến năm giờ chiều thì cửa thành phía Tây (ta gọi là cửa Hữu) bị chiếm, quân Pháp thận trọng tiến vào thành. Lúc này, quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc cũng đã rút vào thành nhưng mấy tiếng đồng hồ sau đó đã nhân đêm tối mà triệt thoái khỏi Sơn Tây cùng với lực lượng của Hoàng Tá Viêm. Trong việc bình định miền Bắc của thực dân Pháp, trận đánh thành Sơn Tây được các sử gia Pháp coi là khó khăn và thiệt hại nhiều nhất. Sau 61 năm đóng vai trò phen giậu cho thủ phủ Bắc kỳ, thành Sơn Tây rơi vào tay người Pháp. Chiếm được Sơn Tây, quân Pháp nhanh chóng bình định các tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên và Hưng Hóa, rồi buộc Nam triều ký Hòa ước Giáp Thân vào ngày 6-6-1884, hoàn thành việc bảo hộ Việt Nam về mặt công

pháp quốc tế.

Đến nay là đúng 130 năm từ ngày thành Sơn Tây thất thủ. Theo thư tịch cổ, thành này có chu vi 326 thước 7 thước (1.306,8m), tường thành cao 1 thước 4 thước (4,4m); hào nước bao quanh thành chạy dài 448 thước (1.792m), rộng 6 thước 7 thước (26,8m) và sâu 1 thước (4m).

Đây là một tòa thành quân sự do người Việt Nam xây. Sử ghi, vị Giám đốc công trình xây dựng này là Phó thống Thập cơ Tả quân Vũ Văn Thân, điều động 2.000 quân binh thuộc Bắc thành thực hiện dưới thời Minh Mạng, năm 1822 như trên đã nói. Thành được xây bằng gạch đá ong, một loại vật liệu đặc thù của vùng Sơn Tây; người ta đã lấy loại đất đặc biệt ở vùng này làm thành những viên gạch xinh xắn; sau khi phơi khô, gạch có màu đỏ gan gà và có những lấm tấm rỗ như tổ ong. Thành có hình tứ giác có mặt cắt hình thang, chân thành rộng 6m, mặt thành rộng 4m, có nhiều lỗ ở phía trên để cho quân lính nấp phía trong bắn súng ra ngoài hoặc dùng giáo mác có cán dài đâm đối phương khi chúng trèo lên tường thành. Thành có bốn cổng chính: phía Nam gọi là cổng Tiền; phía Bắc là cổng Hậu; phía Đông là cổng Tả và phía Tây là cổng Hữu. Mỗi cổng ở phía trên đều có lầu canh (vọng lâu) và chỉ có một lối ra vào. Hào nước quanh thành được nối ra sông Tích ở góc thành phía Tây nam. Một lớp vòng thành phía ngoài được đắp bằng đất cao 3,5m, hình ngũ giác, bên ngoài có lũy tre gai dày đặc bao bọc. Thành ngoài cũng mở bốn cổng trông ra bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc. Trong thành, các công trình quan trọng đều được xây dựng đối xứng trên trục trung tâm Nam-Bắc. Chính giữa là Hành cung có cổng mở về hướng Nam, là nơi nghỉ của vua mỗi khi đi tuần thú; đây cũng là nơi hàng năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu, các quan trong trấn tập trung tế lễ hoặc bái vọng mỗi khi có chiếu chỉ của nhà vua ban xuống. Phía trước là một sân rộng lát gạch, phía ngoài cổng có bức bình phong xây bằng gạch, đắp hình nổi "long vân khánh hội" bằng vôi vữa. Tiếp đó là Đoan môn có ba cửa ra vào, nhìn thẳng ra Kỳ đài (cột cờ) xây trên một bệ hình chóp vuông cụt bằng đá ong, cao khoảng 18m. Về phía Tây là Võ miếu, nơi thờ các tướng sĩ đã anh dũng hy sinh trong khi chiến đấu bảo vệ đất nước. Ở bốn góc thành, xưa kia có bốn giếng nước hình vuông to, xây bậc xuống tận đáy bằng đá ong, sâu khoảng 6m, quanh năm cung cấp nước ăn cho quân lính trong thành và nhân dân trong trấn lỵ. Bên cạnh đó là dinh thự và công đường của các quan đầu tỉnh: Tổng đốc hay Tuần phủ, Bố chánh hay Án sát, Đề đốc, và Đốc học. Ở phía đông của Hành cung là trại giam, kho lương và có nơi cho vợ con của binh lính ở.

Về việc Hành cung thành Sơn Tây được gọi là điện Kính Thiên, có tác giả nêu nghi vấn rằng điện Kính Thiên chỉ có thể là một kiến trúc ở kinh đô thời phong kiến; thành Sơn Tây chỉ là một tòa thành nhỏ, không

thể có điện Kính Thiên. Nhưng cũng có một tác giả khác nêu ý kiến, chính vì Sơn Tây được coi là đất hai vua, do đó, khi xây dựng thành này, người giám đốc công trình đã muốn xoa dịu lòng người sở tại mà cho xây dựng hành cung với hình dáng của điện Kính Thiên. Thực ra, theo Quốc sử quán triều Nguyễn thì khi đến Bắc thành vào năm 1821, vua Minh Mạng có tiếp sứ nhà Thanh tại điện Kính Thiên ở Bắc thành, như vậy, điện Kính Thiên không phải chỉ có thể có ở kinh đô mà cũng còn có thể có ở các hành cung lớn khác. Có thể nhận định rằng dưới thời nhà Nguyễn, tòa nhà chính trong thành Sơn Tây chỉ là một hành cung, và người ta cũng vẫn gọi là Hành cung. Nhưng ngày nay, người ta vẫn có thể xem đó là điện Kính Thiên để thỏa lòng tự hào về quê hương của mình.

Sau khi chiếm và đô hộ Bắc Kỳ, người Pháp dùng chính sách chia để trị, chia nhỏ các tỉnh các trấn các lộ thời trước để thành lập những đơn vị hành chính mới. Từ năm 1886 đến năm 1890, hàng loạt những nghị định của chính quyền thực dân đã chia tách những huyện thị của Sơn Tây để thành lập các tỉnh mới. Sơn Tây chỉ còn lại sáu huyện và một thị xã, vị trí một trọng trấn của Sơn Tây không còn nữa. Tuy nhiên, thành cổ Sơn Tây luôn luôn ở trong tâm khảm những người con ưu tú của đất nước đã góp phần xương máu trong công cuộc kháng chiến chống Pháp. Ngay từ những ngày đầu chuẩn bị kháng chiến, thị xã Sơn Tây đã là nơi đặt trụ sở của Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn nhằm đào tạo các cán bộ chỉ huy cấp trung đội và đại đội có đủ kiến thức cơ bản về quân sự và có năng lực làm công tác chính trị trong quân đội với những vị lãnh đạo ban đầu như Hoàng Văn Thái (1915-1986), Hoàng Đạo Thúy (1900-1994), Lê Thiết Hùng (1908-1986), Trần Tử Bình (1907-1967)... Đây là ngôi trường tiền thân của Trường Sĩ quan Lục quân và nay là Trường Đại học Trần Quốc Tuấn. Thị xã Sơn Tây còn là nơi đặt trụ sở của Trường Sĩ quan Pháo binh được thành lập vào năm 1957, cũng do Lê Thiết Hùng làm vị Hiệu trưởng đầu tiên. Trong lúc được đào tạo ở trường, các học viên thường xuyên lui tới thành cổ Sơn Tây; không những thế, các giáo viên của Trường Sĩ quan Pháo binh sau này có lúc còn lấy thành cổ Sơn Tây làm nơi ăn nghỉ trong thời gian giảng dạy tại trường.

Đến thành cổ Sơn Tây để nhớ lại những năm tháng đau thương và hào hùng của dân tộc. Đến thành cổ Sơn Tây cũng để ngẫm lại lẽ hưng vong của đất nước. Cũng quê hương ấy, con người ấy, khi Pháp vào chiếm nước ta, sao mà yếu đuối bạc nhược; nhưng khi quyết tâm vùng lên đánh đuổi thực dân, sao lại lẫm liệt hào hùng? Phải chăng, lòng dân luôn luôn nằm ở niềm tin đối với người lãnh đạo? Khi người lãnh đạo khiến cho dân có niềm tin vào lòng yêu nước thương dân của mình thì dù bất cứ nơi đâu *vẫn trấn em vẫn cứ mang trời quê hương*. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Trua Chủ nhật đầu tháng 11 vừa rồi, một người bạn có công chuyện gấp tôi mượn tôi chiếc xe gắn máy. Tôi rất vui lòng đưa xe cho bạn mượn; lại nữa, vì xe vừa mới được đổ đầy bình xăng, tôi còn dặn bạn là phải đổ xăng thêm. Mãi tới hơn ba giờ chiều anh ấy mới mang xe về trả, và chiếc xe bị bầm dập hơi nặng; hai chiếc đèn xi-nhan ở phía trước xe vỡ nát, chỉ còn tro mấy mảnh chụp đèn bằng nhựa cứng dính toong teng vào hai cái chóa đèn. Anh ấy cho biết vì phải tránh một đứa nhỏ chạy ẩu mà anh ấy phải lúi vào một gốc cây, chiếc xe ngã xuống, anh ấy cũng bị trầy trụa chân tay. Tôi không nói gì nhưng trong lòng cảm thấy khó chịu và cố nén không để lộ ngoài mặt, sợ bạn buồn. Khoảng năm giờ chiều, tôi mang xe đi sửa. Chỗ sửa xe gần chùa Pháp Vân trên đường Nguyễn Văn Đậu. Người thợ sửa xe cho biết phải chỉnh lại cả tay lái và kéo giãn cần sang số đã bị cong vẹo chút đỉnh. Tôi hơi bức. Trong lúc chờ sửa xe, tôi vào ngồi uống cà-phê ở ven đường. Đường buổi chiều Chủ nhật khá vắng mặc dù khu này đầy những hàng quán. Trên đường thỉnh thoảng lại thấy những chiếc áo màu lam tà tà đi về phía chùa Pháp Vân, lòng tôi dần dịu xuống. Được một lát, tôi bỗng nghe tiếng chuông chùa vang lên; âm thanh dịu dịu lan tỏa giữa những tiếng ồn vừa phải trên một con phố tương đối vắng của một buổi chiều Chủ nhật. Tự nhiên, tôi cảm thấy lòng mình thật nhẹ nhàng. Khi tiếng chuông tắt hẳn, tôi đã tìm lại được sự thanh thản. Tôi nghĩ, mình thật vô lý. Đã cho bạn mượn xe mà lại có vẻ như giận bạn khi bạn làm hỏng xe. Anh ấy có muốn thế đâu? Và cũng còn may, nếu như anh ấy gặp tai nạn nặng hơn thì sao? Tất cả mọi bức dọc của tôi liên quan đến việc anh bạn mượn xe hoàn toàn biến mất. Hình ảnh những người đi chùa ngày Chủ nhật và nhất là tiếng chuông thanh thoát vọng lên đã giúp tôi trở về với giáo lý của Đức Phật; đã cảnh tỉnh tôi giúp tôi xóa sạch phiền não. Xin cảm ơn đạo tràng chùa Pháp Vân ngày hôm ấy. Xin cảm ơn tiếng chuông chùa ngày hôm ấy.

Trần Đức Tâm, Bình Thạnh, TP.HCM

Sáng Chủ nhật tôi đưa bà xã đi chợ. Gọi là chợ chứ thật ra người ta bày hàng bán ở hai bên lề đường trên một con đường nhánh của đường Phạm Văn Chiêu, Gò Vấp. Tôi cứ chạy xe chậm chậm, bà xã bảo dừng lại đâu thì tôi tấp vào đó để bà ấy mua hàng; mua hàng xong, bà ấy lại đưa cho tôi giữ, tôi máng lên hai chiếc móc treo hàng của xe lúi lủi những túi ny-lông chứa đủ thứ từ trái cây, rau củ đến những loại thực phẩm công nghệ. Có lúc chạy qua khỏi một gian hàng nào đó rồi, bà xã tôi mới bảo tôi quay lại vì lúc chạy xe qua bà ấy chưa kịp quyết định có nên mua hay không. Con đường hẹp, đông người, mà lại lầy lội, tôi cố tránh không để bùn đất văng lên. Đến một chỗ, bà ấy vào sâu trong mấy gian hàng sát lề đường, tôi đứng chờ phía ngoài. Bỗng một cậu thanh niên lái một chiếc xe gắn máy mà yên sau có đặt thêm hai thanh gỗ chỗ hàng chạy vụt qua, đầu một thanh gỗ ló ra ngoài hơi nhiều đã sượt qua đầu chiếc xe của tôi và tôi kịp thời phản ứng bẻ tay lái để tránh. Than ôi, cái cú bẻ tay lái của tôi mạnh quá, làm văng mấy bịch ny-lông móc hồ trên xe. Chưa kịp xuống xe nhật nhanh thì hai ba người phụ nữ đi chợ trông thấy thế đã cúi xuống nhặt lên từng món một giúp tôi, tôi chỉ việc ngồi trên xe nhận lại rồi móc vào xe như cũ. Ngay khi tôi thu hồi xong đủ những hàng hóa đã đánh rơi thì bà xã tôi từ gian hàng ở sâu phía trong bước ra. Thật là may, bà ấy không hề biết là tôi đã đánh rơi hàng hóa. Xin cảm ơn sự giúp đỡ rất tự nhiên của những người phụ nữ đi chợ hôm ấy.

Phạm Văn Thành, quận 12, TP.HCM



TẬP ĐOÀN HOA SEN TÀI TRỢ 1,5 TỶ ĐỒNG CHO QUỸ AN SINH XÃ HỘI HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Vào lúc 10h00 ngày 12/11/2013 tại phòng Sài Gòn, Khách sạn Kim Đô, 133 Nguyễn Huệ, quận 1, TP.Hồ Chí Minh, buổi công bố tài trợ giữa Tập đoàn Hoa Sen và UBND huyện Phước Long, Bạc Liêu đã diễn ra hết sức trang trọng. Theo đó, Tập đoàn Hoa Sen ký kết tài trợ cho Quỹ An sinh xã hội số tiền 1,5 tỷ đồng nhằm mục đích xây dựng nông thôn mới cho huyện Phước Long, Bạc Liêu.

Đến tham dự lễ ký kết có ông Phan Thành Đông - Chủ tịch UBND huyện Phước Long. Về phía Tập đoàn Hoa Sen, có sự hiện diện của ông Lê Phước Vũ - Chủ tịch HĐQT và ông Trần Ngọc Chu - Tổng Giám đốc cùng sự góp mặt của các đại diện khách mời và đông đảo các phóng viên báo, đài.

Được biết, huyện Phước Long là một huyện nông thôn sâu của tỉnh Bạc Liêu, được Trung ương chọn là một trong 5 huyện chỉ đạo điểm của cả nước về xây dựng nông thôn mới

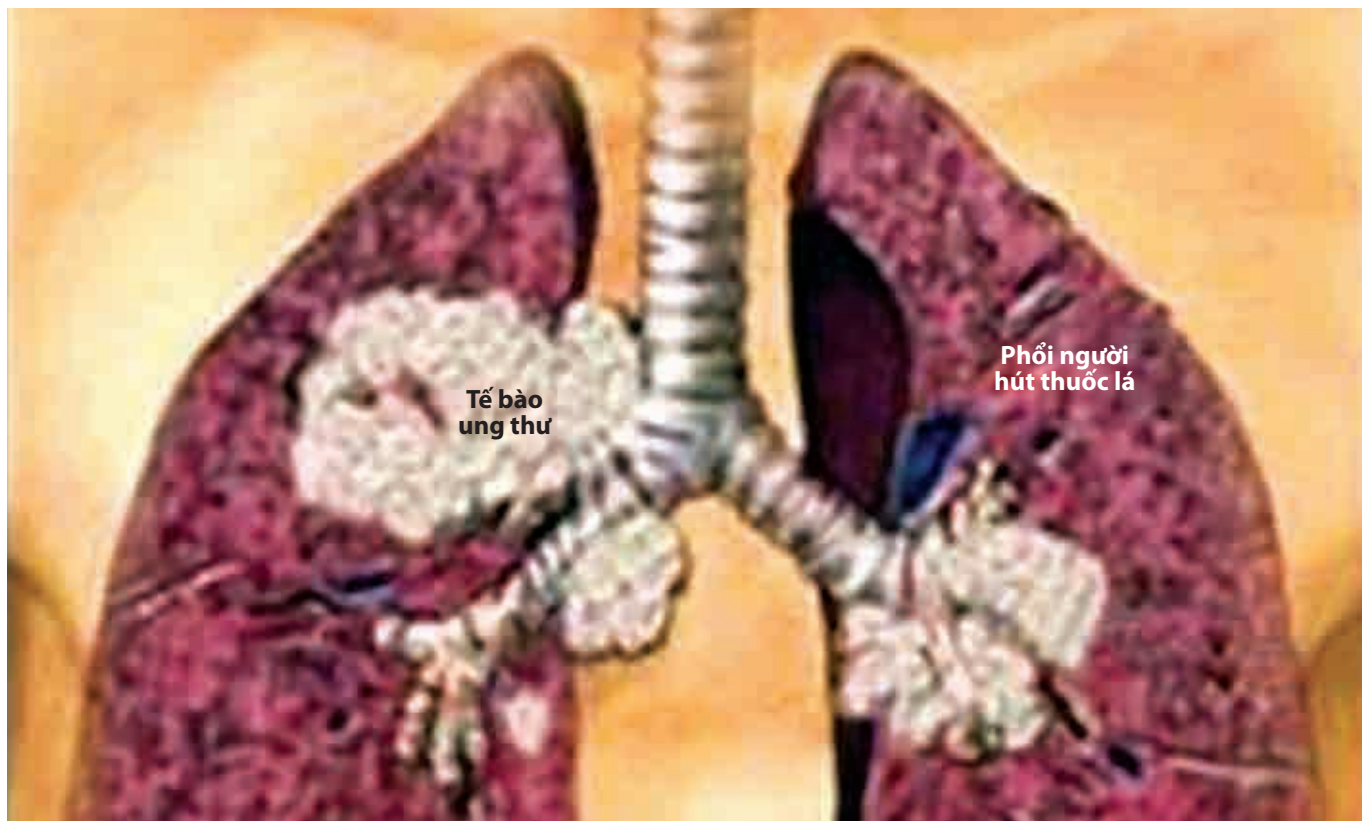
giai đoạn 2010 - 2015 theo Quyết định 491 của Thủ tướng Chính phủ. Sau 3 năm thực hiện, hiện tại huyện đã có 1 xã đạt 18/19 chỉ tiêu, 1 xã đạt 17/19 chỉ tiêu. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2015, huyện sẽ đạt tiêu chuẩn nông thôn mới với 7 xã đạt 19/19 chỉ tiêu đề ra.

Quỹ An sinh xã hội được thành lập từ tháng 3/2013, được quản lý và vận động bởi UBND huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nhằm sử dụng cho việc đầu tư vào các công trình xây dựng cầu bê-tông cốt thép, trường học, trạm bơm điện; phục vụ cho sản xuất của huyện. Qua 6 tháng triển khai thực hiện, được sự quan tâm của các công ty, tổ chức và sự hưởng ứng của nhân dân trong huyện, hiện nay quỹ đã có nguồn kinh phí trên 50 tỷ. Với nguồn kinh phí này, huyện Phước Long đang chú trọng vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, đồng thời từng bước nâng cao đời sống cho người dân trong thời gian sắp đến.

Ung thư phổi là một trong những bệnh lý gây tử vong hàng đầu ở nam giới, hằng năm có hàng trăm nghìn người mắc mới và tử vong do căn bệnh này. Ở phụ nữ, số người mắc và chết vì ung thư phổi cũng rất cao.

Ung thư phổi

Bác sĩ HỒ VĂN CƯỜNG



Dấu hiệu ung thư phổi

Phổi có vai trò chính là đưa ô-xy từ không khí vào và thải khí CO_2 ra khỏi cơ thể. Có nhiều yếu tố gây ra ung thư phổi. Hút thuốc lá là nguyên nhân chính – phần lớn những trường hợp mắc ung thư phổi là hậu quả của việc sử dụng thuốc lá, nhất là những người nghiện thuốc lá thì nguy cơ ung thư lại gia tăng tỷ lệ theo số thuốc hút và thời gian đã hút. Những người hút từ 2 gói thuốc lá trở lên mỗi ngày thì trung bình cứ 7 người sẽ có 1 người chết vì ung thư phổi.

Hút thuốc láo và xì-gà cũng có nguy cơ gây ung thư phổi, mặc dù không cao bằng hút thuốc lá. Theo một số thống kê của các chuyên gia về ung thư, ở người hút thuốc mỗi ngày 1 gói thuốc lá thì nguy cơ mắc ung thư phổi cao gấp 25 lần người không hút thuốc; nếu hút thuốc láo và xì-gà thì nguy cơ mắc bệnh này cao hơn người không hút thuốc khoảng 5 lần.

Trong khói thuốc có chứa hơn 4.000 hợp chất hóa học và rất nhiều chất trong số đó đã được các nhà khoa học chứng minh là nguyên nhân gây ra ung thư.

Hút thuốc thụ động cũng có nguy cơ mắc bệnh rất cao. Đây là trường hợp người không hút thuốc nhưng lại hít phải khói thuốc lá của người hút thuốc, là một nguyên nhân làm cho tế bào ung thư phát triển để gây bệnh ung thư phổi. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, những người không hút thuốc sống cùng người hút thuốc thì nguy cơ mắc ung thư phổi gần gấp 4 lần so với sống cùng người không hút thuốc.

Tiếp nữa là amiăng – là những sợi silicat rất nhỏ và nhẹ mà mắt người không thể nhìn thấy được, chúng thường có

trong không khí ở những nơi xây dựng, ở những công trình đang đập phá, sửa chữa. Khi hít phải chúng có thể sẽ dẫn đến bệnh ung thư nhưng trong một thời gian dài khoảng 20-30 năm sau đó. Với những công nhân xây dựng thường xuyên phải tiếp xúc với amiăng thì nguy cơ mắc ung thư phổi cao gấp 5 lần người không làm việc trong môi trường này. Và hơn thế nữa, nếu người thường xuyên tiếp xúc với amiăng mà hút thuốc lá thì nguy cơ mắc bệnh ung thư phổi tăng gấp 50 lần những công nhân chỉ tiếp xúc với amiăng.

Người mắc bệnh phổi mãn tính, nhất là lao phổi có nguy cơ làm tăng sự phát triển của ung thư phổi gấp 4 - 6 lần so với nguy cơ của một người bình thường. Ô nhiễm không khí cũng là một trong những nguyên nhân gây bệnh ung thư phổi như các loại khói bụi từ các phương tiện giao thông, các khu công nghiệp, các nhà máy điện... cũng có thể làm tăng nguy cơ mắc bệnh này. Nếu tiếp xúc với không khí ô nhiễm nặng trong thời gian dài thì nguy cơ mắc ung thư phổi sẽ tăng cao như ở những người hút thuốc lá thụ động.

Các biểu hiện của bệnh như: thường đau tức ngực nhưng lại không có điểm đau xác định và kiểu đau giống viêm dây thần kinh liên sườn. Có khi đau quanh bả vai mặt trong cánh tay. Đặc biệt hiện tượng khó thở, khó nói, giọng khàn, ho ra máu, khó nuốt, gầy sút, sốt nhẹ... là những dấu hiệu đáng kể của bệnh. Những người có các yếu tố trên nên đi khám bệnh càng sớm càng tốt.

(Nguồn: Báo Thanh Niên số 308 (6526))

Tác phẩm Cửu Long - đá mã não VN - cao 3.5m, nặng 5 tấn

Tác phẩm Lương Long - đá mã não VN - dài 2m, nặng 5 tấn

Sản phẩm đá quý của COASTAL GEMS được bán tại:
 Showroom COASTAL GEMS: 86 Nguyễn Hồng Đào, P.11, Q. Tân Bình, Tel: 0938849886 - 0722996668
 Chuyên: trang trí, tượng Phật, tư liệu
 COASTAL GEMS - GEMSTONE FOR HOME DECORATION
 Website: www.coastalgems.com.vn

COASTAL GEMS
THE GIFTS FOR THE SOULS

BẢO LONG CHUỖI GỖ

Chuyên: Sản Xuất & Phân Phối
CHUỖI GỖ CÁC LOẠI

47/14 - Đường 12 - Kp4 - P. Tam Bình - Q. Thủ Đức
ĐT: 090 88 77 912



Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
 Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
 Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
 Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

Thông báo về giai phẩm

Xuân Giáp Ngọ - 2014

Giai phẩm Xuân Giáp Ngọ - 2014 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành trước ngày 15-1-2014 (nhằm ngày 15 tháng Chạp năm Quý Tỵ). Với nội dung phong phú, hình ảnh đẹp, trình bày trang nhã và là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu, người thân nhân dịp xuân về.

Trân trọng kính mời chư tôn thiện đức Tăng Ni, quý Phật tử, các vị doanh nhân và quý độc giả xa gần tham gia: Đăng thiệp chúc Tết, quảng cáo sản phẩm và viết PR giới thiệu về hoạt động từ thiện và các hoạt động phục vụ của doanh nghiệp trong mùa xuân cũng như đăng ký mua giai phẩm Xuân ủng hộ nhiệt tình cho Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Giá bán giai phẩm Xuân: 42.000đ/cuốn.

Giá đăng quảng cáo: (bìa 2 và bìa 4 đã có khách đăng ký)

- Bìa 3: 8 triệu

- Trang ruột:

1 trang:	5 triệu,
1/2 trang:	2.500.000đ,
1/4 trang:	1.000.000đ,
1/8 trang - thiệp chúc Tết:	500.000đ

Vui lòng liên hệ đăng ký từ nay đến ngày 28-12-2013 với Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại: 0907 164 066 (Phát hành), 0918 032 040 (Quảng cáo) và 0913 810082 (viết PR chùa và doanh nghiệp).

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Tich Duong Audio

ĐI CHO HẾT MỘT ĐÊM HOANG VU
TRÊN MẶT ĐẤT

www.tichduong.com

Thư Chúc Mừng



Ngày 17-11-2013, tại Nhà hát Bến Thành, Q.1, TP.HCM, Hiệp hội Làng nghề Việt Nam phối hợp cùng các cơ quan tổ chức **Chương trình tôn vinh Danh hiệu Văn hóa nghệ thuật ẩm thực và Sản phẩm tinh hoa Làng nghề Việt Nam - 2013**.

Trong 157 tập thể và cá nhân được vinh danh của cả nước có 30 đơn vị và cá nhân thuộc nhóm **Sản phẩm tinh hoa Làng nghề Việt Nam - 2013** được tôn vinh, trong đó có **nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn, Xưởng Điều khắc đá Mỹ nghệ Mỹ Hào**.

Chúng tôi xin chúc mừng và mong rằng nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn luôn mãi xứng đáng với danh hiệu được tôn vinh cùng với sự tin yêu của chư tôn thiện đức Tăng Ni và khách hàng gần xa.

Trụ trì Viên Giác Thiền Tự
Tỷ-kheo THÍCH GIÁC HIẾU

Trị sự Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Thạc sĩ NGUYỄN BÔNG

Giám đốc Cty Interlog
Thạc sĩ NGUYỄN DUY MINH



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com



QUÁN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasesach@phapuyen.com

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐB: 0989 183 398

- ❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- ❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lễ:

- Móc khóa; quả lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766



Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 376/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

❑ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Sương**

○ **ĐTĐD: 0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

GIẤY CHỨNG NHẬN

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Thiên đường du lịch của Việt Nam!



Lựa chọn số một cho kỳ nghỉ 5-sao của gia đình bạn!

Chỉ mất vài phút đi từ thành phố Nha Trang - một trong những địa điểm du lịch hàng đầu Việt Nam, bạn sẽ đắm mình giữa thiên nhiên miền nhiệt đới và bờ biển hoang sơ của đảo Hòn Tre thơ mộng. Với vẻ đẹp tự nhiên, khung cảnh nên thơ và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, bạn sẽ có được những trải nghiệm thư giãn chưa từng có. Hãy đến với Vinpearl Resort Nha Trang và tận hưởng kỳ nghỉ đẳng cấp cùng gia đình bạn.

VINPEARL RESORT NHA TRANG

Đảo Hòn Tre, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: +84 58 3598 188 - Fax: +84 58 3598 199

info@vinpearlresort-nhatrang.com - www.vinpearlresort-nhatrang.com


Vinpearl Resort
NHA TRANG



LỄ PHÁT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH

TÒA SÁNG NGHỊ LỰC VIỆT

TÔN VINH NHỮNG "NICK VUJICIC VIỆT NAM"

Sống trung thực - Sống trách nhiệm - Sống nghị lực

Buổi Lễ phát động "Tòa sáng nghị lực Việt" được diễn ra trong không khí sôi nổi và hào hứng tại Hà Nội với sự tham dự của Ban Tổ chức chương trình, các khách mời đặc biệt và hơn 2.000 học sinh, sinh viên tại các trường Đại học, Cao đẳng và Phổ thông Trung học.

Điểm đặc biệt trong Lễ phát động, Ban tổ chức chính thức công bố và giới thiệu chùm ảnh Nick đến Việt Nam vào tháng 5/2013 và các tấm gương nghị lực Việt Nam. Các bạn học sinh - sinh viên không những được tham gia hội chợ triển lãm các sản phẩm của người khuyết tật, có cơ hội giao lưu cùng các nhân vật khách mời nổi tiếng và thưởng thức các chương trình văn nghệ hấp dẫn, mà còn được phổ biến về các cuộc thi của chương trình như: Làm MV lời 1 và Sáng tác lời 2 bài hát chương trình, làm Video Clip 5 phút về gương nghị lực, viết bài cho cuộc thi "Gương nghị lực Phi thường" trên Báo Thanh Niên....

Trung ương Hội LHTN Việt Nam, Tập đoàn Hoa Sen, Báo Thanh Niên và Ban Thanh thiếu niên VTV6, Đài Truyền hình Việt Nam mong muốn những hoạt động của chương trình sẽ lan tỏa, đồng thời nhận được sự hưởng ứng tham gia nhiệt tình các cuộc thi từ các bạn Thanh Niên, thổi bùng lên ngọn lửa quyết tâm và tinh thần vươn lên chiến thắng chính bản thân mình của các bạn trẻ.



Thông tin chi tiết Cuộc thi:

- Website: www.toasangnghilucviet.vn
- Fanpage: www.facebook.com/toasangnghilucviet
- Facebook: www.facebook.com/toasangnghilucviet
- Youtube: www.youtube.com/toasangnghilucviet

THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt